

SỐ 13 NGÀY 15-7-1965

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm thứ chín

VŨ BẢO *Algerie, từ Ben-Bella đến Boumédienne* *
NGUYỄN NHƯ *khuyh hướng kinh tế mới tại các nước
Cộng-sản Âu-châu* * TẠ TRỌNG HIỆP *đọc cuốn «Hiệu
chú Bích câu Kì ngộ» của Ô. Hoàng Xuân Hãn* * ĐÔNG
HỒ *chi lan đảo lý* * NGUYỄN PHƯƠNG *trở lại bài
Lịch sử Lạc Việt* * TRẦN VIÊN *góp ý cùng Ô. Nguyễn
Phương về vấn đề Hùng Vương Lạc Vương* * VÕ HỒNG
luống đất nở hoa * TÚY HỒNG *tóc mai nghìn năm* *
THANH TÂM TUYỀN *cát lầy* * **SINH HOẠT** *hai buổi
nói chuyện của văn nghệ sĩ tự do Đông Phương tại Huế* *
*Buổi hội thảo về cải thiện
giáo dục của «Lực lượng bảo
vệ thanh thiếu nhi».*

205



Thanh thoát

Fine
Dịu dàng

Racée
Tonique

NUỐC HOA
NGÔI SAO
EAU
DE
COLOGNE
L'ÉTOILE



DESORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^{te} F^{me} DES DISTILLERIES DE L'É. C. DiC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place



NUỐC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIÀ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên đề dặt kiểm
soát lại nắp chì ngửa gian
bọc ở miệng chai chính gốc
nằm phía trong nắp vặn
đỉnh ốc còn nguyên vẹn.

DiC

AIP

BÁCH KHOA

THỜI ĐẠI *trong số này*

Số 205 ngày 15 - 7 - 1965

VŨ BẢO <i>Algérie, từ Ben Bella đến Boumédiène</i>	3
NGUYỄN NHƯ <i>khuyh hướng kinh tế mới tại các nước Cộng sản Âu-Châu</i>	13
TẠ TRỌNG HIỆP <i>đọc cuốn « Hiệu chú Bích Câu Kỳ Ngộ » của Ô. Hoàng Xuân Hãn</i>	20
ĐỒNG HỒ <i>chi lan đào lý (II)</i>	27
NGUYỄN PHƯƠNG <i>trở lại bài Lịch sử Lạc Việt</i>	35
TRẦN VIÊN <i>trở lại vấn đề Hùng Vương Lạc Vương</i>	42
NGUYỄN MINH HOÀNG <i>André Maurois một người hiền ở thế kỷ hai mươi</i>	49
N.L.T. <i>Tin văn</i>	56
VÕ HỒNG <i>luống đất nở hoa (truyện ngắn)</i>	57
TÚY HỒNG <i>tóc mai nghìn năm (II) (truyện ngắn)</i>	66
THANH TÂM TUYỀN <i>cát lầy (truyện dài)</i>	75
SINH HOẠT	
NGUYỄN NGU Í <i>hai cuộc nói chuyện của tập đoàn văn nghệ sĩ tự do « Đông Phương » tại Huế</i>	79
— id — <i>Buổi hội thảo về : Cải thiện giáo dục và bài trừ ần lụt phầm đầu độc thanh thiếu niên</i>	83
N.L.T. <i>tin văn</i>	85
THỂ NHÂN <i>15 ngày tin tức</i>	86

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 56-67 Greensham Street, London, E. C, 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo.*

Hongkong : *60, Bonham Strand West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *64 South Bridge Road*

Kuala Lumpur : *14 Ampang Street.*

Algérie sau 3 năm độc-lập...

từ BEN BELLA tới BOUMEDIENNE

• VŨ BẢO

BÁO chí hồi đó gọi là một cuộc « nghị hòa ảm đạm ». Sau 7 năm rưỡi trời chiến tranh, chưa thấy người thắng, chưa thấy kẻ bại, vào tháng hai năm 1962, hai bên cử đại diện tới Svianles-Bains, ngồi vào bàn thảo-luận. Vì cả hai bên đều thối mết. Phía Algérie chết gần nửa triệu người. Pháp chết ít hơn, khoảng 20.000 người nhưng lại gặp nhiều khó khăn khác : quân đội Pháp hai lần nổi loạn, nền đệ tứ cộng hòa đổ sụp, tướng De Gaulle trở lại cầm quyền nhưng nền đệ ngũ cộng hoà cũng vẫn nghiêng ngả bên bờ nội chiến. Pháp và F. L. (Mặt Trận Giải Phóng Quốc-gia Algérie) ký thảo ước ngưng bắn trong khi tại Paris, tổ chức O. A. S. (quân Đội Bí mật) của tướng Salan vẫn còn ném bom, giạt mìn, khủng bố, gây áp lực. Theo thỏa ước ngưng bắn, Pháp sẽ phải rút lui hết quân đội ra khỏi

Algérie trong vòng 3 năm nhưng vẫn còn được giữ một số căn cứ quân sự như hải-cảng Mers-el-Kébir và nơi thử bom nguyên tử tại Reggane quyền hành ở Algérie được trao trả Ủy-Ban Hành Pháp lâm thời được thiết lập với hai nhiệm-vụ :

1— Chỉ huy một lực lượng địa-phương gồm 45.000 người để duy-trì an ninh và trật tự.

2— Tổ-chức một cuộc trưng-cầu dân ý trong đó cả người Âu lẫn người Algérie đều bỏ phiếu trả lời có hay không cho câu hỏi dưới đây :

« Bạn có tán thành cho Algérie trở thành độc lập và hợp tác với Pháp không ? »

Câu hỏi đó chỉ là một thủ tục lịch sự để gỡ thẻ diện cho nước Pháp, vì thực ra ai cũng thừa biết câu trả lời.

Sau cuộc trưng cầu dân ý, Algérie tuyên bố độc lập, quốc kỳ nửa trắng nửa xanh lá cây, có một ngôi sao và một vành trăng màu đỏ, quốc ca là bản Kassaman (chúng tôi thề) trong đó đoạn :

*« Từ bãi chiến trường, vang lên
Tiếng gọi của Tổ quốc.*

Lắng tai nghe

Và lấy máu viết câu trả lời

để lại cho thế hệ sau.

Chúng ta đã thề chết để Algérie sống.

Đầu tháng 8 năm 1962, Ben Bella trở về Algérie sau khi bị Pháp giam cầm trên 5 năm. Một rừng người cuồng nhiệt đã đón chào ông ta bằng những tiếng hô vang động « Yahai Ben Bella » (Ben Bella muôn năm). Và ngay từ lúc đó người ta đã thấy rõ dân Algérie đã biểu quyết chọn lựa người lãnh đạo mình, sau 132 năm sống trong tăm tối và tủ nhục được coi như là một quận của một mẫu - quốc ở cách đó 700 cây số bên kia bờ Địa Trung Hải, mặc dầu diện tích của quận còn rộng gấp bốn lần nước mẹ.

Ben Bella là ai ?

Nhìn ông ta mặc một cái áo len cổ cao người ta có cảm tưởng quen thuộc như đứng trước một cầu thủ bóng tròn. Ông ta sinh năm 1919 tại Marnia, một làng gần biên giới Maroc trong một gia đình tiểu thương nghèo. Thuở nhỏ vất vả, bữa đói bữa no, ông ta đã có thú đọc sách, nhất là các sách về xã - hội chủ nghĩa. Năm 24 tuổi làm cán bộ thanh-niên dưới thời Pétain và năm 28 tuổi đi lính cho quân đội Pháp.

Ông ta ở trong quân ngũ 8 năm, được nhiều lần tuyên dương, được quân



Ben Bella

công bội tinh và khi giải ngũ thì ông ta từ binh nhì đã lên được tới chức chuẩn úy. Tất cả những ai đã biết thời kỳ Pháp đô hộ xứ này chắc đều đồng ý là Ben Bella phải thông minh, can đảm thế nào nên mới được đóng chuẩn úy trong quân đội Pháp sau tám năm mặc binh phục.

Trở về làng ông ta cùng tám người bạn nữa đứng ra thành lập mặt trận F. L. N. Tuy rằng tên người Algérie khó đọc và khó nhớ chúng ta cũng nên kể ra đây vì sau này một số người đó còn giữ nhiều vai trò chính yếu trong lịch sử Algérie những năm sau này. 8 người đó là : Boudiaf, Belkacem Krim, Ben Boulaïd, Diddonche, Ben M'Hidi, Ait Ahmed, Rabab Bitat và Khider.

Sau đó Ben Bella đã tổ chức đánh cướp nhà Bưu Điện Oran lấy vào khoảng 1 triệu bạc để làm vốn cho Cách - Mạng. Ông ta bị bắt nhưng vượt được ngục trốn sang Ai-Cập thì gặp đúng lúc đại

tá Nasser đảo chính và Ben Bella đã thấy như Nasser mở cho mình một chân trời mới.

Ông ta cải trang về nước hoạt động nhiều lần nhưng vào tháng Mười năm 1956, Ben Bella đang đáp một chuyến máy bay đi Tunis thì Phòng Nhì của Pháp biết nên bắt phi công quay lại Alger và tóm được Ben Bella bỏ ngục.

Nhưng đối với nhiều chính khách, ngục tù chỉ là phòng đợi để nắm quyền bính sau này. Ben Bella đã có thì giờ trau dồi sinh ngữ, đọc rất nhiều sách và thứ nhất là thì giờ suy ngẫm để hành động khi thời cơ tới. Lúc vào tù, Ben Bella chỉ là một tay phiến loạn, nhưng khi ra tù Ben Bella quả đã trở thành một chính khách già dặn, nắm vững vấn đề đang chờ đợi mình.

Hai nguyên tắc

Ben Bella đã định nghĩa chính sách của mình bằng hai nguyên tắc:

Đối nội: chủ nghĩa xã hội

Đối ngoại: chủ nghĩa trung lập.

Ngay trong những ngày Ben Bella mới trở về nước, nhiều người đã hỏi ông ta sẽ áp dụng cho Algérie chủ nghĩa xã hội theo kiểu mẫu nào, theo Nga Sô hay theo Trung Cộng, giống Nasser hay giống Castro? Ben Bella đã trả lời:

— “Sẽ không giống riêng một ai cả, nhưng sẽ mượn của mỗi người một số ý kiến.”

Thực vậy, Ben Bella đã tạo nên một nhãn hiệu riêng cho xã hội chủ nghĩa ở Algérie.

Trước hết tại Algérie không có chỗ đứng cho đảng Cộng sản — thật là một điều mâu thuẫn khi đảng cộng sản lại không có cơ hội phát triển trong một nước xã hội chủ nghĩa. Nhưng về phương diện chính trị, Algérie đã được tổ chức với một đảng duy nhất là mặt trận quốc gia F.L.N, nên Ben Bella lên cầm quyền ngày 29 tháng 9 năm 1962 thì chỉ hơn một tháng sau, Đảng Cộng Sản bị cấm hoạt động. Hơn nữa quan niệm của Hồi giáo về con người và Thượng Đế trong đó lý do tồn tại của con người là để chứng minh toàn năng của Thượng Đế, chỉ có Thượng Đế có quyền sở-hữu, con người chỉ có quyền dụng ích (*usufruit*), quan niệm đó không thể nào chấp nhận sự xâm nhập của Cộng Sản. Thành ra có thể nói Bella đã chỉ mượn Cộng Sản lý thuyết kinh tế về thặng dư giá trị, còn đứng về phương diện triết học và đạo lý đã trung thành với truyền thống của người Hồi giáo cùng các điều dạy của Thánh Kinh.

Trên một quan niệm dân tộc về xã hội chủ nghĩa như vậy, Ben Bella đã theo đuổi hai mục tiêu chính:

— hủy bỏ mọi đặc quyền

— thực hiện cải cách điền địa.

Ben Bella đã thấy rõ là dân chúng Algérie sau gần một thế kỷ rơi bị đô hộ dằng khao khát công bằng, muốn mọi người hy sinh đồng đều và hưởng lợi không chênh lệch. Dưới thời thực dân một số người Algérie đã lợi dụng quan thầy mà làm giàu, nay người Pháp rút về thì một số người Algérie khác lợi dụng mua rẻ bán đắt chiếm đoạt những tài

sản vô chủ nên chủ nghĩa xã hội của Bella đã tấn công trước tiên vào những thành trì phong kiến đó, không cho họ kịp trở thành một tầng lớp bóc lột mới thay thế cho những thực dân đã hết thời.

Song song với việc trên, Ben Bella đã quốc-hữu-hóa những ruộng đất của người Pháp để lại và đã chi phí vào đó trên 40 triệu Mỹ kim để bồi thường cho các sở hữu chủ. Ruộng đất được trao lại cho những « ủy ban quan trị » tổ chức việc khai thác tập đoàn. Ben Bella đã đặt rất nhiều hy vọng vào công cuộc cải cách ruộng đất cho đó là một giải pháp cách mạng để tận diệt chế độ thực dân và để giải quyết sự nghèo đói của dân quê.

Mì không lợi bằng nho.

Trong khi theo đuổi chính sách cách-mạng của mình, Ben Bella đã biết tỏ ra rất thực tế, không lúc nào quên lãng tình trạng chậm tiến của Algérie.

Nhiều đồng-chí của Ben Bella đã tỏ ra nóng nảy muốn đi thật nhanh nhưng Ben Bella đã biết chứng minh cho họ hiểu là trong thực trạng kém mở mang của Algérie, có nhiều giấc mộng cần để lui lại một thời gian mới thực hiện được. Dưới đây là một thí dụ :

Trong chính phủ và trong Đảng của Ben Bella nhiều người chủ trương nhổ hết các ruộng nho đi để trồng lúa mì vì ruộng nho là tiêu biểu của thực dân. Ben Bella không chịu vì nho hiện là một quyền lợi chính của Algérie. Trồng lúa mì sẽ chỉ thu hoạch được 1 phần 5 lợi tức trồng nho mà thôi.

Cũng lại nhiều người chủ trương quốc hữu hóa các cơ sở khai thác dầu hỏa và hơi đốt của Pháp tại Sahara, nhưng Ben Bella thấy rõ Algérie còn thiếu cán bộ kỹ thuật, đi tới những biện pháp quyết liệt như vậy chỉ là bóp chết con gà đang đẻ trứng vàng.

Không liên kết mà liên kết

Sự tranh đấu thắng lợi của Algérie cho nền độc lập của mình, một chủ nghĩa xã hội riêng biệt giữ được những đặc tính dân tộc, những mối tương quan tốt đẹp với cựu đế quốc đã từng đô hộ mình, tất cả những điểm đó đã khiến cho Algérie được cảm tình đặc biệt của những nước mới độc lập và gây được nhiều uy tín đối ngoại — Ben Bella đã nhiều lần tuyên bố chính sách đối ngoại của Algérie là một chính sách trung lập không ngả về khối nào, không tham dự một liên minh quân sự nào. Nhưng khi một nước xã hội chủ nghĩa tự nhận là trung lập thì nó đã hết trung lập rồi bởi vì ít nhất nó cũng có bổn phận khuyến khích sự thành công của xã hội chủ nghĩa.

Do đó mà Algérie đã kín đáo giúp đỡ các vụ dấy loạn ở Congo hay Angola, đã công khai đón rước trên đất mình những chính phủ « xã hội » lưu vong, những đại diện của những đảng phái « tiến bộ », hay những « mặt trận giải phóng ». Hiện nay, tại Algérie có ít nhất trên 20 tổ chức như vậy tới đặt trụ sở, phát truyền đơn, ấn hành sách báo, ra thông cáo vân vân ... (Lẽ tất nhiên « Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đã không vắng

mặt). Ben Bella đã rất tự hào thấy thủ đô của Algérie trở thành "thủ đô của những người nổi dậy".

Ngay đối với khối Cộng sản, mặc dầu không muốn tỏ thái độ trong vụ tranh chấp Bắc-Kinh, Mạc Tư Khoa, mặc dầu Trung Hoa đã giúp cho Algérie vay 250 triệu quan không lấy lãi và luôn luôn cử các phái đoàn tới ve vãn, Ben Bella vẫn tỏ ý tán thành chủ trương sống chung hòa bình và tài giảm binh bị của Liên Xô và trông xa thấy rằng trong công cuộc thiết lập các kỹ nghệ nặng hay lấy về khai thác các mỏ dầu ở Sahara, chỉ có Liên Xô mới có thể giúp cho Algérie các cán bộ kỹ thuật cần thiết.

Nhưng thay đổi nhiều nhất là thái độ của Ben Bella đối với Hoa Kỳ. Lúc đầu Ben Bella rất tán thưởng chủ trương khoáng đạt của Tổng Thống Kennedy đã không chia sẻ những mối lo ngại của ngoại trưởng Foster Dulles về sự bành trướng của xã hội chủ nghĩa tại Bắc Phi và đã thực lòng giúp đỡ Algérie thu hồi nền độc lập. Nhưng chưa đầy một tháng sau khi lên cầm quyền, Ben Bella đã dành chuyến công du đầu tiên ra ngoài nước cho Fidel Castro ở Cuba khiến cho Hoa Kỳ như bị dội một gáo nước lạnh. Thực ra sự phi liên kết của Algérie với Hoa Kỳ có thể còn đưa tới những lạnh nhạt hơn nữa nếu Ben Bella không thấy cần phải liên kết với mấy trăm ngàn tấn lúa mì mà Hoa Kỳ viện trợ cho Algérie mỗi năm để nuôi dân thất nghiệp của mình.

Tổng kết 3 năm

Nhiều nước nhược tiểu đã trông chờ rất nhiều ở cuộc thí nghiệm do Ben Bella

khởi xướng tại Algérie. Bị đặt trước hai đường lối phát triển hoàn toàn trái ngược nhau, các nước đó đã không thấy đường lối của Tây phương thích ứng với thực trạng của mình mà cũng không chấp nhận được đường lối Cộng sản, nên họ đã theo rồi một cách chăm chú sự «xây dựng xã hội chủ nghĩa không phải đi qua giai đoạn Cộng sản» mà Algérie đang thực hiện.

Nhưng họ đã thất vọng. Vì ở một nước kém mở mang mỗi thu hồi độc lập như Algérie, dù có nghe theo nhịp điệu của bản quốc ca Kassaman, «Thề chết để cho Algérie sống» thì sự hi sinh cho cách mạng đó cũng vẫn chưa đủ, mà còn phải biết giải quyết các vấn đề được đặt ra. Mà những vấn đề đó thì nhiều.

Trước hết là sự ra đi của kiều dân và quân đội Pháp. Trong 10 người Pháp ở Algérie đã có 9 người trở về nước. Về phương diện chính trị, cuộc ra đi này đã không gây nên chuyện lộn sộn nào ngoại trừ sự trao đổi vài câu chữ bới viết nguyệt lịch ngoạc trên tường phố. Đại loại như câu «đối thoại» dưới đây:

— Xưa kia mày bán bánh mì ở Montmartre, bây giờ trở về Paris mày đi hốt rác có sướng không con?

— Chưa về ngay đâu, còn phải cho chị mày chữa rồi đẻ ra mấy con chuột nhắt

Sau đó tao mới xuống tàu!!»

Nhưng về phương diện Kinh tế thì sự ra đi của non một triệu người có mức sống cao đã khiến cho mãi lực dân chúng sút giảm rất nhiều. Số cầu rút đi từ 30 đến 50 phần trăm tùy theo loại

hàng và số cung cũng giảm đi rất mạnh do sự e ngại của tư bản sau những vụ quốc hữu hóa. Một số các nhà máy không có người trông nom. Một số lớn các công trường bị bỏ dở nên nạn thất nghiệp đã trở nên trầm trọng. Con số người không kiếm được việc làm tới 2 triệu người, và một nửa triệu dân Algérie đã rời bỏ quê hương, sang nước khác kiếm việc sinh sống.

Ngay việc cải cách điền địa mà Ben Bella cho là cái xương sống của cách mạng cũng không đem lại kết quả mong muốn, cho người dân quê quản trị lấy số ruộng đất của Pháp trước kia để lại cũng không làm cho họ sung sướng gì hơn, vì công xá mà Chính phủ xã hội phát không bằng tiền lương các điền chủ Pháp đã từng trả cho họ.

Nhưng trở ngại lớn nhất là Chính quyền xã hội không đủ cán bộ và không lo đào tạo cán bộ. Thanh niên sinh viên có tổ chức các cuộc hội thảo rồi đi tới nhiều khẩu hiệu về đủ mọi ngành hoạt động. Thí dụ khẩu hiệu bài trừ việc nhờ nước miếng: « Nhỏ lên mặt đất là nhỏ lên Tổ quốc »; về giáo dục bình dân: « Còn mù chữ là chưa độc lập »; về chính sách chung: « Thực hiện cách mạng xã hội qua cuộc cải cách ruộng đất ».

Về từ ngữ, không ai chối cãi giá trị hùng biện của các khẩu hiệu đó, nhưng vấn đề đặt ra là phải trong một thời gian ngắn đào tạo đủ số bác sĩ và giáo sư để chăm lo y tế và giáo dục thay cho số trên 1000 bác sĩ và 30.000 giáo viên người Pháp, người Âu đã trở về nước, đào tạo đủ số cán bộ về cải cách

điền địa để bảo vệ những ủy ban quản trị của nông dân thiếu kinh nghiệm đang bị thao túng bởi một thiểu số đầu óc phong kiến chưa chịu từ bỏ những quyền lợi mà họ được hưởng từ hồi thực dân.

Quyền hành làm cho say sưa?

Không phải là Ben Bella không biết tới và không lo giải quyết những khó khăn đó. Nhưng con người đó đã có một quan niệm độc tôn về quyền hành của mình. Ben Bella tự coi mình là một Zaïm, một con người được thượng đế chỉ định để dìu dắt dân tộc, một con người vừa là khởi điểm vừa là đích tới của mọi việc.

Nhưng các đồng chí của Ben Bella không chia sẻ quan niệm đó. Theo họ không ai có thể tự coi mình là « hiện thân của cách mạng » hay là « nhà lãnh đạo lịch sử ». Những người có mặt đúng lúc trong quá trình diễn biến của lịch sử cách mạng Algérie.

Trong 8 đồng chí đã cùng Ben Bella đứng ra thành lập mặt trận F.L.N và phát động cuộc kháng chiến chống Pháp vào nửa đêm ngày 1 tháng 11 năm 1954, thì tới ngày Algérie độc lập vào ngày 5 tháng 7 năm 1962 chỉ còn 4 người còn sống để chia sẻ những hân hoan của buổi đầu với Ben Bella. Đó là Boudiaf, Krim Aït Ahmed và Khider. Trừ Krim là người độc nhất luôn luôn tránh được các cuộc ruộng bắt của thực dân và sau này đứng ra cầm đầu cuộc thương thuyết ngưng bắn tại Evian le Bains, tất cả những người kia đều đã cùng sống những ngày tù đầy với Ben Bella — Người

ta nghĩ rằng họ không thể nào rời bỏ nhau được và chính Ben Bella cũng đã từng tuyên bố « chúng tôi là năm ngón của cùng một bàn tay ».

Khi ngón tay cái tưởng mình là bàn tay.

Những mối bất hòa giữa các đồng chí lại còn dữ dội hơn là giữa các người thường.

Người đầu tiên sập cửa ra đi là Aït Ahmed, linh hồn của việc cải cách ruộng đất. Trước hết Ahmed chống đối một cách hợp pháp bằng cách tuyên bố cầm đầu phe đối lập tại quốc hội nhưng sau thấy không lay chuyển được Ben Bella, Ahmed kéo ra súng, tổ chức chống đối bằng vũ lực tại một khu Kabylie. Nhận được tin, Ben Bella chỉ cười :

« Suốt thời kỳ kháng chiến, Ahmed không được mặc binh phục, bây giờ được mặc chắc hẳn ta khoái lắm ».

Thực ra phong trào chống đối tại Kabylie đáng ngại hơn là Ben Bella tưởng vì nó quyến rũ được một số cán bộ cốt cán của F.L.N như Hassni, Ou el Hadj Chaabani.

Ngón tay thứ hai rời khỏi bàn tay là Boudiaf. Ông này cho xuất bản tại Paris cuốn « Algérie đi về đâu ? » và Ben Bella phản ứng bằng cách tống Boudiaf vào ngục.

Ngón thứ ba Khider, người đã dày công xây dựng đảng và giữ chức Tổng thư ký cục chính trị khi Ben Bella lên cầm quyền, cũng đâm ra chán nản, dời khỏi Algérie sống cuộc đời lưu vong và hoạt động cho dư luận thế giới thấy rõ chính sách phiêu lưu của Ben Bella.

Bạn thân nhất của Khider là tổng trưởng Ngoại giao Khemisti bị ám sát ngay sau khi ở phòng nhóm đi ra và sắp bước lên xe.

Ngón tay cuối cùng là Krim lạc lõng bơ vơ và đành ngồi thúc thủ.

Thế là trong 8 anh em kết nghĩa vườn đào với Ben Bella, 4 người chết trước ngày độc lập, 4 người bị loại sau ngày độc lập. Cả những bạn khác đã từng sát cánh tranh đấu với Ben Bella cũng không thoát khỏi sự thanh trừng. Đó là trường hợp của Ferhat Abbas chủ tịch quốc hội hay những chiến hữu lão thành Farès, Ahmed Francis. Nhà giam chật ních những người đã từng chia sẻ gian khổ với Ben Bella. Cho tới đêm ngày 19 tháng 6 vừa qua khi nghe tiếng cửa kính bị đập vỡ, Ben Bella thức giấc trong căn phòng biệt thự Joly đã thấy tro troi còn có mỗi một mình. Không có cả một cánh tay thân yêu để mà nương tựa vì Ben Bella vẫn sống độc thân sau một cuộc tình duyên trắc trở với một thiếu nữ xinh đẹp người Thụy Sĩ. Nhìn xuống dưới sân, kẻ thân tín cũng không còn một ai, chỉ còn có họng súng thiết-giáp-xa đen ngòm của Boumedienne.

Số 1 kếp.

Đại tá Boumedienne, với đôi mắt có lửa và đôi má hóp trông như một người đang bị cơn sốt dầy vò. Ông ta kém Ben Bella 6 tuổi, đã từng du học Tunis và Le Caire. Chính ở thủ đô xứ Ai Cập mà ông ta gặp Ben Bella rồi từ đó gia nhập phong trào kháng Pháp. Có thể nói Boumedienne là người sau cùng mà người ta có thể ngờ được là một ngày kia sẽ đứng ra lật đổ Ben Bella.



Ben Bella và Boumedienne : hình với bóng sau ngày Algérie giải phóng.

Vì đưa Ben Bella ra nắm chính quyền trong những ngày hỗn độn đầu tiên sau khi thu hồi độc lập cũng là Boumedienne. Dẹp tan cuộc nổi loạn của đại tá Chaabani rồi đem ông này ra hành quyết vì đã phản đối Ben Bella, cũng là Boumedienne. Tấn công vào mặt khu Kabylie của Ait Ahmed, cũng vẫn là Boumedienne.

Boumedienne đã được coi như hình bóng của Ben Bella và khi người ta gọi Ben Bella là nhân vật số 1 của Algérie thì người ta đã gọi Boumedienne là số 1 kép.

Do đâu mà Ben Bella đã bị chính ngay cánh tay phải của mình lật đổ, và do đâu mà cuộc đảo chính đã xảy ra vài ngày trước Hội Nghị Á Phi, nghĩa là trong khi mà Algérie sắp được long trọng thừa nhận như là một thủ đô chính trị của thế giới với sự có mặt của gần 3000 đại biểu từ 60 quốc gia gửi tới? Tại sao Boumedienne lại chọn đúng lúc đó mà hành động để cho hình ảnh sắp sáng rực của Algérie bỗng bị lu mờ?

Lý do là Boumedienne đã không có

cách nào làm khác và không thể chờ đến một lúc khác. Nếu ông ta muốn tự cứu mình.

Vì sự bất hòa giữa Ben Bella và Boumedienne « đã tới phút của sự thực ». Từ lâu Ben Bella vẫn hăm hực Boumedienne không chịu gửi « quân đội giải phóng » sang Congo, Guinée thuộc Bồ đào nha, và Israel. Ben Bella cho đó là một cử chỉ tượng trưng vai trò tích cực của Algérie trong sự giải phóng các dân tộc nhược tiểu. Nhưng Boumedienne lại chủ trương là quân đội Algérie phải là một lò huấn luyện cách mạng và ưu tiên tuyệt đối của cách mạng là tái thiết xứ sở. Cái ông đại tá làm lì ít nói đó đã có lần dùng một hình ảnh rất bóng bẩy để diễn tả vai trò quân đội : « Người chiến sĩ quân đội cách mạng tay trái cầm súng, tay phải cầm cây ».

Từ sự bất đồng ý kiến đó, Ben Bella đã nảy ra ý định gạt bỏ các sĩ quan ra khỏi nội các của ông ta. Người đầu tiên sẽ bị loại là Thiếu Tá Bouteflika Bộ trưởng Ngoại giao, và là bạn thân của Boumedienne. Và trong dự tính của Ben Bella sau khi Hội Nghị Á Phi đã họp xong, ngôi sao của Ben Bella đã lên tới chỗ tuyệt đỉnh, sẽ loại nốt Phó Tổng Thống kiêm Bộ Trưởng Quốc Phòng Boumedienne. Lúc đó với uy thế của mình sau Hội nghị Á Phi, Ben Bella không còn e ngại gì các phản ứng có thể có nữa.

Một kẻ không kín miệng.

Ben Bella đã mắc một lỗi lầm lớn là đã cho một kẻ thân tín của mình, Đại tá Tahar Zbiri, biết rõ kế hoạch đó. Zbiri đã không giữ nổi bí mật canh

cánh bên lòng và đã cho Boumedienne hay. Sự phải đến đã đến, Boumedienne cử ngay Thiếu Tá Draia, chỉ huy lực lượng an ninh tới bắt Ben Bella vào lúc 3 giờ sáng, đưa xuống một chiếc suồng máy chạy ra khỏi thành phố, cập một bến vắng, chờ bằng xe hơi tới một phi trường rồi đưa Ben Bella tới Tamanrasset, một chỗ giam tốt một cách lý tưởng giữa bãi sa mạc Sahara mênh mông cát với trời.

Thân ai, không thân ai ?

Câu hỏi đầu tiên của mọi người là Hội Nghị Á Phi có còn nhóm họp đúng ngày hay không? Mặc dầu bao nhiêu cố gắng vót vát của Algérie và của Trung Cộng (do những quyền lợi riêng khác nhau), Hội nghị đã phải hoãn lại tới ngày 5 tháng 11.

Nhưng còn bao nhiêu câu hỏi khác chưa được trả lời.

“ Chủ nghĩa xã hội mặc quân phục ” ở Algérie sẽ thân Tây phương hay sẽ thân Cộng sản? Trong sự tranh chấp giữa Nga Sô và Trung Cộng, Algérie sẽ ngả về bên nào? Boumedienne sẽ có thiện cảm hay không với hai ông láng giềng, Quốc Vương Hassan đệ nhị ở Maroc và Tổng Thống Bourguiba ở Tunisie? Và đối với Cộng Hòa Ả Rập sẽ ra sao? Trong Châu Phi, có còn đứng trong khối Casablanca không? Ảnh hưởng với các nước Á Phi sẽ như thế nào? Có còn tiếp tục cho cựu đế quốc Pháp khai thác dầu hỏa không, với điều kiện nào?

Boumedienne chưa vội vã cho người ta biết ông thân với ai, và không thân với ai. Vì trong khung cảnh chính trị của Algérie ngày nay, Boumedienne đã thấy cần phải thân với chính Boumedienne trước đã.

VŨ BẢO

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY HỎA HOẠN

TẠI NẠN GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT-LĂNG
Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions
Capital : 1.500.000.000 Frs.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG
Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers
Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG - TY BẢO - HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

Vốn : 8.750.000.000 Phạt Lăng
Assurance Franco Asiatique
Assurance Toutes Branches
Capital : 288.750.000.000 F.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG
LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-Thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

GIẤY NÓI : 21.253 — 23.913

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6è

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 — B.P. N° E-5

PHNOM-PENH

Moha ithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Khuyñh - hướng kinh - tế mới tại các nước Cộng-sản Âu-châu

NGUYỄN NHƯ

KINH tế Cộng sản có hai đặc điểm đáng kể: quyền tư hữu các phương tiện sản xuất thuộc về nhà nước và sự kế hoạch hóa toàn diện do một cơ-quan trung-ương đảm nhiệm.

Vì quyền tư hữu phương tiện sản xuất thuộc về nhà nước, vấn đề thực hiện lợi lộc kinh doanh không là mục đích tối thượng như đối với doanh nhân trong các xã-hội chủ trương tự do kinh doanh. Vì công việc kế hoạch hóa toàn diện được trao cho một cơ quan của nhà nước đảm trách, các chương trình sản xuất không căn cứ vào kết quả những việc nghiên-cứu thị trường nhằm hiểu rõ nhu cầu và sở thích của người tiêu thụ.

Tham vọng và tin tưởng của những nhà lãnh đạo Cộng sản là sẽ đuổi kịp và vượt hẳn những quốc-gia tự do trong lãnh vực kinh tế.

Nhưng trước những thành quả hiển nhiên dưới mức dự trù, trước những khuyết điểm ngộ nghĩnh hay đau buồn, lòng tin tưởng ở nơi những giáo điều cách mạng đã hơn một lần bị lung lay.

Ta nhớ lại 4 năm sau cuộc cách mạng ở Nga Sô và ngay lúc Lenine còn sống, đề đối phó với cuộc khủng hoảng kinh-tế do thái độ chống đối của nông dân tạo ra, Nga Sô đã phải du nhập một số yếu tố của chế độ kinh tế tư bản. Đó là thời kỳ « chính sách kinh tế mới » NEP. Sự thử thách này được chấm dứt năm 1927. Rồi đến sự ly khai của Cộng sản Nam-Tur trên phương diện chính trị cũng như trên phương diện kinh tế. Trước khi Staline qua đời, Nam-Tur là quốc gia Cộng sản tiến gần đến Tây-phương hơn hết.

Gần đây, doanh gia tây-phương tập

nập đến tiếp xúc và thương thuyết với các nước trước kia là chư hầu của Nga Xô để tìm những thể thức hợp tác. Hãng Krupp — hoạt động của hãng này được nhiều người biết nhất là việc chế tạo vũ khí và chính hoạt động này cũng được tuyên truyền Cộng sản khai thác nhiều lần — mới hoàn-tất cuộc thương thuyết với chánh-phủ Ba-Lan nhằm thiết lập một số nhà máy tại quốc gia này, nhà máy thuộc quyền sở hữu của Krupp nhưng sẽ dùng nhân công bản xứ. Hung Gia-Lợi và Lô-Ma-Ni cũng tỏ ra rất sốt sắng với những dự án tương tự.

Hãng Pepsi - Cola, một danh từ đồng nghĩa với tư bản đế quốc thủ cựu trong ngữ vựng tuyên truyền Cộng sản, hiện đương thương thuyết với nhiều quốc gia Công sản chư hầu ở Âu-Châu. Hãng Firestone Tire and Rubber (kỹ nghệ cao su) và hãng Universal Oil Products (kỹ nghệ lọc dầu) sẽ thiết lập nhà máy tại Lô-Mã-Ni.

Song song với việc chấp nhận tư bản ngoại quốc vào kinh doanh trên lãnh thổ, việc mâu dịch giữa hai khối Đông, Tây đã tăng gia mau lẹ. Năm 1964, tổng số mâu dịch giữa hai khối trị giá 9 tỷ Mỹ kim và như vậy đã tăng gấp đôi trong thời gian 7 năm.

Nga Xô là nước đàn anh, cầm cân nẩy mực cho khối Cộng sản. Mặt khác, bộ máy kế hoạch quốc gia thiết lập từ năm 1928, với số nhân - viên gần 10 triệu người, tiêu-biểu sự tin tưởng nơi khả năng quy. định và điều hòa mọi hoạt động của quần chúng. Do đó, một sự chuyển hướng trong chính sách kinh tế

không thể xảy ra một cách âm thầm, lúi-súi được.

Càng ngày càng có nhiều kinh tế gia và kỹ-sư Nga nhận thấy những khiếm-khuyết trong nền kinh tế và trong guồng máy kế hoạch hóa. Khởi xướng cuộc



Kinh tế gia Liberman

tranh luận nhằm sự chuyển hướng chính sách kinh tế là giáo - sư kinh tế học Evsei Liberman. Sinh năm 1897, tại Volyn Ukraine, Liberman đã đậu bằng luật khoa tại đại học đường Kiev và tiếp tục ngành kỹ-sư tại Kharkov. Trước đệ nhị thế chiến, ông đã làm việc 15 năm tại các nhà máy kế cận Kharkov, trong đó có 6 năm với tư cách trưởng ban kế hoạch của một xí - nghiệp lớn sản xuất máy móc. Trong thời gian chiến tranh, ông phục vụ chánh-phủ Mạc-Tư-Khoa sau đó trở lại viện kỹ - thuật Kharkov, vừa giảng dạy vừa làm cố-vấn bán thời gian cho một nhà máy. Ông đậu bằng tiến-sĩ kinh tế năm 1956 và được bổ-nhiệm chức vụ giáo-sư năm 1959.

Những lý thuyết của Liberman đã được đề ra từ 1956, nhưng hồi đó rất ít người chú ý tới. Phải đợi tới năm 1962, khi mà điện Cẩm-Linh không thể nào phủ nhận được những khó khăn càng ngày càng lớn của nền kinh tế Nga Xô, và nhờ Vasily Nemchinov thuyết-phục Krushchev, báo Pravda mới đăng tải những lý-thuyết trên dưới nhan đề: « Kế hoạch, tiền lời và tiền thưởng ». Đó là khởi điểm cuộc tranh luận.

Liberman và những người chủ trương cải cách như ông đều nói rõ rằng họ không hề nhằm phá hoại chủ nghĩa Cộng sản mà chỉ nhằm tăng gia hiệu - năng của nó. Vậy thì họ đã phát-giác những khuyết điểm gì?

Họ quan niệm rằng kinh tế Nga Xô ngày nay đã trở nên rất phức tạp khiến cho cơ quan lập kế hoạch trung ương không thể nào nắm vững nó và điều khiển nó theo ý muốn nữa.

Ban đầu, công việc của cơ quan này không gặp mấy khó khăn. Mục tiêu do Staline đề ra hồi ấy rất giản dị: dồn hết lực lượng vào việc thiết lập kỹ-nghệ nặng, nhất là kỹ-nghệ thép, để sớm theo kịp các nước tiên tiến Tây-phương. Nhưng đến khi những người làm kế hoạch bước sang lãnh vực sản xuất các hàng tiêu thụ, một khi họ phải ứng đáp những nhu cầu rất phức tạp của quần chúng có lợi tức phong phú, có khả năng tiêu xài dồi-dào, họ không còn giữ được độc quyền làm chủ tình thế nữa.

Một mặt bộ máy lập kế hoạch càng ngày càng trở nên nặng-nề. Hiện nay cơ

quan này dùng lối 10 triệu người. Một kỹ - sư ước lượng một cách hài hước rằng với đà gia tăng giấy tờ hiện tại chỉ tới năm 1980 các cơ quan kế hoạch phải dùng hết đàn ông đàn bà trong liên-bang mới đủ người làm việc! Một nhà toán học tính rằng chỉ cần một nhất chồi mạnh-mẽ trong cơ-quan kế hoạch, người ta có thể tăng lợi tức quốc gia gấp đôi.

Quá nhiều cơ quan có thẩm quyền ra chỉ thị cho các xí nghiệp. Trong nhiều trường hợp những chỉ thị ấy mâu thuẫn với nhau khiến các xí nghiệp liên hệ không thể tiến hành công việc được. Các giám - đốc xí nghiệp ở Leningrad than phiền rằng trong năm 1964 riêng việc đi lại giao thiệp với cơ quan kế hoạch trung ương ở Mạc - Tư - Khoa đề thúc đẩy các quyết định tính ra cũng bằng 500 000 ngày làm việc của một người.

Mục tiêu sản xuất thường được định bằng đồn số hay bằng một tỷ-lệ gia tăng nên đã đưa đến những kết quả tức cười. Chẳng hạn đề sản xuất máy móc, người ta dùng tôn dày gấp đôi mức cần thiết. Đèn treo nặng đến nỗi kéo sụp trần nhà. Có khi các chương trình sản xuất bổ túc không ăn khớp với nhau. Đề tiêu thụ vỏ ruột xe hơi quá thặng dư, người ta đặt ra lệ thưởng tài-xe taxi theo số cây số ghi trên đồng hồ, thành thử vô số taxi chạy không ra các miền ngoại ô để được tiền thưởng lớn.

Nhiều xí nghiệp hoạt-động một cách tắc trách, không cố gắng đáp lại sở thích của người tiêu thụ, miễn sao đủ số lượng ghi trong kế hoạch mà thôi. Ngay đến một số người làm kế hoạch cũng thiếu tinh-thần trách nhiệm: người

ta kể trường hợp hồ sơ xây cất nhà máy đúc thép Novo-Lipetsk. Hồ sơ gồm có 91 cuốn, cộng 70.000 trang. Chi tiết tỷ-mỉ như chỗ đóng một cái đinh, gần chiếc đèn, đặt chậu rửa tay thì có hết, Nhưng tuyệt nhiên không có trang nào đề-cập đến giá trị kinh tế của dự án.

Hậu quả của những khuyết điểm trên như thế nào? Như trên đã nói, với tỷ số phát triển 70/o trong năm 1964 — tỷ số thấp nhất kể từ 1946 — Nga Xô không thể nào đuổi kịp Hoa - Kỳ vào năm 1970 được. Cũng trong năm 1964, các tổ chức thương mại đã phải hoàn lại các xưởng sản xuất hoặc hạ giá 20 o/o các hàng quần áo, 10 o/o đồ đan và 9 o/o giày dép. Các hãng làm tủ lạnh đã nhận được 56.000 thư khiếu nại; một hãng đã giao tủ lạnh không có hơi để chạy máy lạnh. Người ta phải đình chỉ nhận hàng của 257 xưởng sản xuất vì chắc chắn những hàng ấy sẽ không bán được. Tổng số hàng tồn kho không bán được vì không hợp ý người tiêu thụ trị giá 3 tỷ Mỹ kim.

Trên 20 phần trăm xí nghiệp bị lỗ, phải nhờ trợ cấp của nhà nước mới đứng vững.

Những sự chỉ trích phát sinh trong giới kinh tế gia, giới giám đốc xí nghiệp và ngay cả trong giới nhân viên cơ quan lập kế hoạch.

Chính vì ý thức những khuyết điểm trong bộ máy kế hoạch hóa và trong thực tại kinh tế nên Krushchev đã cho phép dùng diễn đàn báo Pravda để tranh luận.

Những người chủ trương cải cách đã đề nghị những biện pháp gì?

Liberman bênh vực ý kiến rằng tiền lời phải được coi như tiêu chuẩn ưu trọng nhất để xét đoán hiệu năng của một xí nghiệp. Tiền lời càng cao thì tiền thưởng về phẩm chất và hiệu năng cũng phải cao. Cái gì tốt cho xí nghiệp thì cũng tốt cho xã hội.

Trước kia, tiền lời chỉ là một trong số hơn chục tiêu chuẩn dùng để xét đoán hiệu năng xí nghiệp.

Tiếp theo Liberman, một số kinh tế gia khác đã phá sự tôn thờ kế hoạch và yêu cầu tăng quyền tự trị cho các giám đốc xí nghiệp. Chính Nemchikov cũng đòi hỏi một phương thức gần giống chế độ kinh tế nhà nước căn cứ vào thị trường (1) theo đó huấn thị của cơ quan kế hoạch sẽ được thay thế bằng những khế ước giữa chánh phủ và các xí nghiệp, xí nghiệp nào hiến giá hạ nhất sẽ lãnh công tác và dựa theo đó định giá cả.

Một nhà bình luận đề nghị bãi bỏ thuế 50/o đánh trên hàng hóa tiêu thụ, viện lẽ rằng một khi tiền lời được coi như khuôn thước cho các xí nghiệp, một sắc thuế đánh trên tiền lời sẽ cung ứng đủ lợi tức cho chánh phủ.

Một đề nghị khác nhằm thâm lải về các số tiền nhà nước ứng cho các xí

(1) Nói đến Kinh tế thị trường là nói đến sự ăn khớp của cung và cầu, đến sự tự do lựa chọn của người mua, người tiêu thụ. Tuy vậy cần phải phân biệt rõ ba khái niệm: Chế độ tư bản nhà nước dùng cơ cấu thị trường (State-owned market economy) — Kinh tế thị trường theo chủ nghĩa xã hội (Socialist market economy) (trường hợp Nam tư) — Kinh tế thị trường phục vụ xã hội, có lợi cho giới chủ nhân, giới thợ thuyền và giới tiêu thụ (Soziale Marktwirtschaft hay Social-market economy của Ô. Ludwig Erhard).

nghiệp và định giá cả theo thực tại kinh tế thay vì theo không tưởng của người làm kế hoạch.

Viên giám đốc của một tổ hợp kỹ nghệ lớn lao đề nghị nên để thị trường hàng hóa tiêu thụ được tự do, theo luật cung cầu; các hãng sản xuất và thương mại phải dùng phương pháp nghiên cứu thị trường như ở các nước tư bản để biết rõ sở thích và phản ứng của người tiêu thụ.

Tóm lại, ngoại trừ nguyên tắc "quyền sở hữu thuộc về nhà nước" được coi như bất di bất dịch, việc vay mượn tư tưởng và kỹ thuật kinh tế Tây phương thực là rõ rệt. Thái độ này là một sự "phản đạo" hay chỉ biểu lộ óc thực tiễn?

Trong cuộc tranh luận, nhóm Liberman đã được sự ủng hộ kín đáo của Krushchev, của Nemchikov, của Vadim Trapeznikov trong hàn-lâm-viện Nga-sô. Khoảng giữa năm 1964, Krushchev cho phép thử áp dụng những lý thuyết mới tại hai nhà máy sản xuất quần áo, Bolshevichka ở Mạc-tư-khoa và Mayak ở Gorky. Hai nhà máy này được phép thương lượng giá cả và bán trực tiếp cho 22 tiệm bán lẻ. Các tiệm này cho nhà máy hay thứ hàng nào hấp với sở thích của khách hàng; nhà máy được xét đoán tùy theo số lời thực hiện trên những hàng đã thực sự bán ra.

Thoát khỏi sự kiểm tỏa của cơ quan kế hoạch, buổi đầu ban giám đốc của hai nhà máy không khỏi lo âu. Những hãng cung cấp cho họ dè dặt trong sự bảo đảm giao hàng đúng hạn. Các tiệm

bán lẻ, trái lại, rất hào hứng vì từ nay có thể đặt những hàng hấp sở thích của khách hàng và nhận được hàng đúng kỳ hạn.

Căn cứ vào phiếu đặt hàng của các tiệm bán lẻ, Bolshevichka và Mayak tổ chức chương trình sản xuất của họ, tự ấn định số hơn công cần thiết. Số lời chỉ tính trên số hàng thực sự bán được thợ được hưởng tiền thưởng tùy theo phẩm chất công việc đã làm. Bolshevichka lập chân y viện riêng cho khách hàng của hãng để có dịp biết rõ sở thích của họ.

Trong khoảng thời gian 6 tháng, cả tiền lời của vi nghiệp lẫn phẩm chất hàng sản xuất tăng lên. Số hàng tồn kho giảm đi rất nhiều, hàng bán được mau lẹ hơn. Theo viên giám đốc của Bolshevichka, tiền lời lên đến 7 phần trăm, tiền công hàng tháng trung bình của thợ từ 94 Mỹ kim lên 110 Mỹ kim, quần áo rẻ hơn và tốt hơn nên bán đắt như tôm tươi.

Người kế vị Krushchev, Aleksei Kosygin đương kim Thủ tướng Nga lại đi xa hơn nữa. Hồi tháng giêng năm nay, 400 nhà máy sản xuất quần áo và giấy giép đã được phép chuyển hướng, cùng với 78 xí nghiệp cung cấp nguyên liệu cho chúng. Kosygin tuyên bố sẽ lần lần áp dụng những nguyên tắc mới trong mọi kỹ nghệ sản xuất hàng tiêu thụ và có thể trong toàn bộ khu vực kỹ nghệ nữa.

Một kinh tế gia Nga còn đề nghị nên áp dụng tiêu chuẩn tiền lời cả trong nông nghiệp. Khu vực này vẫn còn yếu kém và luôn luôn đặt ra những vấn đề điên đầu cho nhà cầm quyền.

Ta chớ tưởng rằng những lý thuyết và biện pháp trình bày ở trên đã không gặp sự chống đối kịch liệt của phe thủ cựu. Ta cũng không nên quên rằng phe này rất mạnh. Đề bác bỏ những lập luận cải cách, người ta đã viện dẫn Lénine và những giáo điều cộng sản. Kế hoạch hóa nền kinh tế, gồm có việc kế hoạch hóa tiền công, tiền lương, sản xuất của lao động, giá sản xuất, khối lượng đầu tư, đối lập với sự bừa bãi tràn ngập thế giới tư bản là một chiến thắng của Cộng sản. Khái niệm tiền lãi, tiền lời đi ngược lại lý thuyết mác-xít. Người cộng sản không thể làm suy giảm mà trái lại phải cải thiện guồng máy kế hoạch trung ương. Còn gì thoái hóa và nhục nhã cho bằng bắt chước các nước tư bản! Trung Cộng đã lần lượt tố cáo Nga xô đi vào con đường « chế độ tư bản không giai cấp tư bản » và con đường « chế độ tư bản với giai cấp tư bản ».

Thực ra, theo các nhà bình luận Tây phương, Nga xô không thể nào không áp dụng những cải cách trình bày trên đây. Vấn đề không phải là tăng cường mà là cứu vãn nền kinh tế của họ khỏi sự bế tắc hoàn toàn.

Cơ cấu thị trường, sự điều hành của hai sức mạnh cung cầu là những guồng máy tinh vi mà những toan tính của kế hoạch và của các bộ óc điện tử chưa thay thế được. Nói một cách khác việc kế hoạch hóa triệt để và toàn diện là một ảo vọng vì nó bao gồm một yếu tố tối quan trọng không thể đặt thành phương thức, ấy là tâm lý con người.

Chính vì tin tưởng nơi sự hiệu nghiệm của cơ cấu thị trường mà ông Ludwig

Erhard, với tư cách Bộ-Trưởng Kinh Tế trong một chính phủ liên bang Tây Đức chưa được xử dụng trọn vẹn chủ quyền, đã can đảm bãi bỏ chế độ phân phối và ấn định giá cả. Biện pháp này đã phục hồi sức mạnh của nền kinh tế và mở đường cho sự thịnh vượng đáng khâm phục của Tây Đức.

Phong trào cải cách ở Nga xô sẽ đi đến giới hạn nào? Hiện thời, trên đường chuyển hướng, Nga xô còn cách xa Nam Tư, một nước thuộc khối Cộng sản. Kinh tế Nam Tư ngày nay là một kinh thị trường nhưng vẫn là một kinh tế xã hội. Các nước Âu Châu cộng sản khác, Tiệp Khắc, Hung Gia Lợi cũng đã thăm lạng thực thi những cải cách táo bạo hơn Nga xô.

Những người chủ trương cải cách và nhà cầm quyền Nga xô tỏ ra rất thận trọng trong sự chuyển hướng. Ngoài sự đối lập nội bộ trên bình diện lý thuyết, việc bãi bỏ bộ máy chế tài có thể đưa đến nạn thất nghiệp khủng khiếp. Nếu phạm nhiều lầm lỗi gây sáo động tai hại, phong trào cải cách khó tránh khỏi số phận dành cho phong trào trăm hoa đua nở ở Trung Cộng cách đây ít năm.

Nếu phong trào cải cách thành công sâu rộng hơn nữa, sự đối chọi giữa thế giới tự do và thế giới cộng sản sẽ lần lần kém bén nhọn và mãnh liệt. Ông Ludwig Erhard cũng quan niệm rằng một khi Đông Đức áp dụng trên lãnh vực kinh tế những biện pháp tương tự như ở Tây Đức, con đường đưa đến thống nhất hai miền đã được dọn dẹp nhiều lắm.

Tuy vậy thế giới tự do không thể lạc quan quá mức. Phong trào cải cách ở Nga sô có thể bị tiêu diệt vì những lý do chính trị. Dù sao sự cách biệt giữa hai thế giới cộng sản và tự do còn rất sâu rộng. Các nhà bình luận cho rằng có thể trong vòng 10 năm xã hội Nga sô sẽ có bộ mặt của xã hội Nam Tư ngày nay.

Thế mà ngay tại Nam Tư, trong kỳ họp ngày 17 tháng 6 vừa đây của Ủy ban trung ương đảng Cộng sản, Nijalko Todorovic còn đòi hỏi một tổ chức kinh tế theo kiểu tây phương hơn nữa.

NGUYỄN-NHƯ

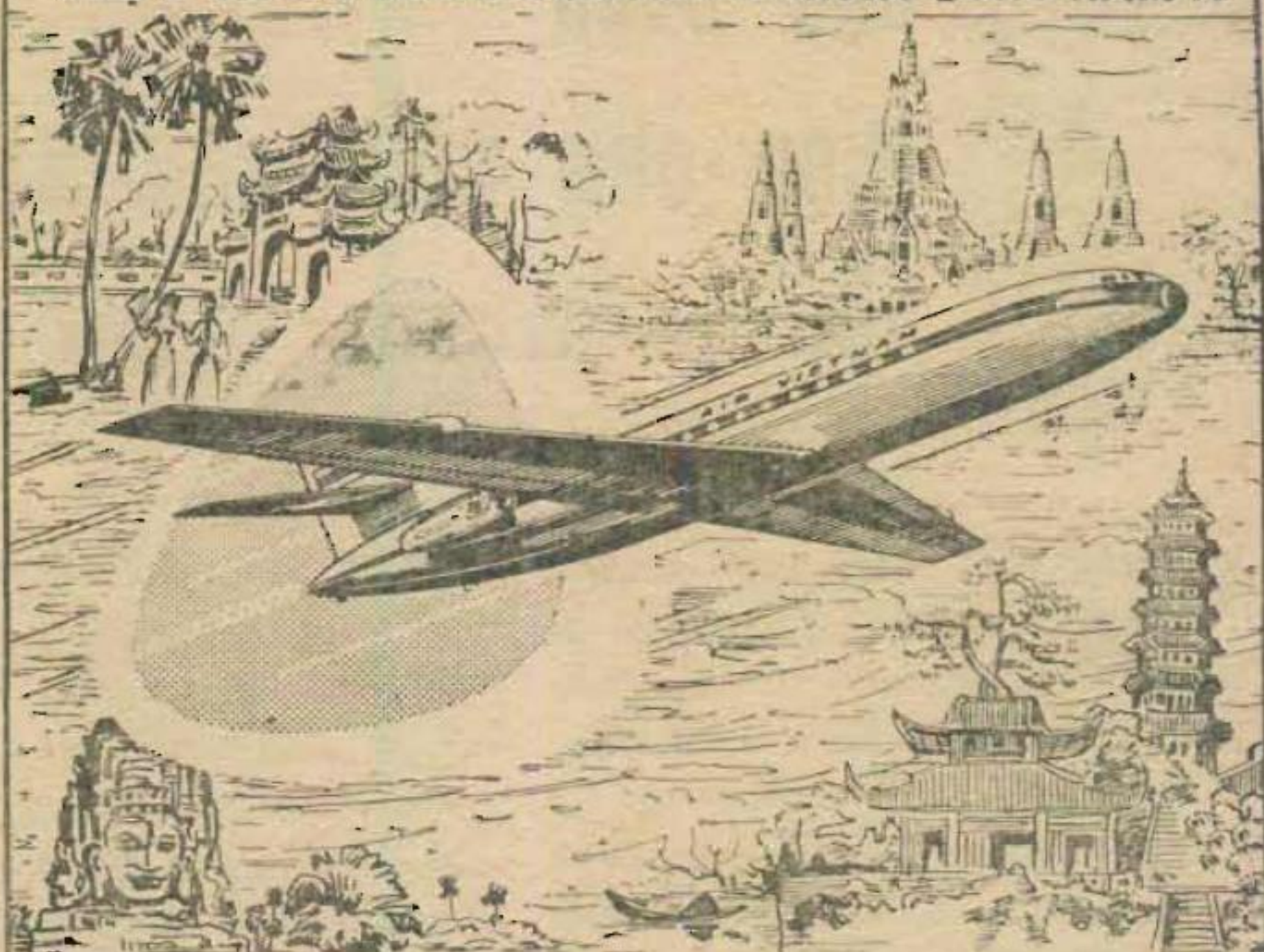
V
I
Ệ
T

N
A
M

H
À
N
G

K
H
Ô
N
G

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG TRONG ĐÔNG-NAM-Á



3 SAIGON-PHNOMPENH-BANGKOK

(Mỗi Thứ Ba, Thứ Năm và Thứ Sáu)

3 SAIGON-HONGKONG

(Mỗi Thứ Hai, Thứ Ba và Thứ Bảy)

2 SAIGON-KUALA LUMPUR-SINGAPORE

(Mỗi Thứ Tư và Chủ Nhật)

bằng **DC-6B** và *Caravelle*

PHI-CƠ PHẢN-LỰC TRĂNG-LỆ NHỨT THẾ-GIỚI

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé tại các hàng du lịch hay:

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

HO. NGUYỄN NHƯ SAIGON.ĐT. 21 6243 6252 626



• TẠ TRỌNG HIỆP

đọc cuốn

Hiệu-chủ Bích-câu Kì-ngộ (I)

của ô. Hoàng Xuân Hãn

TỪ mười năm nay, nước ta đã khôi-phục được chủ-quyền, ai cũng nghĩ rằng văn-hóa dân-tộc hẳn phải phát-triển mạnh mẽ, vì có thúc-dẩy của nhu-cầu nhà-trường và sự « khát đọc » của người dân một nước độc-lập muốn hiểu rõ quá-khứ của mình để vững thêm niềm tin vào hiện-tại và tương-lai.

Ta không khỏi buồn — và ngạc nhiên — khi thấy rằng, cho đến hôm nay, công-tác ôn-cố đề tri-tân ấy vẫn còn bạc-nhược quá. Cũng may là về sử-học, nhờ cố gắng của một vài nhóm (như Đại-học Luật Sài-gòn, Đại-học Huế, viện Khảo-cổ, sở Tu-thư, nha Văn-hóa, v.v...), ta được đọc mười bản dịch hoặcsách biên-tập về sử-địa Việt-Nam thời xưa.

Nhìn riêng vào một thành-phần căn-bản trong văn-hóa ta, là thơ văn của cổ-nhân, thì ta hầu như thiếu hẳn những công-trình sưu-tầm và chú-giải mới. Đa-số các bản mà ta có trong tay chỉ là in lại bản cũ của thời tiền-độc-lập, giá-trị rất thấp, nay không thể thỏa mãn ta nữa. Giới nghiên-cứu và giảng dạy Việt-văn ở bên kia con sông tuyến có tìm cách bồ-cứu khuyết-hám này ; nhưng đối với độc-giả ở đây thì các sách văn-hóa của họ đâu có cũng như không. Và thẳng-hoặc sách có đến được tay ta thì sự dùng cũng bất-tiện lắm : phần khảo-chứng có khi đáng chú-

(1) Huế 1964, nhà x. b. Đại-học, XXXII + 179 trang ; 75 đồng. Sau đây tôi sẽ gọi tắt Bích-câu kì-ngộ là BC, gọi riêng bản của ô. Hãn là bản HXH.)

ý (vì đất Bắc còn có nhiều tư-liệu về cổ-sử và cổ-văn), còn phần phiên-âm và chú-giải thì chưa đạt (trừ một vài ngoại-lệ hiếm-có, tí như bản BC của nhà sử-học kì-cựu Trần Văn Giáp mà tôi sẽ nhận-xét thêm, dưới đây), đến như phần giới-thiệu và bình-luận văn-chương thì rất lệch-lạc, xuyên-tạc, tóm lại là rất khả-nghi, không đáng đặt vào tay hạng độc-giả trẻ tuổi (1).

Vậy nên ta vẫn cần có những bản cổ-văn hợp yêu-cầu của ta hơn, viết bởi những soạn-giả độc-lập và khiêm-tốn, những người chỉ nguyện đem tài-sức phụng-sự văn-hóa chứ không có ý đem văn-hóa phục-vụ chính-trị (2).

Không kể những cố-gắng chưa thấy kết-quả lớn của hai ông Bửu Cầm và Nguyễn Văn Hào (3), trước khi xuất hiện bản BC/HXH, theo sự nghe và đọc của tôi, tôi chỉ đếm được có bốn tác-phẩm mà thôi: hiệu-chú *Quân trung đối* (tác-giả: Nguyễn Chu Kiều, em ruột Nguyễn Du) của ông Nghiêm Toàn (4), sao-lục và bình-luận *Truyện Song-tinh* (Nguyễn Hữu Hào) của ông Đông Hồ (5), di-phẩm sao-lục Dương Từ-Hà Mậu (Nguyễn Đình Chiểu) của cổ-học-giả Phan Văn Hùm (6), và chú-giải *Giai-nhân kì-ngộ* (Huỳnh Thúc Kháng) của ông Lê Văn Siêu (7). Thế nên, nhận được cuốn BC này, tôi mừng như kẻ khát lâu được bát nước mát, đói lâu được bữa cơm ngon. Tôi vừa đọc vừa nhớ lại cảm-giác hồi mười năm trước, khi đọc cuốn *Chinh-phụ ngâm bị-khảo* (gọi tắt là CPNBK).

Tác-giả hẳn không cần tôi giới-thiệu dài-dòng; độc-giả *Bách-khoa* chắc cũng

thừa ngấy ngôn-từ tán-tụng suông. Vậy, sau khi tóm gọn nội-dung cuốn sách, thiết-thực hơn cả là tôi xin trình cùng tác-giả và độc-giả vài nhận-xét về vấn-đề BC nói chung, về lối trị-học và hiệu-đỉnh của ô. HXH nói riêng, sau hết sẽ lật ra một vài chỗ khảo-chứng hoặc hiệu-chú mà tự xét là có thể bổ-chính phần nào. Tôi chỉ chọn bàn đến vài phương-diện mà thôi, nghĩa là "biết đến đâu thưa đến đấy". Với một cống-hiến văn-hóa phong-phú như sách này, tôi tin rằng trong thời-gian sắp tới chắc sẽ còn nhiều tiếng vang khác nữa. Riêng đối với các ý-kiến tôi nêu trong bài này, chắc độc-giả — và tác-giả — sẽ bắt gặp nhiều điểm non-nớt và sai-lầm, tôi cũng mong được chỉ-giáo thêm.

(1) Xu-hướng chung của các tác-giả ngoài Bắc là tưởng bình-luận về văn-chương mà chỉ là giản-lược văn-chương vào luận-lí, giản (lược) luận-lí vào chính-trị. Văn-chương chỉ còn công-dụng như một khí-giới đấu-tranh chính-trị mà thôi.

(2) Nhất là thứ chính-trị bất-nhân như ai cũng rõ.

(3) Hai ông có sưu-tầm và công-bố một số thư-văn nôm, đăng trong nhiều bài ở *Bách Khoa*, *Văn-hóa nguyệt san*, v.v..

(4) Chưa in riêng thành sách, chỉ mới đăng trong nguyệt-san *Luận-đàm* từ số 4 bộ I (tháng 3-1961) đến số 2 bộ II (tháng 2-1962). Các số sau đó có phụ vài tiểu-sử nhân-vật trong truyện.

(5) Saigon 1962, nhà x.b. Bốn-phương, 190 trang.

(6) Saigon 1964, nhà x.b. Tân Việt, 168 trang.

(7) Saigon 1958, nhà x.b. Hướng dương, 258 trang.

NỘI DUNG BẢN BC/HXH

Trong sách có bốn phần lớn, là :

1. một bài *Tựa*, có tính-cách gần như một đoạn tâm sự, kể lại những chặng vui-buồn li hợp nào đã gắn-bó tác-giả với câu-chuyện BC trong suốt ba chục năm, nó đã gây cho ông một duyên nợ (1) mà bây-giờ ông mới trang-trải được : đối với ông, chuyện tiên ở BC không phải chỉ là một đề-tài *nghe nói* gián-tiếp xuyên qua mấy trang sách cũ khô-héo. Di-tích « ngòi Biểc » còn đó, đến Tú Uyên cũng vậy, ông đã có dịp thăm cồ tích ấy nhiều lần vì ông có người bạn thân ở ngay tại chỗ, người này lại cũng có nghiên-cứu về tín-ngưỡng thần-tiên ở Việt-nam (2) ; lại cũng vì ám-ảnh bởi chuyện BC mà Hoàng-quân đã có hai lần tao-ngộ gần như là gặp tiên...

II. một bài *Dẫn* chia làm hai phần :

a) nghiên-cứu về nguồn văn trực-tiếp của truyện BC nôm, tức là truyện *Bích-câu kì-ngộ* kí chữ Hán. Sau khi tóm cốt-chuyện nguyên-tác này, ông khảo hai loại chứng (nội-chứng : xét văn bản in nay còn trong sách *Truyện-kì tân-phả*, xét đặc-điểm ấn-loát sách ấy, lại xét riêng ý-nghĩa tâm-lí xã-hội của bài *thơ Truyện-kì* dài 60 vắn in ở các trang 55 b—57b ; ngoại-chứng : cân-nhắc sự ghi-chép của người đương-thời) để xác định tác-giả nguyên-tác là ai. Kết-luận của ông là : trái với ý của nhiều văn-học-sử, đó là Đặng Trần Côn chứ không phải Đoàn Thị Điểm. Về thân-thể họ Đặng, tư-liệu tham-khảo nay nay rất hiếm ; vả trong sách CPNBK Hoàng-quân đã trình cả rồi ; sau 10

năm, giới khảo-cứu vẫn chưa tìm thêm được gì khác, nên ông đành nhắc lại các thu-hoạch ghi trong cuốn sách cũ kia. Về thời-điểm sinh-tử của họ Đặng, ông vẫn giữ con số 1710-1750. Nhưng lần này, khi bình-luận về văn chương, ông đã khéo kết-hợp các điều mà ta biết về tiểu-sử tác-giả với sự phân-tích nội-dung truyện TK (3), cho ta thấy một cá-tính « lạc-phách », một dự-phóng giải-tỏa « của kẻ hào-hoa có dịp mượn văn-chương thoát ra vòng khuôn sáo thường-nhân ».

b) xét riêng BC nôm tức là truyện diễn-ca viết phỏng theo TK. Ông phân-tích dị-điểm giữa hai tác phẩm, một dị-điểm có thể cắt nghĩa bằng những trói-buộc hoặc đòi-hỏi đặc-thù của hai thể văn khác nhau, một loại nữa có lẽ là phản-ảnh sự bất-đồng giữa hai cá-tính văn-chương.

Rồi ông trình-bày các bản nôm hiện còn, so-sánh ba bản in cuối đời Tự-đức, « xét kĩ từng trang, từng chữ, từng nét » mà đạt được những nhận-định như :

— tìm ra mối liên-đới giữa ba bản ấy : cả ba tuy có vẻ khác nhau, thật ra chỉ là « rập từ một bản gốc mà ra », khi khắc lại thì « mỗi bản có chữa hoặc khắc lầm riêng ». Để giúp ta hiểu lí-do của cái đại-đồng tiểu-dị ấy, ông có

() chữ của Hoàng-quân. Không phải cao-hứng mà bịa ra cho văn-vẻ.

(?) nếu tôi không lầm, đây là tác-giả cuốn « Le culte des immortels en Annam » (Hanoi 1944) trong đó có đề-cập đến chuyện Tú Uyên lại có miêu-tả đến Bích-câu.

(3) TK là chữ ông dùng để gọi tắt thoại nguyên-tác BC in trong sách *Truyện-kì tân-phổ*. Tôi cũng sẽ dùng như vậy, cho tiện.

nhắc đến điều-kiện nghề in và xuất-bản ở thời xưa.

— xác-định được thời-điểm của bản gốc : xét những chữ đã viết hủy (hoặc không hủy), đoán được rằng « bản ấy được viết vào khoảng 1833-1840 ».

Sau đó, ông tóm đại-cương phép hiệu-đỉnh, nêu ra ba cấp khác nhau tùy theo trình-độ từ dễ đến khó (cf. tường-giải, dưới đây). Ông cho biết rằng sau khi đã hoàn-thành hiệu-đỉnh trên cơ-sở ba bản in chữ nôm kia, ông lại duyệt lại tất cả, vì có tham-khảo được một thoại khác nữa, xuất-hiện năm 1958 : đó là bản PT (1) của ông Trần Văn Giáp, phiên-âm theo bản nôm viết tay nay còn chép trong gia phả dòng-dõi Vũ Quốc Trân tức là « cụ mền Đại-lợi », một người sống thời Minh-Mạng Tự-Đức. Bản PT có nhiều ưu-điểm, bổ-túc cho vài chỗ lạc văn hoặc đứt đuôi trong ba bản in, lại bổ chứng và củng-cố thêm nhiều thoại hiệu-đỉnh của bản HXH. Nhưng bản PT cũng có vài chữ sai chung với ba bản nôm in, khiến phải nghi rằng tất cả bốn bản đều cùng một gốc mà thôi. Thời-điểm của bản gốc này — nếu khảo-chứng của Hoàng-quân là đúng — là « viết vào khoảng 1833-1840 » : bởi lẽ ấy, ông chưa công-nhận thuyết của ông TVG cho rằng Vũ Quốc Trân chính là tác-giả truyện BC nôm, vì « bấy giờ họ Vũ chưa sinh, hoặc còn nhỏ lắm ». Xét bút-pháp trong truyện và các dấu-vết ảnh-hưởng của văn *Kiều*, ô. HXH vẫn nghi rằng có lẽ phải tìm tác-giả trong đám văn-phái Hồng-sơn.

Bình-luận về văn-chương BC, ông

phân-tích hình-ảnh, bút-pháp, từ-điệu, cho ta thấy rằng « văn điêu-luyện vào bậc nhất, ngang hàng với *Mai-dình mộng-kí* và *Kiều* ». Xét tâm-lí, ta thấy rằng từ TK mà chuyển sang diễn-ca có vài dị-điểm quan-trọng tỏ rằng tác-giả diễn-ca không hoàn-toàn tán-đồng cái lạc-phách triết-đề của tác-giả TK, mà vẫn còn ràng-buộc ít nhiều với danh-giáo của nhà nho : dự-phóng thoát-sáo bị kềm lại vài phần, khiến văn gọn và thanh hơn trong TK, nhưng cũng vì vậy mà nhạt hơn, nhẹ phần sôi-nổi và nặng phần « lí-sự ».

III. Trình-bày chính-văn BC nôm.

Văn không in liên-tiếp một mạch, mà chia thành chương, thành đoạn, đặt dưới từng đề mục một. Phần hiệu-chú ở dưới chính-văn thường gồm ba tầng :

- diễn xuôi nghĩa từng câu.
- hiệu-đỉnh hoặc giải nghĩa văn từ.
- bình-luận văn-chương, phân-giải các nét nghệ-thuật mà ông đã khái-quát ở cuối bài *Dẫn*.

Phần chính-văn có tiếp-thu các cống-hiến của bản Vũ Quốc Trân. Tăng thêm mấy vế ở những chỗ lạc văn trong các bản môn in, nhất là thêm 22 vế ở cuối truyện. Tuy tiếp-thu thoại ấy, nhưng ông có phê-phán những chữ khả-nghi.

IV. Phụ-lục TK : dịch trọn nguyên-tác, cũng phân chương đoạn giống như

(1) nhà x.b. Phồ-thông, Hanoi. Do tên nhà xb, nên ông gọi tắt đó là bản PT.

ở BC nằm trong phần III, lại nêu sự song-hành giữa hai tác-phẩm bằng những số-mục chung, khiến sự đối-chiếu thêm tiện-lợi. Thỉnh-thoảng cũng có cước-chú về điển-tích dùng riêng trong nguyên-tác. Các đoạn vận-văn trong TK đều được dịch thành thơ ; nhưng có vài bài không dịch, vì ý trùng lập.

Cuối sách có thêm hai bảng tham-khảo :

— Tự-vị : không phải chỉ là thông-kiểm từ-ngữ giúp ta tra xem chữ nào nằm ở về nào, lại còn bổ túc giải-thích

cho khá nhiều chỗ chưa kịp hay không tiện tường-giải trong các hiệu-chú ở phần III. Khi gặp danh-từ Hán, hoặc thành-ngữ nằm mượn ý một thành-ngữ Hán, ông đều có chua thêm chữ Hán của tiếng gốc ; tùy từng trường-hợp, ông nêu nguồn-gốc điển-tích hoặc dẫn văn-liệu trong thơ-văn nôm, hay trong tự-vị cũ, để xác-định tinh nghĩa.

— Bảng kê chữ văn.

Nhân bản in của nhà Đại-học đã xếp sai-sót nhiều chữ, ông có phụ thêm một tờ Cải-chính mà độc-giả nên dựa theo để sửa lỗi in trước khi đọc

oOo

NHẬN-XÉT CHUNG

1) Một thái độ tri-học

Một ưu-điểm chung của tác-giả, kể từ các cuốn cũ như *Lí thường Kiệt*, *La sơn phu tử*, CPNBK, cho đến cuốn BC này, có thể gói gọn trong bốn chữ *thâm nhập thiên xuất*, nghĩa là ông vốn có một học-vấn uyên-bác, lại tìm được rất nhiều tư-liệu mới lạ, tư-liệu đã nhiều thì cũng dễ gây phiền-toái chi-lệ trong sự thẩm định và nghiên-cứu, thế mà luôn -luôn ôn có khả-năng *chấp giả ngự phiền*, bố-cục toàn sách và mạch-lạc câu văn, bình-luận bao giờ cũng phân minh giản-dị, dễ đọc dễ hiểu. Nội dung phong phú, trình-bày giản dị ; đây chưa phải là tác phong thường thấy trong giới khảo-cứu ở nước ta đâu.

2) Những giác-sắc mới

Bảng đi hơn 10 năm từ sau cuốn CPNBK (in năm 1953), ta được đọc thêm một tác-phẩm nữa của ông, nhận thấy

rằng trong thời-gian « im-lặng » ấy (1) sự nghiên-cứu của ông vẫn tiến triển và nay đã đạt mức-độ toàn-diện. Trong cuốn BC này, ta vẫn thấy hai sở-trường cố-hữu của ông, là khảo-chứng sử liệu và nắm vững chữ nôm và cổ-ngữ để hiệu-định văn-bản. Nhưng lần này, ông kiêm trị nhiều phương-diện khác mà trước đây ông chưa làm kĩ hoặc không làm :

a) *bình giá văn chương* : phần này thiếu hẳn, trong cuốn *Thi-văn Việt-nam* (1951 ; sau đây sẽ gọi tắt là TVVN) ; hoặc chỉ khái-quát văn-tất — mà thiên về phân-tích từ-điệu — trong non một trang ở bài *Dẫn các cuốn Đại Nam quốc-sử diễn-ca* (gọi tắt là ĐNQSDC) *Mai-dinh-mộng-kí* (gọi tắt là MĐMK) và CPNBK.

(1) kể cho đủ thì giữa hai cuốn CPNBK và BC, ông có « hiện-diện » trong văn-lâm bằng một vài ấn-phẩm như : tái-bản hai cuốn ĐNQSDC và MĐMK (đều do nhà Trường-thị in lại Saigon 1956), một bài trong nguyệt-san *Đại-học* số 10 (Huế, tháng 7/1959) một bài trong *Bách-khoa* số 121 (15/1/1962).

Nay ông giải tường tận hơn, dõi theo toàn-bộ từng đoạn trong BC mà vạch ra các nét nghệ thuật ẩn kín ; làm chỗ ông bình-luận rất khám-phá, cho ta thấy mối liên hệ giữa kĩ-thuật hành-văn và cá-tính của tác-giả. Ngay những trang khái-quát trong bài *Dẫn* cũng đáng chú-ý lắm, cung cấp cho ta những nhận-định tổng-kết về đặc-sắc của BC, bằng cách so-sánh tư-tưởng và nghệ-thuật của TK và diễn-ca. Tôi cho rằng đây là một trong những cống-hiến quý nhất của bản BC/HXH, nó làm cho một phê-phán của bạn Nguyễn văn Trung — «ông Hãn là một trong những người đầu-tiên nghiên-cứu văn-học-sử V.N một cách khoa-học nhưng chưa thể gọi ông là nhà phê-bình văn-học, vì ông chưa xác-định giá-trị nghệ-thuật thẩm-mỹ những tác-phẩm mà ông nghiên-cứu...» (1) — nay hầu như không còn đúng nữa.

b) muốn thưởng-thức nghệ-thuật thì trước tiên phải hiểu rõ văn-từ. Một trong những cái «học búa» của cổ-văn là thủ-pháp dùng điển-cổ, mà trước đây Hoàng-quân chủ-trương không cần tường giải — như trong bài *Dẫn* cuốn ĐN QSDC ông viết : «sự tìm-hiểu chú-thích nhiều khi làm cho độc-giả quên đi ă đến nội-dung chính của câu văn, và có thể ví với sự tò mò tìm vết ở vỏ mà quên xem ruột trái cây» —, hoặc trong các sách cũ, ta thấy ông nhường hẳn công-tác ấy cho một người khác (trong hai cuốn TVVN và *Mai-dình-mộng-kí* người chú-thích là ông Nghiêm Tản), hoặc chính ông cũng có chú-thích nhưng chưa dụng công nhiều (như trong CPNB K, chú giải điển-cổ phần lớn là dịch

nguyên-chú của bản Long-hòa, dịch thôi chứ không khảo lại). Nay trong bản BC này, ông đã tận-lực giải-quyết loại khó-khăn ấy, tra-khảo rộng-rãi để truy đến gốc điển-tích, lại dẫn nhiều văn-liệu Hán hoặc nôm đề củng-cố lời giải. Có điển khá xa-xôi (tỉ như *chim khơi bóng thuyền*, ở vế số 66), nếu không đọc rộng như Hoàng-quân thì có tra một trăm *Từ-nguyên* hay *Từ-hải* cũng không mò ra được manh-mỗi câu-chuyện.

Ông cũng không ngần-ngại chú-giải những chữ thật ra không hẳn là khó, nhưng vì là loại đồng-âm mà khác nghĩa nên độc-giả ngày nay dễ hiểu lầm : tỉ như lối *mục*, dấu *tiểu* (v. 14), *phách* bướm (v. 27), nhờ *ấm* thung-huyền (v. 19), *chiều* trời (v. 45, thú *Mẫu* (v. 77), *hoa lê* (v. 80), người *thơ* (v. 93), nhờ *đức* Lão-quân (v, 361), chén *đồng* (v. 413)...

c) hiểu điển-cổ và các hóc búa khác của văn-từ cũng chưa đủ, vì từ-ngữ trong một văn-phẩm không phải là những thẻ đứng rời, riêng biệt ; nó là thành-phần nằm trong một tổ-chức, một kết-cấu, một mạch-lạc. Nhưng mạch cổ văn rất khó theo dõi vì đây không phải là văn xuôi mà là thơ, nhất là hạng thơ điêu-luyện : hành-văn quanh co, tứ văn xuất hiện một cách gián tiếp, bằng hình-tượng ví-von chứ không bằng suy-diễn trừu-tượng «thăng bằng một mạch». Thế cho nên Hoàng quân làm thêm một việc chú-thích rất hữu ích, là toát yếu *nghĩa xuôi* của từng câu từng đoạn một, đại-

(1) cf. *Lược-khảo văn-học*, I, Saigon 1993, nhà x. b. Nam-sơn, trang 33.

khái giống như lối *thề-khí* của Chu-Hi (trong sách *Thi tập truyện*) hay lối tóm chương chỉ của Triệu Kì đời Hán (chú-thích *Mạnh-tử*). Phần giải nghĩa xuôi này cho ta thấy Hoàng-quân có con mắt đọc cõ-văn rất tinh-nhuệ minh mẫn; luôn luôn ông nắm vững được mạch văn, cho đến đôi có vài chỗ ông chưa tra đúng điển-cổ mà vẫn giải đúng hàm-nghĩa của cả câu, cả đoạn! (xem bổ-chính, dưới đây).

3/ Một ngẫu-nhiên thú-vị

Một sự-kiện giúp ta đo mức thành-công của bản HXH, là năm 1958 ông T VG cũng đã in ra một bản chú-giải BC khá công-phu, bản này rất ít người ở đây được đọc, ngay chính ô. HXH cũng không biết đến nó khi soạn bản của ông: đó là cuốn *Bích-câu kì-ngộ khảo-thích* (1), cũng dựa vào thoại nôm Vũ Quốc

Trân như bản PT nhưng không có tính cách «phổ-thông» như bản PT, mà thuộc vào loại bị-khảo tương-tự như bản HXH nghĩa là có khảo chứng, có khảo-dị văn bản, có phụ lục phần dịch gần trọn Nguyên-tác TK, có bảng từ-vị ở cuối sách, và cũng có vài trang bình luận về tâm lí và nghệ thuật.

Riêng đối với việc hiệu đính, tôi tưởng cần nêu ra một vài so sánh giữa hai bản HXH và TVG, vì ông HXH chỉ tiếp thu được thoại Vũ Quốc Trân xuyên qua bản PT mà thôi, bản này soạn không kĩ nên có có một số chữ sai (tức là lỗi in), hoặc có chữ khác hẳn chữ trong bản. T.V.G.

(còn tiếp)

TẠ-TRỌNG-HIỆP

(1) Hanoi 1958, nhà x. b. Văn-hóa, 203 trang 8 trang ảnh. (Sau đây sẽ gọi tắt là bản TVG).

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. D. A. E. D.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique
Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

ĐÔNG-HỒ

CHI LAN * ĐÀO LÝ

*Mùa xuân trồng cây đào cây lý thì
mùa hạ có bóng mát, mùa thu có quả ngọt.*

(Hàn thi ngoại truyện)

Quỳnh-lâm thư-thất, mùa hè năm Ất-tị.

Anh Nguyễn Ngu-Í,

Hai câu phỏng-vấn trên, tôi đã trả lời trong bức thư viết cho anh từ hồi giữa mùa xuân, còn câu phỏng vấn thứ ba, tôi phải đợi đến bây giờ, mới trả lời cho anh được; vì câu chuyện sắp nói với anh, nếu nói từ khi đó thì hãy còn sớm quá.

Tôi phải đợi đến cuối năm-học 1964-1965 này, cho hết khóa giảng của tôi ở Đại-học Văn-khoa, để cho có đủ thời-gian nhận xét. Nhận xét hoàn-cảnh, nhận xét đám môn-sinh mới, nhất là nhận xét chính bản-thân, nhận xét chính tâm-trạng mình, rồi mới trả lời đúng được.

Tôi vừa đi coi cho sinh-viên thi Chứng-chỉ Văn-chương Quốc âm về. Cảnh trường thi còn lưu cho tôi những ấn-tượng êm-ái sâu xa, cho nên tôi hãy nói cho anh nghe ngoại cảnh của Đại-học Văn-khoa này.

Khu Đại-học Văn-khoa bây giờ, nằm trọn vẹn trong khu Khám-lớn ngày xưa. Khu đất này là một khu đất lịch-sử đau đớn của nước nhà, dưới thời ngoại-thuộc. Lòng đất ở đây đã thấm đậm bao nhiêu là máu là nước mắt của dân tộc.

* Bỏ tước bài « Viết và sống với Đông-Hồ » phỏng vấn của Nguyễn-Ngu-Í, đăng ở Bách-Khoa số 193, Tết năm Ất-Tị.

Tôi muốn nói lại một ý nghĩ của tôi từ trước. Cũng như năm trên, bữa vào Đồn Cây-mai ở Phú-lâm tìm dấu Bạch-mai-thi-xã, tôi đã phải phàn-nàn tự trách mình không có tài làm nên một bài thơ cho Gò-đất-lich sử nọ. Thì hôm nay, tôi lại phải phàn-nàn mà tự trách mình : Thi-tứ của mình sao mà nghèo nàn quá, tâm-hồn của mình sao mà khô-khan quá, cho nên chưa làm nên được một bài văn tùy-bút, một bài thơ trường-thiên cho thật thống-thiết, cho thật lâm-ly để miêu tả lại khu đất lịch-sử thế thảm này. Tôi chưa làm được, nhưng sẽ có bao nhiêu người làm được. Phải có mới được. Phải có bài văn bài thơ nói cho hậu-thế nghe lại tiếng nói của tiền nhân, để cho thế hệ sau này thấy lại ý khí, thấy lại tâm tích, thấy lại hình ảnh lồng-lộng của Di-vãng, không phải chỉ để xót thương, không phải chỉ để cảm phục, mà còn để tự-bào, còn để hân-hoan, nhờ có một định mạng may-mắn dong ruồi cho Thế-hệ hôm nay được bước chân vào đây, được ngày ngày đi đứng trên vạt đất này, để thông cảm với tiền-nhân, qua tiếng bình văn giảng sách, để bước lui về quá-khứ, qua nếp ý nghĩ suy tư.

Ở đây, ngang dọc trên lối thông còn những phiến gạch son tàu sứt mẻ, ngày xưa chắc là ở trong mái, trong tường ngực-thất, bây giờ thì nằm phơi giữa trời, nắng mưa mài rửa đỏ tươi, cho mắt nhìn như thấy rớm ra sắc huyết hận. Ở đây, rải-rác trong đám gai gốc còn những tảng đá xanh nhẵn, ngày xưa chắc là làm nền làm ngạch nhà lao, bây giờ thì nằm trơ góc cạnh giữa gió sương, cho mắt nhìn như thấy phôi ra khi ngạo cốt. Đó là những bản chúc-thư. bằng gạch bằng đá, khắc lên đó nhưng nét chữ sắt son.

Lám lúc tôi nghĩ, bao nhiêu người vào đây, hãy nên cởi giày ra, mà đi chân không mới phải. Đi chân không, chẳng phải là vì kính nể chỗ thiêng liêng như khi bước vào nơi tín-ngưỡng. Đi chân không ở đây là để cho thỏa thích cảm xúc. Mặt đất ở đây còn ghi nhiều dấu tích lắm, còn ghi nhiều tâm-hồn lắm. Chân chúng ta bị cách ngăn bởi làn da giày thì làm sao mà chạm thẳng đến dấu tích nọ, tâm hồn kia cho được. Làn da giày đã làm cho da thịt chúng ta không tiếp xúc trực tiếp được với Di-vãng. Chúng ta được đi chân không trên khu đất này, chúng ta mới sẽ thấy được một mát-mẻ, một êm-dềm, một cảm-quan sung-sướng thấm đượm vào người.

Có một lần, đứng với các sinh-viên trước phòng B4 và B 1, nhìn mặt đất sân trường chạy thoải-thoải, đồ thấp xuống phía đường Lê Thánh-tôn, tôi nhắc một đoạn trong sách *Ngồi tù khám lớn* của Phan-Văn-Hùm :

«Vì triển đất nghiêng trục, nên Khám-lớn phải chia làm hai cấp, mặt cấp dưới cách mặt cấp trên... Bây giờ nhớ lại khi ở ngoài đi xe-kéo, thấy anh cu-li giựt dõc Mac-Mahon mà thương».

Anh Nguyễn Ngu-Í, nếu tôi phải chú thích câu nói của Phan Văn-Hùm rồi kéo dài câu chuyện thì biết bao giờ cho hết. Tôi chỉ nhắc qua để cho thấy rằng «tiền thân» khu Đại-học Văn-khoa này là một kiếp tử địa sâu-thành... Tôi bỗng

nhớ lại một câu thơ trong *Tây-xương-ký*, không liên-quan gì với chuyện này, sao mà nghe như có:

Hãy đem tình kiếp trước

Thương lấy kẻ về sau

Thôi, tôi xin ngừng ngang « tình kiếp trước » ở đây mà nói đến « kẻ về sau ».

*
*
*

Thật-sự kiến trúc cho Đại-học Văn-khoa là dãy nhà lầu nằm dài theo mép đường Nguyễn Trung-Trực. Từng dưới đất, dùng làm văn-phòng, làm giảng-đường, làm phòng-họp giáo-sư, làm phòng-giấy cho ông khoa-trưởng. Hai tầng trên lầu, dùng làm mười lớp học và thư-viện. Bao nhiêu đó thì làm gì đủ chỗ cho gần ấy số đông đảo sinh-viên Văn-khoa. Thật là may mắn. Khu đất này, khi mới cất dãy nhà lầu Đại-học phía trước, thì phía sau có tổ chức cuộc triển lãm mấy kiểu nhà tiền-chế và tổ-chức một Hội-chợ. Triển lãm xong, còn bỏ lại bốn ngôi nhà tiền-chế và bốn dãy gian hàng. Bốn ngôi nhà nhỏ tiền-chế đó, bây giờ sinh-viên chiếm làm văn phòng, làm câu-lạc-bộ, làm ban ăn-loát bài giảng, làm ban tụ họp, ban nghiên-cứu, kể cũng tiện lợi.

Thuở họ Ngô trị vì, sau khi dinh Độc-lập bị bắn phá, Tổng-thống-phủ dọn về dinh Gia-long. Khu Đại-học cách dinh Gia-long chỉ có một con đường, kẻ như khít liền nhau. Đứng bên này nhìn sang bên kia rõ mồn-một. Cho nên, khi đó họ Ngô đã truyền lấy bốn dãy gian hàng của Hội-chợ bỏ lại, sửa làm bốn trại lính cho Lữ-đoàn phòng-vệ Tổng-thống-phủ đóng.

Bốn trại lính này chiếm đóng hơn nửa vuông đất về phía đông.

Có người sinh-viên cổ-cựu kể chuyện rằng : Hồi thời đó, sân sau nhà trường Đại-học này, dây kềm gai chằng-chịt, bố trí những xe tăng, xe thiết-giáp, súng trọng pháo, súng phòng-không ngồn-ngang ; ngày đêm sát khí đằng đằng. Đám sinh-viên bị cấm không được nhìn ngó đi lại sau nhà trường.

Trong ngày Cách mạng 1 tháng 11 năm 1963, cũng như dinh Gia-long, trường bị bắn phá dữ dội. Tôi có hỏi thăm về việc « lửa thành cá ao » này, một người sinh viên đưa tôi lên Thư-viện, lấy cho tôi coi quyển *Pháp Việt tự điển* của Đào Duy-Anh, dày một tấc, đóng bìa cứng bị đạn bắn xuyên. Vết đạn xoáy vào ruột sách, còn vài tờ nữa đến chữ D. Vết đạn này là một chứng tích phá hoại Văn-hóa của vũ-khí, hay là chứng tích Vũ hóa cứ muốn xâm chiếm sâu vào lòng Văn-hóa.

Bốn dãy nhà quân-sự đó, cũng như bốn kiểu nhà tiền-chế kia, sau ngày cách-mạng 1 tháng 11, bỏ lại cho Đại-học. Trường sửa-sang dọn dẹp, dùng làm bốn lớp học khá rộng rãi.

Có mấy người sinh-viên kể chuyện lại tôi nghe cảnh dọn dẹp trường học vui vẻ nô nức lắm. Cả khoa-trưởng, cả giáo-sư, áo tay trần, ra tận chỗ, cùng với các anh em, các chị em sinh-viên tập thể dọn dẹp gai góc, hốt nhặt miếng đạn

sửa-sang hoa cỏ, cho lãnh-vực quân sự biến thành địa-hạt văn-hóa, nói cách trịnh trọng hơn, là làm cho can qua biến thành ngọc lụa.

Bây giờ, khu này trở thành khu Đại-học Văn-khoa thích nghi lắm. Thích nghi cho tinh thần chữ nghĩa và cho tâm-hồn văn-chương.

Trường Đại-học Văn-khoa bây giờ không phải là nơi « trong gang tấc mà đối với Sài-gòn như cù lao và biển cả » như lời tác-giả *Ngồi tù khám lớn* nữa. Trường-sở bây giờ thì bốn phía rộng rãi thênh-thang, không có tường cao rào kín cách ngăn, cả bốn phía đều trông ra bốn mặt đường lớn, tiếp xúc trực tiếp với làn sóng sinh-hoạt của Kinh thành. Phải chăng, nhờ thế mà đúng với vế trên câu câu đối của thi-nhân nghĩ cho trường học :

*Văn giữa lòng đời, xã-hội mực tuôn
đồng hoạt động.*

đề đối với vế dưới :

*Liếng trong hồn nước, non sông lời
nở áng tinh hoa.*

Vuông đất này, chỗ cao nhất là chỗ góc đường Gia-long và Công-lý, chỗ thấp nhất là chỗ góc đường Nguyễn-Trung-Trực và Lê-Thánh-tôn. Đứng trước phòng B4 tức là chỗ cao nhất mà nhìn xuống, có cảm-giác như đứng trên ngọn đồi con nhìn xuống cánh bình-nguyên, cánh thung-lũng cũ nào quen quen. Các người sinh-viên nói với tôi rằng nhờ có cuộc đất nghiêng dốc đó mà tiện lợi cho những buổi liên-hoan, trình diễn Văn-nghệ. Ban tổ-chức khôi căn dựng lên bục gỗ. Chỉ việc thiết lập sân-khấu trên mô đất cao nhất, khán giả

đứng tít đằng xa cũng trông thấy rõ ràng Quả thật là một vũ-đài thiên-nhiên khéo an bài.

Những lúc có dạ-hội đình-liệu như vậy thì đẹp lắm. Đèn đuốc giăng như sao, hoa gấm ần ước như mây, tiếng ca tiếng hát vang vang trong thanh-không thiên-lại.

..

Chung quanh ven đồi, mấy hàng cây điệp, lớp trong lớp ngoài, độ này đang nở thịnh, lớp chi-chít trên cành, lớp rải-rác dưới đất, gây nên cảnh tượng « thiên nữ tán hoa » phấp-phới tung-bừng như nhìn vào đám si-tử nô-nức, hớn-hở vào trường thi. Hoa điệp này, có chỗ còn gọi là hoa phượng-vi, còn gọi là hoa soan, đều không đúng. Phải nên gọi là hoa-học-trò, hay là hoa-trạng-trạng mới phải. Sao mà hoa có tương quan với trường học với thi cử như vậy. Mùa hoa là mùa thi. Mùa thi đang giữa mùa hoa. Học-trò mà thi đậu, thì hoa này là tượng trưng cho thông minh tuần tú, là biểu hiệu cho đặc ý hân hoan. Học trò mà thi đậu thì chính bản-thân là những đóa hoa-trạng-nguyên đang nở đỏ. Khi nói đến hoa-trạng-nguyên là có nghĩ đến các đóa nữ-trạng-nguyên trong đó, cho sắc hồng tươi của trường thi thêm nét diễm kiều.

Trường-thi hồng lên nhờ hoa mà trường-thi hồng lên cũng nhờ nắng. Nắng hồng như lụa làm cho những cánh lụa hồng thêm.

Hoa-sử có nhắc đến hoa-thi-hầu, hoa phở có kể lại hoa-tín-phong, thì nắng mùa thi là hoa-thi-hầu và gió mùa thi là hoa-tín-phong của loài hoa-học-trò, hoa-trạng-nguyên này đó.

Nắng hè ở trường thi cũng đẹp như cánh hoa điệp ở trường-thi. Nắng cho gió ấm. Nắng như có hương. Người nào đã nói được câu « Như tọa xuân phong trung » chắc hẳn là đã từng được ngồi trong thứ gió ấm này. Gió làm cho nắng dịu. Gió làm cho nắng xông hương.

*Đại-học Văn-khoa rực-rỡ ;
Bình-minh sáng ngập nắng hồng.
Lớp học, sinh-viên hớn hờ ;
Trường thi cánh phượng ửng hồng.*

*Đề thi đã ngỏ niêm phong ;
Lòng giấy xôn xao hồn chữ.
Suy tư ý tưởng mênh mông,
Vui rộn nao lòng sĩ tử...*

*Mái tóc buông dòng văn tứ
Tỏa trên vầng trán thông minh
Tờ thảo xanh tươi hàng chữ ;
Ngồi hoa bút nở rung-rinh*

Ngồi bốn tiếng đồng hồ trong khung cảnh này, làm một bài thơ trăm vận cũng sẵn tứ thơ, nữa là làm một bài nghị-luận văn-chương quốc-âm. Hoa-trạng-nguyên mà nở đỏ hồng là tự nhiên phải nở.

Hội triền lâm kiều nhà tiền-chế còn bỏ lại một bề cạn, một hòn giả sơn, một mái hư-dinh, mấy gốc cây đại ngồng nghèo với mấy chòm lục-trúc xinh xinh. Nếu khéo sửa sang, là trở thành một cảnh cổ thụ sơn hồ, có cây có đá, sẽ hợp hoàn-cảnh cho văn-học cho triết-học.

Nhưng mà không sửa sang lại hóa ra kỳ thú. Những người sinh viên ở đây, tự tám hướng tập hợp đến chốn này. Mỗi khi vào lớp học, quên không đem theo bó hoa tươi cắm lên thư-án, thì đã có những cảnh

hoa đại cười-cợt nhắc cho. Những cảnh hoa từ đâu ngoài hiện ngoài vườn, len mình vào khe cửa sổ, xuyên thẳng vào lòng lớp học, nghiêm nhiên nở nên chùm hoa duyên dáng thư sinh, đề chộp lòng sách vở cảm thông hoa đồng với lòng Vũ-trụ.

Ở đây lại có một cảnh vườn quê nho nhỏ. Nhân sẵn có đất rộng bỏ không, gia-dình người lao công giữ trường cuốc mấy luống rau, cày mấy vòng cải, vòng khoai, gác mấy giàn dưa giàn bí. Lá khoai xanh, bông cải vàng điểm điểm, đàn gà tha-thần tìm thóc, con bướm bướm, con chuồng chuồng nhớn-nhờ, cho thấy có cảnh « sơ thái tân » mát mẻ, lại cho thấy có cảnh « đậu bằng qua giá » êm-dềm.

..

Chung quanh đây, quân sự còn bỏ lại nhiều kềm gai. Kềm gai giăng ngang, kềm gai giăng dọc, kềm gai cuộn tròn rồi núi. Nhưng bây giờ nhìn không chương mắt mà đã biến thành một nét dễ trông rồi. Chiến lũy kềm gai đó lâu nay bỏ hoang, đã bị các giống dây leo bao phủ. Tục ngữ nói « đậu đỗ bìm leo ». Tôi thì nghĩ Hóa-công vốn vẫn vô-tình mà Thiên-nhiên luôn luôn đắc thắng. Nay thì, dây bìm-bìm, dây thiên-lý lả-lơi, dây mơ biếc, dây mồng tơi đeo phủ, lá mơn-mởn, hoa xanh xanh, làm nên những dãy rào hoa cho khu Đại-học.

..

Nét chánh ở đây cỏ. Cỏ ở đây cho thêm niềm thân ái. Cỏ ở đây không có tay người săn sóc. Cỏ ở đây không cắt xén thẳng lối ngay hàng như ở công-viên. Cỏ ở đây là ý trang trọng của Thiên-nhiên đem phủ rợp sân trường.

Cỏ ở đây là tinh thân mật của Thiên-nhiên lan vào thềm lớp học. Cỏ dại không tên mà hoa dại cũng không tên. Cỏ không tên thoai-thoải mặt đôi con. Hoa không tên lwa-thưa lối đường dốc.

Người sinh-viên ở đây ít chịu bước theo bậc cấp đã xây, ít chịu bước theo nấc thang có sẵn, mà thích đạp trên cỏ xanh, đưa bước chân đi. Cỏ đã quuyến rũ, cỏ đã kêu gọi cho bước chân người lưu-luyến gót văn-hài. Người trước bước đi. Người sau bước theo nối tiếp. Bước người sau lạ lòng thay, tự-nhiên bước đứng lên dấu chân người trước. Bước lần sau cũng lạ lòng thay, tự nhiên bước đứng lên dấu chân lần trước.

Ngày tháng chồng lên. Thời-gian đếm bước chân người, vẽ thành những đường nét uốn éo nên thơ. Bài thơ lối mòn sao không có trong đó một triết-lý thâm-trầm, một tâm-lý sâu-sắc. Ngọn cỏ khả ái đã làm cho lối đường mòn khả ái. *«Đào lý bất ngôn, hạ tự thành hề»*, câu sách cổ sao mà tả đúng ý cảnh; tả đúng tâm tình lối cỏ mòn ở đây như vậy.

Mỗi khi vào lớp B4, từ cổng trường, chỗ hàng cây me già mép hè Nguyễn-Trung-Trực tôi phải đi suốt hết đường treóc góc của vuông đất Đại-ọc Văn-khoa. Tôi đã làm theo các người sinh-viên, không bước theo bậc-cấp đá xây mà thích đi vào trong cỏ, thích noi theo lối mòn lên xuống thấp cao, uốn cong đường uyển chuyển.

Lững-thững bước đi, tôi thấy được bước lại trên lối xưa quen thuộc mà tôi tưởng đã lạc mất từ lâu và tôi đã nhớ-nhung. Trên lối xưa quen thuộc đó, tôi đã tìm thấy lại những tâm hồn quen thuộc cũ, trong đó, có cả tâm-hồn quen thuộc cũ của chính mình. Lối trong đám lá thơm hoang dại, đôi trên lối cỏ mòn thiên-nhiên, tôi nhìn những cỏ may cỏ mực ở đây thành ra cỏ chi cỏ lan mà cây phượng-vĩ cây bằng-lăng ở đây tôi cũng nhìn ra cây đào cây lý. Cỏ chi cỏ lan ngày xưa nào đó, đã mọc lan lan quanh nhà Tri-đức học-xá của tôi. Cây đào cây lý ngày xưa nào đó, đã rủ bóng mát quanh bờ Đông-hồ của tôi. Tôi bắt gặp đâu đây thoảng có phong-vị với dư-hương của sông Phán với rau cần.

*Như thấy lại nghi dung tự thuở
Thềm xuân phong hớn-hở lý đào
Em-đếm nước chảy non cao
Nước non lời hẹn năm nào chưa xa*

*Nắng lựa hồng tươi ánh nắng trưa
Nắng hồng lưu luyến gót hài đưa
Đường hoa lững thững quay
chân lại
Tìm mảnh hồn rơi trên nẻo xưa*

*Đã thấy hồn ghi trên bút hoa.
Tâm hồn thanh nhã đẹp thư sinh
Trời thơ mở rộng trang thi thảo
Đem ý vàng son điểm ngọc ngà*

*Thế hệ bài thơ mới trắng tinh
Bài thơ phong nhã đẹp thư sinh
Gió hè dịu dịu thơm hương nắng
Bóng lý đào gieo lối cỏ xanh.*

Anh Nguyễn-ngu-Í, anh và những ai
nữa còn muốn hỏi thêm về cảm-tưởng
với ý nghĩ của tôi đối với tinh thần
Đại-học Văn-khoa ?

Chúng ta nhớ lại mà coi. Thế-hệ chúng ta
ngày xưa muốn học được ít chữ nước
nhà, khó-khăn cực khổ biết chừng nào.

Lòng yêu tiếng-nói tổ-tiên, cũng như
lòng ái quốc, bị coi như một tội phạm. Dạy
quốc-văn, học quốc-văn bị chính-quyền
nghĩ kỵ, xã hội xem thường. Chúng ta
không may lớn lên trong cảnh ngộ khe-
khắt éo le như vậy mà biết tự-miễn tự-
cường, cố chí cầu học, khổ công tu luyện,
đôn đốc tận căn, đến nay chúng ta còn
học được năm ba tiếng-nói của nòi giống,
còn học được năm ba chữ-viết của
tổ-tiên.

Bây giờ đây, tiếng-nói nước nhà,
Văn-chương Quốc-âm, trong bao lâu
nay, đã chiếm được một địa-vị quan-
trọng trong nền giáo dục. Thế-hệ hôm
nay may mắn biết bao nhiêu. Tiếng Việt
đã công-nhiên được dạy được học, sẵn
trường sẵn thầy, tận tâm nỗ lực giảng
cứu sưu la, ngày đêm gióng-giã, trên
dưới ân-cần, thêm có qui cũ, có phương
pháp thì nền Đại-học Văn-khoa từ đây
trở đi, tiền trình sẽ còn cao đại khang
trang, tương lai sẽ còn xán lạn huy
hoàng, khí thế sẽ còn phấn khởi mãnh
liệt biết bao nhiêu, để cho thế-hệ xưa
xem thấy mà thỏa lòng, để cho thế-hệ
xưa ngấm nhìn mà ngoạn mục.

*Đây thế-hệ anh hoa tuấn tú
Đêm ngày đang vui thú sách đèn
Say sưa nghĩa lý thánh-hiền*

*Đông Tây Kim Cổ triền miên
mộng vàng
Đang đợi những huy hoàng cao
cả
Đang bắt tay luyện đá vá trời
Một trời mực đậm sơn tươi
Một trời Đại học một trời Văn-
khoa.*

..

Ngày xưa, chúng ta đã hết lòng tin
tưởng. Hôm nay, chúng ta mở ý lạc
quan, đưa rộng cánh tay đón mừng
ngày mai hậu.

ĐÔNG-HỒ
24.V.65 / 24.VI.6

SÁCH BÁO MỚI

— **Người xa lạ** ; nguyên tác
của An-Be Ca-Muy, bản dịch của
Võ-Lang, do Thời Mới xuất bản và
gửi tặng. Sách dày 135 trang, bản
đặc biệt không đề giá.

— **Năm thi-sĩ Hoa-Kỳ**, nguyên
tác cuốn « The Poets of America »,
bản dịch của Phan-Khải và Nguyễn-
văn-Cơ, do Ziên Hồng xuất bản và
gửi tặng. Sách dày 214 trang, gồm
thân thể và sự nghiệp của W. Ste-
vens, R. Frost, W. Whitman, E. A.
Robinson, W. C. Williams. Giá 30đ.

— **Sống Vui** số 2 ngày 31-5-65,
đặc san phổ biến lý thuyết Ohsawa:
trị chữa những bệnh gọi là « nan y »
không dùng tới thuốc, do 8 Ngõ-
thành-Nhân quản lý, ở 159 Phan-
bội-Châu Huế. Mỗi số khổ 16x24
dày 32 trang, giá 10đ.

Laboratoires

TENAMYD

PREPASONNE

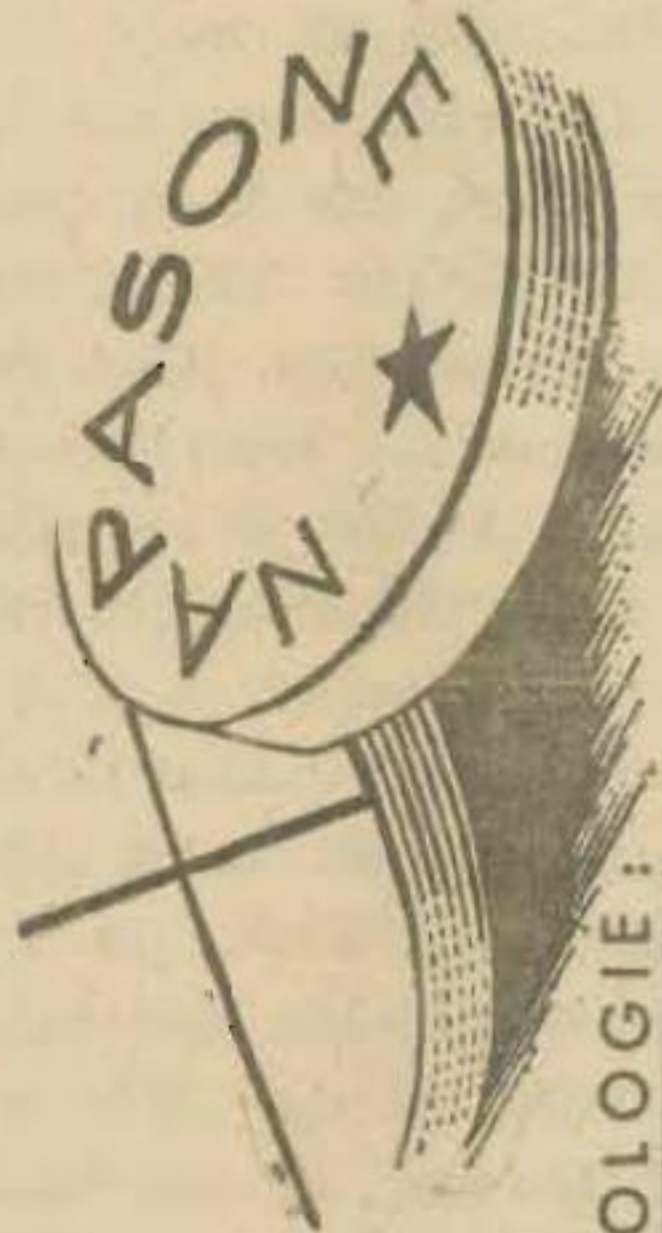
*Nouveau médicament de la
thérapie anti-inflammatoire
Corticostéroïde*

COMPOSITION :

Prednisone..... deux milligrammes cinq.
Dipyron..... 0,250 g.
N-Acétyl-p-aminophénol..... 0,125 g.
Pour un comprimé sécable

INDICATIONS :

Polyarthrites rhumatoïdes. Collagénoses.
Rhumatismes aigus ou chroniques.
Arthroses, Arthrites. Algies.



POSOLOGIE :

A titre indicatif :

Dose de début : 2 à 4 comprimés par jour.

Dose d'entretien : 1 à 2 comprimés par jour.

SAU MỘT SỐ BÀI GÓP Ý,
TÁC-GIA « LỊCH-SỬ LẠC-VIỆT »
LÊN TIẾNG :

Trở lại bài : Lịch-sử Lạc-Việt

• NGUYỄN-PHƯƠNG

V I Ế T ra là mong được kẻ khác đọc. Khi một bài được nhiều người đọc, bài đó là một nguồn khích lệ lớn cho người viết nó ra. Nhưng nếu một bài chẳng những được nhiều người đọc đến, mà còn được nhiều người lưu ý đến nỗi không ngại mất thì giờ hỏi thăm tác giả, hoặc góp bài gom góp ý kiến, thì bài đó không phải chỉ gây cho người viết một sự thoả mãn nhất thời mà còn đem lại nhiều bổ ích lâu dài về mặt trước thuật và kiến thức. Trường hợp sau này, chính là trường hợp của bài « Lịch-sử Lạc-Việt » của chúng tôi đăng trong *Bách khoa* ở các số 196 đến 200. Và chúng tôi xin đặc biệt tri ân tất cả những ai đã ban cho chúng tôi tấm thịnh tình của họ như vừa nói.

Nhưng trong việc tri ân cũng cần phải biết phân biệt giữa các thứ ân, xem thử trọng hay khinh, giả hay thật, ít hay nhiều, để khỏi phụ lòng những kẻ thành tâm. Vì vậy, sau khi đã quả quyết tấm lòng tri ân, chúng tôi nghĩ cần phải nêu ra một số nhận xét.

I.— Khi đọc bài « Lịch sử Lạc Việt » của chúng tôi, có nhiều người đòi hỏi chúng tôi những điều nằm ngoài đề mục. Trong một bài mà trọng tâm là lịch sử Lạc Việt, tôi không thể nói hết tư tưởng của chúng tôi về một vấn đề khác, như vấn đề nguồn gốc dân tộc Việt-Nam chẳng hạn. Nếu chúng tôi làm như thế chẵn chẵn cũng có quyền phê phán tôi nặng lời. Đăng khác bài « Lịch sử Lạc Việt » không phải là một bài đơn độc của chúng tôi nhưng nó đi với một loạt nhiều bài khác. Nó chỉ là một chương (và chương này cũng phải đã được đăng lên trọn vẹn trong *Bách-Khoa*) của một quyển sách của chúng tôi, hiện đang được nhà in Sao-Mai ở Huế ấn hành và mong sẽ được ra mắt độc giả vào cuối hè này, nhan đề là *VIỆT NAM, THỜI KHAI SINH*. So với toàn sách, chỗ của nó như sau :

I. Những người sống đầu tiên trên đất Việt Nam.

II. Tiền sử Lạc Việt.

III. Lịch sử Lạc Việt.

IV. Vấn đề nguồn gốc dân tộc Việt Nam.

V. Hành chánh cổ Việt trong thời Bắc thuộc.

VI. Chính trị cổ Việt trong thời Bắc thuộc.

VII. Cổ Việt độc lập.

Mà vì nó là thành phần của một công trình lớn hơn như vậy, nên có thể xảy ra trường hợp này là một điều nào đó có thể nói đến trong bài lịch sử Lạc Việt, nhưng không được nói đến, vì đồng thời điều đó cũng có thể và thực sự đã được nói đến trong một chương khác. Thử lấy chi tiết văn thân làm ví dụ. Chi tiết này đã được học giả Léonard Rousseau dùng làm một trọng điểm trong lý luận bênh vực thuyết của ông về nguồn gốc dân tộc Việt Nam. Bởi vì khi trình bày và bài bác thuyết đó, chúng tôi đã nêu chi tiết đó ra, nên trong bài Lịch sử Lạc Việt, chúng tôi không lặp lại nữa. Như thế, chúng tôi xin giải đáp sau nếu những lý luận được trình bày trong quyển *VIỆT NAM, THỜI KHAI SINH*, còn chưa thỏa mãn độc giả.

II.— Việc phê phán một bài văn cũng như phê phán một bài sử, là cốt ở chỗ nói lên giá trị của nó, giá trị của từng phần rồi giá trị của toàn bài. Một bài viết ra cũng giống như chính con người viết, thường vô thập toàn, nó có thể có phần hay, mà nó lại có thể có phần dở. Cổ ca lớn phần hay mà không nói gì đến phần dở, là thiên lệch, và cố mạt sát phần dở mà không nói đến phần hay cũng là thiên lệch. Phê phán là một việc cân lường giá trị, mà cân lường cốt ở chỗ mình

chính, vô tư. Nhưng muốn phê phán và nhất là muốn phê phán một cách minh chính, vô tư, điều kiện tất yếu là phải hiểu rõ điều mình muốn phê phán, vì không hiểu rõ, không sao phê phán được. Khốn một nỗi, đi sâu vào tư tưởng một tác giả, nhìn qua có thể cho là dễ, mà kỳ thực là một việc khó. Nó khó là vì ta thường mỗi người một ý, và tư tưởng người viết không giống tư tưởng của người đọc. Người viết, trước khi trình bày một tư tưởng, có thể đã học hỏi nhiều người, đã tham khảo nhiều sách, đã suy nghĩ lâu ngày, nhờ đó, lời nói ra, có thể được dẫn đo tể nhị, có thể mang thái độ cẩn thận của một người biết trước, biết sau. Một tư tưởng mất nhiều thì giờ để viết ra, đôi khi cũng mất nhiều thì giờ mới thấy rõ.

Muốn hiểu rõ tư tưởng của một tác giả khó khăn là như thế, nhưng trong việc phê phán hiểu mà thôi chưa đủ. Phê phán là cân nhắc nên người phê phán còn cần phải biết phân biệt chỗ trọng, chỗ khinh chỗ chính chỗ phụ. Có phân biệt được như thế mới có thể tóm lược đại ý một cách vững vàng. Việc tóm lược đại ý này tự nó cũng đã là một sự phê phán thô sơ, do đó, trong những lớp phê bình văn học hay sử học, người tập sự thường có bốn phần phải tóm lược mẫu chuyện mình sẽ phê-bình. Nếu tóm lược hồ đồ tất phê phán cũng bừa bãi.

Đọc những thư chúng tôi nhận được trực tiếp hay qua sự trung gian của tòa soạn Bách khoa, hay là đọc những bài được đăng trên tạp chí đó, chúng tôi nhận thấy bài « Lịch sử Lạc Việt » đã được phê phán bằng nhiều cách. Có

những lời phê phán ăn vào đề, lại có những lời phê phán không ăn vào đề, và trong loại ăn vào đề, cũng có thể phân biệt được hai thứ, thứ nói về nội dung của bài sử và thứ nói về phương pháp được dùng để chép. Chúng tôi mạn phép không đề cập đến những lời phê phán không ăn vào đề, còn về những thứ kia, chúng tôi xin bàn đến thứ ăn vào nội dung trước.

Bạn Thế-Giang, chẳng hạn, đã muốn có một cái nhìn tổng quát. Theo ý của bạn thì bài kia đã « mách cho những người yêu sử rằng người Việt Nam cũng có những kẻ có can đảm dùng sử liệu mà chép sử, chứ không phải bao giờ cũng bằng lòng nhai lại những điều đã được trình bày sẵn, bởi người Tây phương. Trong bài Lịch sử Lạc Việt, nhiều chân lý được nêu lên một cách sáng sủa và chắc chắn như chưa bao giờ thấy về trước. Đoạn lý luận về cuộc khởi nghĩa của hai bà Trưng hay đoạn nói về chồng bà Trắc là những đoạn thật là hay. Cũng có những chỗ nhiều ý kiến mới được đem ra, có lẽ chưa làm thoả mãn được người đọc ngay, vì tài liệu còn ít, như về đề ảnh hưởng nhà Hán trên dân Lạc-Việt hay những dây liên lạc giữa dân Lạc Việt và dân Việt Nam, nhưng lại có cái lợi là gợi ra những đề tài mới cho những người muốn nghiên cứu thêm » ...

Cũng muốn phê phán toàn bài nhưng theo một hướng khác, ông Bùi Hữu Sùng trong *Bách Khoa* (số 201 trang 29) đã cố tóm lược tư tưởng chúng tôi như sau ;

« Với một lập luận đanh thép, với một giọng cương quyết, Giáo sư khẳng định rằng :

« 1) Dân Việt Nam ngày nay là một giống đơn thuần, phát tích từ Trung Hoa có một vận mệnh lịch sử không riêng, hề pha trộn với một giống Mường hay giống nào khác.

« 2) Chứng cứ hùng hồn của ông đưa ra thuyết minh là dân Việt Nam (giống Trung Hoa) khác hẳn với dân Mường (giống Lạc Việt) về nhiều phương diện: Phương diện phong tục, phương diện tín ngưỡng, phương diện nhân chủng ».

Về lời của bạn Thế Giang, mặc dầu nhìn một cách khái quát, sự phê phán đã dựa trên nội dung của bài « Lịch sử Lạc Việt ». Chúng tôi chỉ xin thêm rằng chẳng những chúng tôi không muốn nhai lại một cách lười biếng những gì người Tây phương đã nói mà thôi, đối với bất cứ sự kiện lịch sử nào, chúng tôi cũng cố sức nhìn vào với tất cả nỗ lực có thể có và với tất cả những nguồn sử liệu có thể dùng được.

Còn cách phê phán bắt đầu với việc tóm lược đại ý như ông Bùi hữu Sùng đã làm, thiết tưởng là một điều cần, vì chính việc tóm lược này sẽ đặt cơ sở cho việc phê phán. Nhưng xét ra còn có một điểm cần hơn, đó là việc tóm lược bắt buộc phải đúng và điển hình. Khi tóm lược, chúng ta rút gọn ý của kẻ khác, cho nên nếu việc rút gọn là việc của chúng ta thì ý kiến được rút gọn phải là ý kiến của tác giả bài chúng ta đem ra rút gọn. Vì thế, ý kiến của đoạn rút gọn nhất thiết phải đúng với ý kiến

của tác giả bài. Rồi, đôi khi ý kiến được rút gọn có thể đúng, nhưng không điển hình. Đó là trường hợp sự rút gọn không nắm được trọng tâm của bài, hoặc không đại diện cho nhiều ý kiến khác. Bởi đó, nếu việc rút gọn không đúng, thì vấn đề điển hình không còn cần phải đặt ra. Tuy nhiên, không phải chỉ có vậy mà thôi, vì nếu việc rút gọn là biểu hiệu sự độc giả hiểu tác giả, thì khi rút gọn không đúng, độc giả đã làm chứng một cách cụ thể rằng mình hiểu tác giả không đúng, do đó những lời phê phán của độc giả đó thành ra lệch lạc.

Ở đây, chúng tôi rất tiếc mà phải nói ra rằng những câu tóm lược được trích dẫn trên không đúng với ý của bài « Lịch sử Lạc Việt » của chúng tôi. Đọc bài đó một cách thường sự mà thôi, ai cũng có thể thấy rằng chúng tôi không hề nói dân Việt-Nam ngày nay là một giống đơn thuần, không hề pha trộn với giống nào khác. Trái lại, ở *Bách-Khoa* số 200 (trang 52, cột 2) chúng tôi đã viết rõ ràng như thế này :

« Trong trường kỳ lịch sử, nhiều sự chung đụng với các giống người khác đã làm phong phú thêm cho giống nòi Việt-Nam ví dụ người Việt-nam, trong thời kỳ hình thành, đã pha lẫn với người Lạc Việt, trong thời bành trướng, đã pha lẫn với người Chăm, người Chân Lạp, nhưng thế không phải là để nói rằng người Việt-Nam cũng là người Lạc Việt, cũng là người Chăm, hay người Chân Lạp. Người Việt-Nam bao giờ cũng chỉ là người Việt-Nam qua các cuộc chung đụng vừa kể ».

Ấy, chúng tôi đã nói rằng ngày nay

người Việt-Nam đã pha lẫn với nhiều giống người khác, mà ông Bùi hữu Sùng, tóm lược ý của chúng tôi, lại chủ trương rằng chúng tôi đã « danh thếp » và « hùng hồn » khẳng định rằng dân Việt-nam ngày nay « đơn thuần » không hề pha trộn với một giống người Mường hay giống nào khác. Có lẽ câu « người Việt-Nam bao giờ cũng chỉ là người Việt-Nam qua các cuộc chung đụng vừa kể » làm có cho người đọc hiểu lầm chẳng ? Xét ra không thể được, vì ý nghĩa rành rành quá. Trên đời này thiếu gì trường hợp có pha lẫn mà không mất cá tính, ví dụ pha một ít nước vào một ly rượu, đâu đã làm cho ly rượu mất chất rượu ?

Vì những lẽ nói đó, chúng tôi thành thực ngờ rằng ông Bùi hữu Sùng đã tóm lược ý kiến của ông, chứ không phải tóm lược ý kiến của chúng tôi. Và nếu sự tóm lược là cơ sở tỏ bày sự độc giả, hiểu thấu bài mình đọc, thì khi cơ sở đó đã lệch lạc, những chi tiết dài dòng ông nêu ra dựa trên cơ sở đó cũng tự nó sụp đổ, không cần phải chúng tôi biện minh gì nữa.

III. — Nhân bài « Lịch sử Lạc Việt », nhiều độc giả đã cho biết ý kiến về cách chúng tôi chép sử.

Có người, như ông Hà Duy Dân, tha thiết yêu cầu chúng tôi đừng nghiên cứu gì nữa, sự việc trước ra sao cứ để vậy là tốt nhất, và còn là tỏ ra yêu nước nữa. Ông dạy rằng : « Nên chấm dứt việc làm không tốt đẹp ấy, sự kiện lịch sử chưa cần phải chứng minh, nó xa rồi, hãy để yên cho người ta tin tưởng ». Nhưng, ở đời, mỗi người một tính, có kẻ muốn « để yên cho người ta tin tưởng »

lại có kẻ muốn biết rõ hơn về người ta thêm lòng tin tưởng thì sao? Thiết tưởng không nên bắt mọi người phải suy nghĩ cùng một đường như mình. Độc tài về chính trị còn khả ố, độc tài về tư tưởng chắc chắn sẽ không được ai theo. Vậy, ông đi đường ông, chúng tôi có thể cứ đi đường chúng tôi.

Ông Bích Hải cảnh cáo chúng tôi rằng đem những vấn đề như của bài « Lịch sử Lạc Việt » ra mà nói người ta có thể gán cho chúng tôi danh từ không yêu nước, vì trong bài đó chúng tôi đã động đến nhiều điều đã được từ lâu đời truyền lại. Sự nhân trong nhân dân đã được lưu hành lâu đời nhiều mẫu chuyện mà bài của chúng tôi trình bày không giống, đó là một điều có thật. Nhưng hỏi lâu đời là tự bao giờ? Và trước khi những mẫu chuyện đó chưa lưu hành, người ta không yêu nước hay sao? Lại, có phải tin theo những mẫu chuyện được lưu hành đó mới là có lòng yêu nước mà thôi không? Trái lại, cố gắng để biết rõ nguồn gốc dân tộc, cũng là một hình thức yêu nước, và tìm cho biết sự thật về nguyên lai của giống nòi thiết tưởng là một bổn phận của mọi người dân. Thường không phải một việc được truyền đi một thời gian bao giờ nhất thiết cũng là một việc có thật. Sự quả đất vuông xưa kia cũng đã được truyền đi lâu lắm, mà sai vẫn cứ sai.

Nhưng xét ra về mặt phê phán cách chép sử, ông Bùi hữu Sùng, cũng trong số *Bách khoa* 201, đã dành cho chúng tôi nhiều lời hơn cả. Ông viết một cách đao to búa lớn rằng :

« Cứ mỗi khi địa cầu chuyển mình, lý trí lại khiêm tốn nhận mình bất lực hơn nữa. Sau 1945, một phần ba thế giới bị trị vươn lên địa vị độc lập, các sử gia duy lý Tây phương thấy phương pháp khảo chứng bám sát vào văn liệu (textes écrits) của mình vô hiệu quả trước những cái đồ sộ « sử liệu chưa thành văn » như chuyện cổ tích, thần thoại, bài thánh ca, truyền miệng v.v... của Phi Châu. Các ông vội tự kiểm thảo và bắt đầu đi tìm lẽ lối làm việc mới (2) để thích ứng với đối tượng mới. Mà phương pháp là gì nếu không phải là một khí cụ chỉ thành công khi nó được áp dụng đúng với đề tài, đúng nơi, đúng chỗ. Cái cửa dùng cắt gỗ dù sắc tới thế nào ra nữa, cũng không thể mang ra cửa được thanh sắt. Tự xưa đến nay, giáo sư Nguyễn-Phương, các sử gia về nguồn gốc Việt-nam, đã thất bại là vì cứ áp dụng ở xứ này những phương pháp chỉ thích hợp với « sử Tây phương ». Có lẽ đến lúc phải tìm phương pháp mới, hướng mới, cho việc đi tìm nguồn gốc Việt nam ! ». Trong lời trích này, chữ số (2) là ăn với chú thích nói : *Les Annales* No 6 Nov. Décembre 1964, (Paris) Armand Colin.

Đoạn văn vừa đọc xong đó, tiết lộ nhiều điều nên biết. Chúng tôi không cần phải lưu ý đến sự ông Bùi hữu Sùng lên án rằng chúng tôi đã thất bại, vì lời ông nói đối với chúng tôi thường phải hiểu ngược, nghĩa là khi ông nói đã thất bại, thì phải hiểu là đã thành công. Tại sao như thế? Thì cứ nhìn lên trên kia một tí, trên kia ông nói chúng tôi chủ trương dân Việt nam ngày nay không

pha trộn, mà chính lúc đó trong bài chúng tôi viết, chúng tôi lại lỡ ra đã viết là người Việt-Nam đã pha lẫn với dân Lạc Việt, dân... Chúng tôi cũng không cần lưu ý đến sự ông đang « tìm một phương pháp mới » cho việc tìm nguồn gốc dân tộc Việt-Nam, vì phương pháp mới của ông có lẽ không bao giờ thành hình, và cũng không bao giờ cần đến. Còn nếu là ông muốn nói áp dụng phương pháp chung của thế giới vào Việt-Nam, thì việc đó chúng tôi đã làm và đang làm. Chúng tôi nói là phương pháp sử thế giới, vì phương pháp chúng tôi dùng để nghiên cứu sử không phải là phương pháp Tây phương, mà là phương pháp nước nào cũng dùng. Hồ Thích trong phần « Đạo luận » của quyển *Trung quốc Triết học sử đại cương* cũng dùng những phương pháp sử học như chúng tôi đã dùng. Rồi, chúng tôi nói là đã áp dụng vào Việt-Nam, vì không phải là chúng tôi chỉ đã dùng phương pháp sử đó để nghiên cứu mà thôi, mà trong quyển *PHƯƠNG PHÁP SỬ HỌC* chúng tôi cho ra đời năm 1964, chúng tôi đã trình bày sử học theo lối Việt-Nam. Quả thế, chúng tôi chưa hết thấy một tác giả phương pháp sử học nói về ý nghĩa lịch sử như ở chương hai của quyển *PHƯƠNG PHÁP SỬ* chúng tôi đã viết. Hình như ông Bùi Hữu Sùng nghĩ rằng trí khôn người Việt-Nam không theo kịp thế giới nên cái gì cũng phải bày ra một mẫu mực riêng. Sự thực, người Việt-Nam, về mặt trí thức, nếu không hơn, thì cũng chẳng thua ai.

Điều mà chúng tôi lưu ý và rất ngạc nhiên chính là sự ông có tài đi ngược lại với ông một cách quá mau chóng và dễ dàng. Trong đoạn trích trên, chúng tôi thấy ông hăng hái miệt thị phương pháp sử Tây phương, nói rằng nó « chỉ thích hợp cho sử Tây phương » không thích hợp cho Việt-Nam. Nhưng chính lý do ông đem ra để miệt thị lại là một nhận xét của người Tây phương nói rằng phải thay đổi lề lối làm việc. Hai đằng cũng là *nhận xét của người Tây phương về lề lối viết sử*, sao lại cùng một lúc vừa chê vừa khen? Hay là ông không hiểu rõ chính lời ông nói cũng như ông không hiểu những lời ông đọc (ví dụ « không pha trộn » « pha lẫn » trên kia)? Ông đi ngược ông nữa ở câu ông nói « các sử gia duy lý Tây phương thấy phương pháp khảo chứng bám sát vào văn liệu của mình vô hiệu trước những cái đồ sộ của « sử liệu chưa thành văn », có ý nói cũng một lẽ ấy chúng tôi « đã thất bại » trong việc bài bác truyền thuyết Hùng vương. Khốn một nỗi khi chúng tôi nói đến thuyết Hùng vương chúng tôi toàn dùng sử liệu thành văn rồi cả, và hành đã lâu đời nữa rồi. Ông còn nói ngược với ông lần thứ ba khi ông lấy hoàn cảnh Châu Phi để áp dụng vào việc chép sử ở Việt nam. Nếu hoàn cảnh Việt-Nam đòi phải có một phương pháp Việt-Nam như ông nói, thì sao hoàn cảnh Châu Phi lại không đòi phải có một phương pháp riêng cho Châu Phi, vì Châu Phi người da đen, độc lập sau 1945 như, ông nói, phải rất khác với Việt-Nam, người da vàng, độc lập kể từ 968? Hình như ông không quen bao

nhiều với vấn đề sử, vì ông không cho thời gian là quan hệ, đem việc châu Phi xảy ra sau 1945 áp dụng vào việc ở Việt Nam xảy ra đầu kỷ nguyên. Chúng tôi càng hồ nghi như thế khi thấy ông dịch tiếng « *histoire compréhensive* » là lịch sử thông cảm. Thật là ngao ngán, nhất là khi nghe được rằng ông đã từng viết sách Pháp văn. Thảo nào ông không hiểu giá trị của phương pháp sử học và chủ

trương phải chép sử theo tình cảm. Hay là ông chủ trương như thế vì chữ tình cảm và chữ thông cảm có cùng một thành phần « cảm » giống nhau ? Phần chúng tôi, chúng tôi xin thông cảm với ông về những lung củng trong bài ông viết, nhưng chúng tôi chưa có thể đồng ý với những ý kiến ông đem ra.

NGUYỄN PHƯƠNG

Nhà xuất - bản

SÁNG - TẠO

ĐÃ CHO PHÁT-HÀNH :

- BẾP LỬA
- VỠ BỜ
- TIẾP NỎI

của Thanh-Tâm-Tuyền

của Doãn-Quốc-Sỹ

của Trần-Thanh-Hiệp

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm - Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai Nạn — Hỏa Hoạn — Hàng Hải — Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane
— Hongkong Tananarive — Tamatave Addijan Douala

Trở lại vấn-đề Hùng-Vương hay Lạc-Vương

• TRẦN VIÊN

L. T. S. Sau khi đăng bài « Lịch sử Lạc Việt », không riêng gì Tòa soạn Bách-Khoa Thời-Đại mới nhận được thư và bài góp ý, mà chính tác giả bài đó là G. S. Nguyễn-Phương cũng nhận được tới chục lá thư tỏ bày thắc mắc. Do đó mà có bài trả lời trên đây của G. S. Nguyễn-Phương và những bài góp ý đã được lựa đăng từ B K. số 201 đến nay. Như chúng tôi đã trình bày khi khởi đăng bài « Lịch sử Lạc-Việt » là từ trước đến nay những cuộc tranh luận về nguồn gốc dân tộc V. N. vẫn thường sôi nổi, hào hứng. Chỉ tiếc rằng trong cuộc bàn cãi trên tạp chí Bách Khoa, đôi khi tác giả các bài gửi tới đã đề tình cảm bằng bột chỉ phối lời văn, nên có nhiều đoạn, nhiều câu, nhiều danh từ bộc lộ sự thiếu bình tĩnh hay một thái độ kém hòa nhã mà tòa soạn hoàn toàn không đồng ý. Tuy nhiên chúng tôi hy vọng rằng, nếu bỏ ng ài các điều đáng tiếc trên đây đã làm cho cuộc đối thoại có nhiều lúc trở thành gay gắt, thì hai bên vẫn cung cấp cho bạn đọc được nhiều tài liệu và luận chương lịch sử hữu ích.

Chúng tôi sẽ chấm dứt loạt bài góp ý vào số tới đây và bạn nào còn thắc mắc chắc sẽ được thỏa mãn một phần nào khi cuốn « Việt-Nam, thời khai sinh » của G. S. Nguyễn-Phương ra mắt bạn đọc vào cuối hè này, như lời tác giả « Lịch sử Lạc-Việt » đã hứa hẹn trong bài trả lời đăng trước bài này.

Thiên khảo-cứu về lịch-sử Lạc-Việt của Ông Nguyễn-Phương đăng trên Bách-khoa số 196 và các số kế tiếp đã gây ra phản-ứng của các ông Nguyễn-

Toại trong bài Bản về Hùng-Vương (1) và Bùi Hữu-Sùng trong bài Di tích Lạc-

(1) Bách-khoa số 201.

Việt trong xã hội Việt-Nam (1). Thật là một hiện tượng đáng mừng cho nền văn-học Việt-Nam hiện đại đang phảng lảng như mặt nước ao tù. Nó chứng tỏ rằng mặc dầu bản-tính người Việt vốn bao dung, « dĩ hòa vi quý », nhưng vẫn thiết tha với chân-lý cho nên không đến nỗi dửng dưng trước cảnh vo tròn bóp méo chân-lý, nhất là những chân-lý liên-quan đến quốc-sử. Cũng trong tinh-thần ấy chúng tôi thấy cần phải trở lại vấn đề Hùng-vương hay Lạc-Vương.

Ai cũng biết rằng vấn-đề này là một vấn-đề cũ rích, do H. Maspero nêu ra từ năm 1918 với bài « Khảo-cứu về Nam sử » đăng trong kỷ-yếu của trường Viễn-Đông bác cổ (B.E.F.E.O.) số XVIII. Ông cho rằng không có Hùng-vương, chỉ có Lạc-vương, phải gọi là Lạc-vương mới đúng. Ý-kiến đó chỉ là một giả-thuyết và trong khoảng gần một nửa thế kỷ từng được hoan-ngênh nồng-hậu cũng như từng bị đả-kích kịch-liệt. Trong những tác-giả đã bàn về vấn đề Hùng-vương hay Lạc-vương, có thể kể ông Đào-duy-Anh (2), ông Lê-Dư (3), ông Nguyễn-văn-Tổ (4), ông Vũ-ngọc-Phan (5) và gần đây ông Phạm-Hoàn-Mi (6), ông Đỗ-trọng-Huê (7).

Cuộc tranh luận tới nay chưa giải quyết được vấn-đề. Nó chỉ cho phép chúng ta kết-luận rằng Lạc-vương vẫn còn là một giả-thuyết, không hơn không kém. Ấy thế mà trong bài Lịch-sử Lạc-Việt, đoạn III « Từ Hùng-vương ra Lạc-vương » ông Nguyễn-Phương lại trình-bầy thuyết Lạc-vương như một

chân-lý lịch-sử, trình bầy vấn-đề Hùng-vương hay Lạc-vương như đã giải quyết dứt khoát hay — đúng hơn — như chưa bao giờ được đưa ra bàn cãi. Ông đứng hẳn về phía thuyết Lạc-vương nhưng không hề đả động tới các lý-lẽ để phá của phe đối lập. Trong lãnh vực cổ-sử cũng như trong các lãnh-vực khác, sự khảo-cứu không mãi mãi đứng im một chỗ mà tiến-triển không ngừng, những thủ-đắc của người trước nếu không là điểm tựa cho người sau tiến lên thì cũng là chính-đề để người sau xây dựng phản đề. Nhất là khi gặp những nghi-vấn lịch-sử, ý-kiến của những người đối-lập càng cần được đem ra kiểm-soát, phê-phán để biện-minh cho ý-kiến của chính mình. Say sưa trình-bầy giả thuyết Lạc-vương của Maspero 23 năm sau bài « Hùng-vương là Hùng-vương » rất nổi tiếng của Lê-Dư mà không hề nhắc tới một luận chứng nào của bài này, thái-độ của ông Nguyễn-Phương có thể nói là thiếu ngay thẳng tinh-thần nếu không phải là thiếu khoa-học.

Chắc ông Nguyễn-Phương sẽ trả lời là có, ông có nhắc tới bài « Hùng-vương là Hùng-vương » của Lê-Dư. Trong Lịch sử Lạc-Việt đoạn III, ông viết « Cố gắng của Thăm-hoài-Viễn để gỡ trí khôn ra khỏi ngõ bí đó (sic) xem ra may mắn nhưng lại không được mọi

(1) Bách-khoa số 201, 102, 203, 204.

(2) Việt-Nam văn-hóa sử cương.

(3) Khai-Trí tiến-Đức tập-san số 5 và 6 (1942).

(4) Tri-Tân tạp-chí số 9 (1941).

(5) Tiểu-thuyết thứ bảy số 467 (1941).

(6) Bách-khoa số 49, 52, 54, 55 (1959).

(7) Bách-khoa số 179 (1964)

người chấp nhận hoàn toàn. Vì nó trái với căn-cứ lịch-sử một cách quá rõ rệt. Nhưng cũng có kẻ chẳng những là hoan-nghênh mà còn đi tuột sang thái-cực bên kia, nói rằng chính chữ Hùng là căn-bản rồi sau mới bị các sử-gia viết lầm ra chữ Lạc (1). Nhưng nếu quả thật đoạn văn này ám-chỉ Lê-Dư thì ông Nguyễn-Phương đã xuyên-tạc Lê-Dư một cách... quá rõ rệt! Lê-Dư chủ-trương «nếu ông H. Maspero nói chữ Lạc 𣥂 ấy (2) với chữ Hùng 𣥂 giống nhau, dễ viết lầm thì chỉ có chữ Hùng lầm thành chữ Lạc ấy thì có, chớ sao bảo Lạc 𣥂 này (3) lầm với chữ Hùng sao được!» (4) Tại sao? Bởi vì «chữ Hùng đã có chép rõ ràng trong bao nhiêu quyển sách ta và Tàu kia mà» (5). Và cũng vì: «từ đời Chu, đời Chiến-quốc cho đến đời Hậu Hán đều đã nói đến hai chữ Lạc 𣥂 𣥂 là nước ta. Thế mà ông Maspero không biết và ông lại tin lầm vào chữ Lạc một bên các một bên chuy 𣥂 là chữ Lạc của người Tàu viết lầm chữ Hùng ra chữ Lạc». (6) Chúng ta thấy Lê-Dư không hề hoan-nghênh cái mà ông Nguyễn-Phương gọi là «cố gắng của Thâm-hoài-Viên để gỡ trí khôn ra khỏi ngõ bí» vì một lẽ giản-dị là cái cố gắng đó không có trong óc Lê-Dư, cũng chẳng có trong óc Thâm-hoài-Viên mà chỉ có trong tưởng tượng của ông Nguyễn-Phương.

Thiếu ngay thẳng trí thức trong cách trình-bày vấn-đề ông Nguyễn-Phương còn có một đặc điểm tối-kỵ đối với các nhà khảo-cứu khoa-học: ông chủ-quan đến độ trở thành độc-đoán, tín-điều. Đọc đoạn «Từ Hùng-vương ra Lạc-

vương» trong «Lịch sử Lạc-Việt» người ta có cảm-tưởng như ngồi trong một lớp trung-học hay trong : những lời giảng đều là những chân-lý tất-yếu. Còn gì khó chịu hơn khi gặp trong một bài khảo-cứu lịch-sử mang nặng hình thức khoa-học những tiêu-đề-mục như «Một thay đổi hữu ý», «Vinh-dự của một sai-lạc», hoặc những câu như: «chúng ta sẽ không lạ gì khi thấy hiện-tượng đó ở một tác-giả đầy óc mơ-hồ như tác-giả Việt-sử lược» (7), «Trong Toàn Thư, ông (Ngô Sĩ-Liên) không có công sáng-tác câu chuyện, nhưng sáng-tác của ông lại không ai bì kịp — mà có lẽ cũng không ai muốn cạnh tranh với ông ở chỗ đó (sic) — đó là lấy chuyện quái dị làm chuyện sử» (8), «Tính cách tưởng-tượng của câu chuyện thật là rõ rệt. Ngoài ra nó còn mang cả tính cách đời phong bại tục nữa (sic)» (9). Có lẽ ông Nguyễn-Phương đã hai lần «méo mó nghề nghiệp» nên quên rằng độc giả của ông không phải toàn là học-trò và của ông. Nghe đâu ông là giảng-viên sử-học tại Đại-học Huế. Giả thử ông dùng «Lịch-sử Lạc-Việt» để giảng dạy và các sinh-viên của ông thẩm-nhuần cái tinh-thần chủ-quan, độc-đoán, tín-điều của thầy, cứ tin-tưởng rằng Lạc vương là một chân-lý lịch-sử không thể nghi-ngờ được-chớ không phải chỉ là

(1) Bách-khoa số 197, trang 28.

(2) Chữ «Lạc» một bên «các» một bên «chuy» chép trong Thủy-Kinh chú.

(3) Chữ «Lạc» một bên «mã», một bên «các», chép trong Quảng-Châu-Ký.

(4, 5, 6) Khai-Trí Tiến-Đức tập-san số 5 và 6, tr. 5.

() — B.K. số 197 tr 29

(8, 9) — B.K. số 197 tr 32.

một giả-thuyết còn đang trong vòng tranh luận — đề rồi sau khi tốt nghiệp họ mang kiến-thức ấy truyền-bá cho học-sinh trung-học thì trong 50 năm nữa kết-quả sẽ tai-hại đến thế nào ?

Như trên đã nói, người đầu tiên nêu vấn đề Hùng-vương hay Lạc-vương là

KIỂM-ĐIỂM LẬP-LUẬN CỦA H. MASPERO.

Căn cứ trên 3 tài-liệu cổ-sử Trung-quốc : Thủy-kinh-chú, Thái-Bình hoàn-vũ ký và Quảng-châu ký, Maspéro đã diễn-dịch ra giả-thuyết Lạc-vương nhờ một tam-đoạn-luận tóm tắt như sau :

Tiền-đề

- (— Thái bình hoàn vũ ký dẫn sách
- (Nam việt chí, chép là Hùng-
- (vương ; Thủy-kinh-chú dẫn sách
- (Giao-châu ngoại vực ký, chép
- (là Lạc-vương. Chữ Lạc ở đây
- (viết một bên các một bên chuy
- (雖 rất dễ lầm với chữ hùng 雄.
- (— Nhưng Quảng-châu ký chép là
- (Lạc-hầu, Lạc-tướng. Chữ Lạc
- (ở đây viết một bên mã một bên
- (các 駱, khác hẳn chữ Hùng.

Kết-luận :

— Vậy Lạc-vương đúng.

Tam-đoạn-luận này có giá-trị gì ? Theo Maspero, Quảng-Châu-ký chép giống như Giao-châu ngoại-vực ký, tuy vẫn tắt hơn thành ra khó hiểu hơn. Và giải-pháp ông đem ra áp-dụng là giải-pháp đa-số : hai (G.C.N.V.K.+Q.C.K.) phải đúng hơn một (N.V.C.)

Dẫu chấp nhận quan-điểm của Maspero cho rằng Quảng-châu-ký chép giống Giao

H. Maspero. Ông Nguyễn-Phương chỉ làm công việc khai-triển — nôm na gọi là tán rộng — thuyết của H. Maspero. Vì vậy muốn nhận-định giá-trị của « Lịch sử Lạc-Việt » đoạn « Từ Hùng-vương ra Lạc-vương », trước hết phải kiểm-lại lập-luận của Maspero sau đó sẽ xét tới lập-luận của ông Nguyễn-Phương.

Châu ngoại-vực-ký ta cũng không thể chấp-nhận giải-pháp đa-số của ông. Bởi vì vấn-đề đặt ra là vấn-đề chân-lý chứ không phải vấn-đề chính-trị hay xã-hội. Trong lãnh-vực chính-trị hay xã-hội, sự đồng ý của đa-số có thể giải-quyết được nhiều việc. Trong lãnh-vực chân-lý thì khác hẳn. Một sai lầm nhân lên một triệu lần thành ra một triệu sai lầm chứ không thể thành ra một chút chân-lý nào

Hơn nữa Quảng-châu ký quả thật có chép giống như Giao-châu ngoại-vực-ký không ? Hãy đọc Giao-châu ngoại-vực-ký (do Thủy-kinh-chú dẫn lại vì G. C. N. V. K đã thất lạc) : « Đời xưa khi nước Giao-chỉ chưa chia ra thành quận và huyện thì lãnh thổ chia ra những cánh đồng gọi là Lạc-diễn, trong những cánh đồng đó nước lên xuống theo thủy-triều. Dân cư cấy bừa những ruộng đó để sinh nhai cho nên người ta gọi những dân đó là dân Lạc. Có Lạc-vương và Lạc-hầu cai-trị các quận và huyện. Ở các huyện có Lạc-tướng » (1). Và đây là Quảng-châu-ký : « Đất Giao-chỉ có ruộng Lạc, trông nhờ nước thủy-triều lên

(1) — Bản dịch của trường Viễn-Đông bác-cổ, tạp chí Dân Việt-Nam, số 1, phần tiếng Việt tr. 8.

xuống mà cây cầy. Người được hưởng ruộng ấy là Lạc-hầu, các huyện tự xưng là Lạc-tướng. Sau con vua nước Thục đem quân đánh Lạc-hầu xưng là An-Dương-Vương» (1). So sánh hai đoạn văn chúng ta thấy hai điểm dị-biệt rất quan-trọng :

1. — Theo Giao-châu ngoại-vực-ký, có Lạc vương nhưng theo Quảng-Châu-ký không có Lạc-vương mà chỉ có Lạc-hầu, Lạc-tướng. Không thể bảo rằng Quảng-Châu-ký chép văn tắt quá nên chỉ giữ lại Lạc-hầu, Lạc-tướng. Đối với các sử-gia thời phong-kiến vua chúa là chính-yếu, làm sao có thể bỏ sót được? Huống chi Quảng-Châu ký chép rõ ràng là người lãnh-đạo thổ dân Giao-chỉ bị An-Dương-vương đánh bại là Lạc hầu chứ không phải Lạc-vương.

2. Chữ Lạc của Giao-châu ngoại-vực-ký khác hẳn chữ Lạc của Quảng-châu ký. Nếu Quảng châu ký và Giao-châu ngoại-vực-ký có chung một nguồn gốc tại sao không chép chữ Lạc giống nhau ?

Tóm lại Giao-châu ngoại-vực-ký không giống Quảng-châu ký và nếu vậy tam-đoạn luận của Maspero sai lầm ngay từ trong tiền-đề. Tam đoạn ấy có khác gì tam-đoạn-luận sau đây :

(Anh A bảo là chữ công ;

Tiền-đề (Anh B bảo là chữ xông.

(Nhưng anh C bảo là chữ sông.

Kết-luận (Vậy phải là sông mới đúng.

Sau khi áp dụng nguyên-tắc đa-số « hai thắng một » để kết luận rằng Lạc-vương đúng, Maspero vấp phải một trở ngại lớn lao. Tất cả sử sách Việt đều chép là Hùng-vương ngoại trừ An

Nam chí lược của Lê-Tắc. Nhưng Lê-Tắc, — Việt-gian và nô-lệ cả về văn-hóa — đã theo hẳn quan-điểm của người Tàu và An-Nam chí-lược chỉ dẫn lại Giao-châu ngoại-vực ký. Vậy có thể nói rằng tất cả sử sách Việt đều chép là Hùng-Vương. Nếu áp dụng nguyên-tắc đa số, tất nhiên thuyết Hùng-Vương đúng mà thuyết Lạc-vương sai. Maspéro bèn đưa ra một định-đề : các sử-gia Việt-Nam đều « sao chép » (2) nguyên thư Trung-Quốc và sao chép cả những sai lầm của những nguyên-thư ấy. Thật là giản-dị ! Chỉ tiếc một điều là định-đề của Maspéro không đúng một cách hiển nhiên như các định-đề toán-học. Tại sao ? Vì ngay sau đó chính Maspéro thú nhận : « Tiếc rằng không có thể biết một cách rõ ràng những nguyên-thư Trung-Hoa nào mà các sử-gia Việt-Nam đã xử dụng » (3). Đã không biết rõ nguyên-thư sao lại có thể khẳng-định là sử sách Việt-Nam chỉ là những bản sao ? Khẳng-định như vậy phải gọi là gì nếu không là khẳng-định vô bằng ?

Do đâu một học giả tiếng tăm như Maspéro lại mắc lỗi lầm quan-trọng này? Thiết tưởng không có chi khó giải thích. Là người Tây Phương chuyên khảo-cứu Hán-học, Maspéro không thể không kính phục nền văn-hóa kỳ cựu, rực rỡ của Trung Quốc. Nhưng đối với dân Việt,

(1) — Nguyên văn : Giao chỉ hữu Lạc điền, ngưỡng triều thủy thượng hạ. Nhân thực kỳ điền danh vi Lạc-hầu, chư huyện tự xưng vi Lạc-tướng. Hậu Thục-vương tử tương binh thảo Lạc-hầu, tự xưng vi An-Dương-vương.

(2) Chính văn là Copier.

(3) — Nguyên văn : Il n'est malheureusement pas possible de tirer de là des notions précises sur les sources chinoises utilisées par les historiens annamites (Études d'histoire d'Annam, B.E.F.E.O. tome XVIII, No 5).

ông và đồng bào của ông tự gán cho mình cái nhiệm vụ khai-hóa, tất nhiên ông nhìn văn-hóa Việt bằng con mắt rẻ rúng. Cho nên nếu sử sách Việt và Tàu khác biệt nhau thì phần sai lầm về sử sách Việt, mà nếu hai đảng giống nhau thì sử-gia Việt đã chỉ làm công việc sao chép của Tàu. Sự thật có phải sử Tàu luôn luôn đúng trong khi sử Việt luôn luôn sai lầm không ? Có phải sử Việt luôn luôn là bản sao của sử Tàu không ? Không, chắc chắn không. Trong bài "Hùng Vương là Hùng Vương" Lê Dư đã dẫn một bằng chứng hùng hồn. Ông viết : " Ông Maspéro nói sử ta chép theo sử Tàu nên lầm, nhưng tôi chỉ thấy Tàu chép theo ta mà lầm thôi Đại loại như sách Tàu chép cồ-tích thành Cồ-Loa mà chép rằng: "Việt-vương-thành tại Nghệ-an phủ, Đông ngạn huyện, hựu danh Loa-thành dĩ kỳ khuất khúc như Loa. Hán thời An-Dương-vương sở trúe". Trong một đoạn này có 3 chỗ lầm. Cồ-Loa không phải gọi là Việt-vương-thành ; Cồ-Loa không phải làm tại Nghệ an phủ ; An-Dương đắp thành ấy không phải ở đời Hán. Sách Tàu chép việc nước ta như vậy còn gì là đúng được !" (1). Ta có thể kể nhiều thí dụ khác. Nguyên-thư nào của Tàu chép quốc-hiệu của ta dưới đời Đinh-tiên-Hoàng là Đại-Cồ-Việt ? Nguyên-thư nào của Tàu gọi Lê-Hoàn là Lê-dại-Hành ? Hai sự-kiện này xảy ra về đời Tống — nghĩa là thời kỳ người Tàu đã hiểu biết nhiều về dân Việt sau 1000 năm đô-hộ — mà sử Tàu còn ghi chép thiếu sót hướng chỉ những sự-kiện xảy ra từ đời Hùng-vương — nghĩa là thời kỳ người Tàu chưa đặt chân lên đất Giao-Chi.

Nhược điếm thứ ba trong lập-luận của Maspéro là cách viết chữ Lạc. Theo Maspéro, chính thật là Lạc-vương nhưng người ta chép lầm ra Hùng-vương vì chữ Lạc 𣎵 và chữ Hùng 雄 viết rất giống nhau. Nhưng : « Theo Khang-Hy tự-diễn đính-chính có tất cả 3 chữ Lạc. Và chữ Lạc thuộc bộ chuy có thể lẫn với chữ Hùng lại không phải là chữ Lạc thường dùng để chỉ nòi giống Việt. Chữ Lạc này là tên con sông Lạc thủy (các + chuy) 𣎵 ở tỉnh Thiểm-Tây. Còn hai chữ Lạc thường dùng để chỉ nòi giống Việt thì lại không thể lẫn với chữ Hùng được » (2).

Đó là : 1. — Chữ Lạc thuộc bộ mã 𣎵 viết một bên mã một bên các, chép trong Quảng-Châu ký, Sử-ký, Hán-thư.
2. — Chữ Lạc thuộc bộ sai 𣎵 viết một bên sai một bên các, chép trong Chu-lễ, Mạnh-tử và sử sách Việt-Nam (3).

Vậy thì sử Việt chép chữ Lạc 𣎵 (trong danh-từ kép Lạc-hầu, Lạc-tướng) đúng với chính-tả của Khang-Hy tự-diễn và chữ Lạc đó không thể lẫn ra chữ Hùng, trong khi chính sử Tàu (Giao Châu ngoại-vực-ký, Thủy-kinh chú lại viết chữ Lạc 𣎵 sai chính-tả và chỉ riêng chữ Lạc này mới có thể lẫn ra chữ Hùng được).

() Khai-Trí Tiến Đức tập san, số 5 và 6 tr 7.

(1) Đỗ-Trọng-Huê, "Đi tìm dấu vết Hùng-vương", B.K. số 79, tr. 18.

(3) Bành vực Maspéro Nguyễn-văn-Tổ đã cố gắng chứng-minh rằng chữ Lạc thuộc bộ chuy cũng thông dụng như chữ Lạc thuộc bộ mã và chữ Lạc thuộc bộ sai. Nhưng chân lý không bắt buộc phải là cái thông-dụng. Nếu thông dụng là đúng thì thuyết Hùng-vương vốn đã thông dụng rồi, hà tất phải đặt ra thuyết Lạc-vương.

Sách sử Tàu do ông Maspéro dẫn chứng chia làm hai phe đối-lập. Một bên gồm Giao-châu ngoại vực ký, Thủy kinh chú, chép là Lạc-vương, Lạc-hầu, Lạc-tướng với chữ Lạc viết sai. Một bên gồm Nam-việt-chí và Thái-bình hoàn-

vũ-ký chép là Hùng-vương, Hùng-hầu, Hùng tướng. Giữa hai cực đoan đó, sử Việt có tính cách trung-dung vì chép là Hùng-vương, Lạc-hầu, Lạc-tướng. Ta có thể tóm tắt trong một bảng so sánh :

SÁCH	VUA	QUAN	TƯỚNG	CHÍNH - TÀ LẠC - HÙNG	
G.C.N.V.K. T.K.C.	Lạc-vương	Lạc-hầu	Lạc-tướng	𡗗	
N.V.C. T.B.H V.K.	Hùng-vương	Hùng-hầu	Hùng-tướng		𡗗
Sử Việt	Hùng-vương	Lạc hầu	Lạc-tướng	𡗗	-nt-

Đến đây ta thấy rõ ràng sử Việt không « sao chép » nguyên-thư của Tàu. Bởi vì nếu « sao chép » thì sử Việt hoặc phải chép là Lạc-vương, Lạc-hầu, Lạc-tướng với chữ Lạc viết sai, chữ Lạc thuộc bộ các ; hoặc phải chép là Hùng-vương, Hùng-hầu, Hùng-tướng. Đằng này sử Việt lại chép là Hùng-vương, Lạc-hầu, Lạc-tướng với chữ Lạc viết đúng, chữ Lạc thuộc bộ sai. Chẳng những không « sao chép » sách Tàu, không « sao chép » những sai lầm của sách Tàu, sử-gia Việt còn biết đính-chánh cả những sai lầm của sách Tàu nữa. Ngô-sĩ-Liên phê : « Lạc tướng hậu ngoa vi Hùng tướng » chính là ý đó.

Với ba khuyết-diểm chính kể trên, giả-thuyết Lạc-vương của Maspéro chẳng còn bao nhiêu giá-trị. Cho nên nếu chỉ căn cứ trên các tài liệu mà Maspéro đã dẫn ra, thiết-tưởng giả-thuyết Hùng-vương còn vững chắc hơn, hợp lý hơn. Tác giả Giao châu ngoại-vực-ký biết chúng ta là dân Lạc, có quan gọi là Lạc-hầu, tướng gọi là Lạc-tướng. Suy-luận bằng phương-pháp loại-suy, ông bèn gọi vua ta là Lạc-vương cũng như có Sở-dân, Sở-tướng, thì có Sở-vương. Lạc-vương ở đây không phải là vương-hiệu mà chỉ

có nghĩa là vua của dân Lạc. Và vì quen với chữ Lạc thuộc bộ chuy của tên sông Lạc-thủy nên ông đã phiên-âm sai chữ Lạc đích thực dùng để chỉ nòi giống chúng ta. Ngược lại, tác giả Nam-Việt-chỉ biết vua chúng ta gọi là Hùng-vương. Cũng suy-luận bằng phương pháp loại-suy ông bèn gọi quan ta là Hùng-hầu, tướng ta là Hùng-tướng, dân ta là Hùng dân cũng như có Sở-vương thì có Sở-tướng, Sở-dân. Chỉ riêng sử-gia Việt mới biết rằng tuy dân mình thuộc giống Lạc, tướng mình là Lạc-tướng, quan mình là Lạc-hầu nhưng vua mình vẫn có một vương hiệu riêng để xưng với thần dân : vương hiệu ấy là Hùng-vương. Giả-thuyết này lý-giải được tại sao Hán-thư, Sử-ký, Quảng-Châu-ký chỉ nói đến Lạc dân, Lạc-hầu, Lạc-tướng mà không đề-cập tới vua của giống Lạc. Tác-giả những sách này đã tỏ ra thận trọng hơn, khoa-học hơn, ngay thẳng hơn vì chỉ ghi chép những điều họ biết chắc chắn chứ không suy-đoán vội vàng và khẳng-định vô bằng để đưa người sau vào con đường lầm-lạc.

Kỳ sau : **Kiểm-diểm lập-luận của
Ô. Nguyễn-Phương.**

TRẦN-VIÊN

CUỘC PHÒNG VẤN MỚI VỀ

ANDRÉ MAUROIS

người hiền của thế-kỷ hai mươi

Pierre DUMAYET

NGUYỄN-MINH-HOÀNG dịch

Năm nay nhà văn André Maurois đã tám mươi tuổi. Tác phẩm mới nhất của ông là quyển « **Prométhée ou la vie de Balzac** » viết về cuộc đời và sự nghiệp của tác giả bộ « **La Comédie Humaine** ».

Hiện ông đang an hưởng tuổi già tại một sở vườn rộng 150 mẫu trồng toàn táo ở Essendiéras thuộc miền Périgord.

Nhân dịp lễ bắt tuần của ông, ký giả Pierre Dumayet của tạp chí **Lecture pour tous** bên Pháp đến mừng và phỏng vấn ông. Sau đó chính Dumayet đã ghi : « Với cái tuổi tám mươi, André Maurois cho ta thấy là ông hãy còn trẻ ». Chúng ta không lấy làm lạ về điều này vì trước đây chúng ta há đã chẳng thấy André Maurois dành trọn phần cuối của quyển **Un Art de Vivre** của ông đề bàn đến một thứ nghệ thuật được ông mệnh danh là Nghệ thuật già hay sao ?



— Mỗi tối, trước khi đi ngủ, tôi đều học thuộc lòng độ hai mươi câu thơ.

— Cả những tối như tối hôm qua ?

— Tối hôm qua tôi học thuộc lòng được hai mươi câu thơ Valéry. (Ông do dự không muốn nói cho tôi biết là hai mươi câu thơ nào). Đoạn đầu của bài *Le Cimetière Marin*. (Ông hơi ngượng về những điều sắp sửa nói). Cho đến lúc này tôi cũng vẫn chưa học thuộc *Le Cimetière Marin*. Đối với tôi thơ Valéry là loại thơ khó học thuộc nhất. Thơ Baudelaire dễ hơn, thơ Ronsard, thơ Du Bellay cũng dễ. Còn thơ Hugo thì lại giống như nhạc nhà binh : mình bị lôi cuốn vào, không bước theo không được...

— *Thế Eluard ? Ông đã học thơ Eluard chưa ?*

— Tôi đang định học. Thuở nhỏ tôi được tiếng là một đứa học trò ngoan nên bây giờ vẫn giữ nguyên cái tính chăm chỉ ấy. Sáng nào tôi cũng ngồi vào bàn làm việc. Tôi không nghĩ là tôi có thể làm khác hơn. Suốt đời lúc nào tôi cũng ở trong cái thế một đứa học trò phải nộp bài luận cho thầy. Một bài diễn văn đọc trước Hàn lâm viện đúng ra chỉ là một bài luận không hơn không kém.

— *Còn về môn thể dục ? Ông có được xuất sắc như đã xuất sắc ở các môn học khác không ?*

— Tôi vốn là một đứa trẻ rất kém sức khỏe ; hồi còn bé tôi bị sai xương sống thành thử phải đeo một thứ khung sắt. Bạn bè đứa nào cũng chế nhạo tôi. Như Balzac lúc còn trẻ, tôi tự nhủ : « Rồi mọi người sẽ thấy ». Năm 13 tuổi tôi bỏ được chiếc khung sắt và bắt đầu tập luyện thể thao. Tập luyện rất chăm. Qua năm 1901 tôi đoạt chức vô địch học sinh về môn thể thao. Tôi thích thể và tiếc là đã không tiếp tục. Cho đến bây giờ tôi vẫn còn ham mê thể thao. Thường thường những chiều chúa nhật, mỗi khi đài vô tuyến truyền hình trực tiếp truyền hình một trận tranh tài giữa hai hội túc cầu hoặc rugby nổi tiếng thì nhất định là suốt buổi chiều ấy tôi có mặt ở nhà.

— *Ngoài điều ấy ra chẳng hay ông còn giữ được một nét gì khác nữa của thời thơ ấu không ?*

— Song thân tôi đều là những bậc cha mẹ hết sức hoàn toàn. Tuổi thơ ấu của

tôi rất được chăm sóc, do đó tôi giữ được tính lạc quan và lòng niềm nở đối với tất cả mọi người.

— *Vụ án Dreyfus hồi ấy có làm xao động ông không ?*

— Có. Tôi rất xúc động về vụ ấy. Trường hợp phản quốc của đại úy Dreyfus đã khiến song thân tôi vô cùng hoang mang vì song thân tôi cũng là người Alsace gốc Do thái như Dreyfus. Lúc bắt đầu có những bằng cứ chứng minh sự vô tội của Dreyfus tôi đã tỏ ra háng hái hơn ai hết. Tại trường trung học Rouen một vài anh bạn học của tôi lại thuộc phe chống Dreyfus. Giữa họ và tôi đã xảy ra những vụ ẩu đả.

— *Và cũng chính tại đây ông đã gặp Alain và đã khám phá ra Balzac ?*

— Đúng thế. Chính Alain đã xô đẩy tôi khám phá ra Balzac. Hôm đầu tiên vừa bước vào lớp học ông đã hỏi các học trò : « Các anh đã đọc những tác giả nào ? » Tôi đáp : « Anatole France, Maurice Barrès, André Gide ». Ông bảo : « Cả ba đều là những tác giả thuộc hạng thường ; tại sao không đọc hết Balzac, tại sao không đọc hết Stendhal ». Nhờ đó tôi bắt đầu đọc Balzac, giữa năm 18 và 20 tuổi tôi đọc xong bộ « *La Comédie Humaine* ». Kể từ đó thỉnh thoảng tôi vẫn đọc lại.

— *Alain còn khuyên ông một truyện khác mà ông đã nghe theo. Alain khuyên ông không nên thi vào Đại Học Sư Phạm.*

— Phải. Trong một dịp phát phần thưởng. Hồi ấy tôi chiếm được giải danh

dự về môn Triết học trong kỳ thi tuyển toàn quốc tổ chức hàng năm. Alain bắt tôi ngồi bên cạnh ông và hỏi tôi đã có những dự định gì cho tương lai. Tôi đáp: « Học cho xong một chứng chỉ cử nhân triết học vì như thế thời hạn thi hành nhiệm vụ quân dịch của tôi sẽ được rút lại còn có một năm — và sửa soạn thi vào Đại Học Sur Pham, thừa dịp được sống ở Paris để làm quen với giới làm văn nghệ và cuối cùng, viết văn ». Alain bảo tôi: « Tôi hoàn toàn tán thành ý định viết văn của anh, nhưng tôi không thích thấy anh vào học Đại Học Sur Pham và sống la cà trong các quán nghệ sĩ ở Paris. Cha anh là một kỹ nghệ gia, đó là một dịp may hiếm có, anh nên quay về làm việc với ông một thời gian, anh sẽ làm quen được với cả hai giới chủ và thợ, anh sẽ biết được thế nào là hành động. Sau đó khi bước chân vào làng văn anh đã có những hiểu biết thực tiễn về cuộc đời. Ngày xưa Balzac đã từng kiếm sống bằng nghề thư ký. Nếu anh chưa biết rõ cái xã hội trong đó anh đang sống thì có thể gọi là anh chưa biết gì.

— *Và ông đã nghe theo ngay những lời khuyên ấy của Alain ?*

— Alain và cha tôi có những ý kiến rất phù hợp nhau. Xưởng dệt của cha tôi hồi ấy là một cái xưởng được thiết lập từ rất lâu đời, từ một thế kỷ về trước. Song tôi rất tự hào về xưởng dệt của mình. Trong xưởng có lối 1500 thợ, hầu hết đều là người Alsace đã chọn sống ở Elbeuf vì không muốn trở thành người Đức. Cha tôi xem như là tôi có một

bồn phận đối với những người thợ ấy. Tôi vào làm việc trong xưởng. Ban đầu tôi cảm thấy chán hết sức. Alain đã tập cho tôi thấy rõ hơn ai hết sự khác biệt giữa hai giới giàu và nghèo. Tôi sinh ra có mặc cảm, bất mãn về những việc làm của mình. Nhưng về sau, lần lần, tôi cảm thấy quen. Cha tôi giao cho tôi nhiệm vụ canh tân một phần trong xưởng dệt, trước kia xưởng chỉ dệt vải, bây giờ một nửa sẽ dệt « tweed ». Do đó tôi được phái sang Anh để học nghề. Nhân tiện tôi học cả tiếng Anh.

— *Khi đã dệt được « tweed » thì công cuộc làm ăn chắc phải khá lắm ?*

— Rất khá. Nhờ vậy tôi trút bỏ được những mặc cảm. Tôi nghĩ bụng là tôi không còn lý do gì để tỏ ra bất mãn nữa. Tôi đã giúp cho bao nhiêu người có công ăn việc làm.

— *Ông làm « chủ » như thế trong bao nhiêu năm ?*

— Mười năm. Trong thời kỳ ấy tôi đã viết rất nhiều nhưng không xuất bản được cuốn nào. Elbeuf là một thành phố nhỏ, rất xa Paris, rất xa những nhà xuất bản.

— *Ông có bao giờ hối tiếc là đã không vào học Đại Học Sur Pham không ?*

— Không. Tôi chỉ tiếc là không được sống những tình bạn mà tôi thường thấy nảy sinh giữa những bạn cùng học Đại Học Sur Pham với nhau. Thứ tình bạn đó rất bền, ở trên tất cả những sự chia rẽ về đảng phái. Tôi đã có dịp trông thấy tận mắt tại Viện Hàn-lâm. Tình bạn giữa André - François Poncet giữa

Jules Romains giữa Jean Guéhenno, giữa Maurice Genévoix đã được bắt đầu từ thuở họ còn là sinh viên ở Đại Học Sorbonne. Nhưng nếu tôi được sống những tình bạn ấy thì có lẽ tôi sẽ không có được những hiểu biết về cuộc đời mà tôi cho là vô cùng hữu ích.

— *Giraudoux có lần đã vạch cho độc giả thấy những điều cấm dỗ La Fontaine. Chẳng hay ông có thể nói cho tôi được biết về những điều cấm dỗ Maurois không ?*

— Thứ nhất là tôi bị cấm dỗ về sự ham thích được làm một nhà mô phạm, như Faguet, như Lemaitre vốn là những cây bút phê bình nổi tiếng. Tôi vẫn thích dạy học. Chính sự thích ấy đã thúc đẩy tôi đi diễn thuyết hoặc viết bài cho những tờ báo phụ nữ.

Thứ hai là tôi bị cấm dỗ về sự ước muốn được thành một quân nhân. Cha tôi đã từng là một người lính, và những đức tính của con nhà binh — như những đức tính đã được Vigny trình bày trong *Servitudes et Grandeurs Militaires* — lại rất được tôi mến chuộng. Nhưng, lần tôi trình diện trước Hội đồng sức khỏe thì các bác sĩ đã bảo tôi : « Anh mang bệnh đau tim, còn sống nhiều lắm là mười năm nữa ». Bao nhiêu lượt tể đã vận động để được tòng quân : hồi năm 1914 và hồi năm 1939. Rốt cuộc tôi cũng đã trải được chín năm trong quân ngũ. Nghĩ cũng lạ.

— *Còn cấm dỗ thứ ba ?*

— Thứ ba là lo bị cấm dỗ về chính trị. Năm 25 tuổi tôi được bầu làm Nghị

viên thành phố ở Elbeuf... Có người đã bảo tôi : « Cứ thế mà tiếp tục... việc đời ai biết trước... » Về sau, người ta đã đề nghị tôi giữ chức Đại sứ. Nhưng sứ mệnh nhà văn lại mạnh hơn...

— *Năm 25 tuổi, ông có những ý kiến chính trị nào rõ rệt không ?*

— Những ý kiến chính trị của tôi chỉ là những ý kiến chính trị của Alain và của cha tôi trộn lại. Cha tôi thuộc phe cấp tiến. Alain thì cho là mỗi người trong chúng ta phải là một công dân có kỷ luật nhưng cương quyết kiểm soát quyền hạn của chính quyền. Nếu phải gia nhập một chính đảng nào thì có lẽ tôi sẽ đứng vào trung tâm hàng ngũ tả, cực tả.

— *Ông có bị một cấm dỗ thứ tư nào không ?*

— Hình như có, và đó là cấm dỗ cuối cùng : tôi đã nuôi ý định trở thành một nhà viết kịch. Vở kịch đầu tay của tôi là một vở bi kịch năm màn, bằng thơ, nhan là : *Odette de Chandiver*, kể lại cuộc đời một ái thiếp của vua Charles VI. Quả tình là tôi rất thích sân khấu, nhưng sau tác phẩm đầu tiên « *Les Silences du Colonel Bramble* » của tôi Grasset đã bảo tôi viết thêm những quyển khác... Không ai đặt tôi viết kịch cả, thành thử...

— *Những quyển mà Grasset bảo ông viết hẳn phải quan trọng ?*

— Rất quan trọng. Ở đời, thường thường mình tưởng là mình sẽ làm một việc này, té ra hoàn cảnh lại đưa cho mình làm một việc khác. Sau khi từ bỏ ý định viết kịch tôi tự nhủ rằng : « Điều

mà ta nên làm, là viết một loạt tiểu thuyết dài, giống như bộ « *La Comédie Humaine* ». Tôi viết được mấy quyển : *Climats*, *Le Cercle de Famille*, *Instinct du Bonheur*. Sau đó tự nhiên tôi lại dặt dờn xoay ra viết một quyển tiểu sử. Mọi người liền bảo tôi : « Tiểu sử, anh viết hay lắm ! cứ viết tiểu sử đi thôi ». Thế là bước vào con đường đó.

— Ông tha lỗi cho, nhưng không hiểu sao tôi lại bỗng nhiên nghĩ đến một sự liên quan có thể có giữa cái thời kỳ ông giữ chức Nghị viên thành phố ở Elbeuf và một quyển truyện mà ông đã định viết về một ông Nghị sĩ ở hạt Eure.

— Chính tôi cũng đã nghĩ đến sự liên quan đó. Nếu tôi còn được sống — Tolstoi trước kia vẫn nói câu này — có lẽ tôi sẽ theo dõi cuộc bầu cử quốc hội sắp tới và sẽ viết một quyển truyện về một ông Nghị sĩ ở Périgord.

— Ông có những dự định nào khác nữa không ?

— Tôi đã tám mươi tuổi, và đang có một vài dự định. Dự định thứ nhất là sẽ bỏ túc tập hồi ký của tôi hoặc nếu có thể, sẽ viết nó lại hoàn toàn. Dự định thứ hai là sẽ viết một quyển nối theo quyển *De Proust à Camus* mà tôi đã cho xuất bản năm ngoái. Tôi muốn đi từ Gide đến Sartre (*De Gide à Sartre*) qua Anouilh, Simone de Beauvoir, Aragon. Và tôi cũng đang có ý định viết một tập truyện ngắn kể lại định mệnh của những nhân vật tiểu thuyết của tôi : đến năm này tất cả đều

vào khoảng sáu mươi hai tuổi. Hiện giờ họ như thế nào ?

— Ông có biết họ ra sao không ?

— Tôi có biết một vài nhân vật, còn những người khác tôi sẽ tìm hiểu sau. Chẳng hạn, ông Pierre Cot cựu tổng trưởng là một nhân vật trong những tiểu thuyết đầu tay của tôi ; nay tôi cũng không rõ ông đã ra sao. Ông mang tên là Monteix trong tác phẩm của tôi.

— Trong những dự định vừa kể của ông chẳng hay có dự định nào là dự định sẽ đi thăm lại những người bạn người Anh của ông kể từ dạo ông viết *Les Silences du Colonel Bramble* không ?

— Năm 1939, hồi tôi trở vào quân đội tôi đã xin được biệt phái bên cạnh quân đội Hoàng gia Anh và tôi đã rất thất vọng. Cái quân đội mà tôi gặp lại là một thứ quân đội đã đánh mất cái truyền thống rất đẹp mà tôi từng biết ngày xưa. Những sĩ quan Anh hồi năm 1914 đều là những gentlemen có tuổi thuộc đảng tory, và hầu hết đã trải qua một thời gian tập sự bên Ấn Độ. Trái lại, những sĩ quan Anh tôi đã gặp hồi năm 1939 đều là những con người khoa học, họ không phải là người Anh nữa mà là người Âu Châu hoặc là gần giống thế. Bởi có ấy tôi không viết được cuốn *Le petit fils du Colonel Bramble*.

— Alain đã nói : trường giả là những người lấy sự thuyết phục kẻ khác làm mục đích sống, vô sản là những người lấy sự hành động làm mục đích sống. Giữa hai hạng ấy, ông tự xếp vào hạng nào ?

— Nếu theo lối sắp hạng của Alain thì dĩ nhiên tôi thuộc vào hạng trưởng giả Alain gọi là vô sản những người nào đã từng đụng chạm trực tiếp với những thực tế cuộc đời. Tôi đã từng là « vô sản » hồi tôi làm chủ xưởng dệt...

— Theo ông, giữa cái « lấy sự thuyết phục kẻ khác làm mục đích sống » và cái « lấy sự hành động làm mục đích sống » có một sự khác nhau nào lớn lắm hay không ?

— Có một sự khác nhau rất lớn. Một nhà văn, khi có một ý tưởng hành động trong đầu, thì thường thường lại không hành động được gì cả. Ý thích miêu tả hành động hơn là hành động. Một người như Balzac chẳng hạn, có những sáng kiến rất quý giá, nhưng lại chỉ thích đem những sáng kiến ấy viết thành tiểu thuyết.

— Những sáng kiến nào ?

— Chính Balzac đã hình dung loại sách La Pléiade ngày nay : « Những tác phẩm nổi tiếng cỡ kim in trên giấy mỏng. » Balzac đưa ra dự định mua đất ở Monceau. Ông bảo : « Sau này khu phố sẽ phát triển. » Balzac đã có hàng hai mươi sáng kiến khả dĩ giúp bất cứ ai trở nên triệu phú dễ dàng.

(Nhìn ra 150 mẫu vườn trồng toàn táo tôi hỏi) :

— Những cây táo này, ít ra, cũng là một sáng kiến hay không kém những sáng kiến của Balzac.

— Đúng thế, nhưng sáng kiến ấy tiếc thay lại không phải là sáng kiến

của tôi và riêng tôi thì tôi không tham dự gì vào công việc ấy cả. Lúc ông nhắc tôi qua đời, tôi được thừa hưởng sở vườn này và phải nghĩ cách tìm việc làm cho độ bốn mươi người giúp việc cũ. Tôi đã mở trại chăn nuôi, và trong suốt mười mấy năm, bao nhiêu tiền bản quyền những tác phẩm của tôi, tôi đều đổ vào việc nuôi heo, nuôi bò tót. Có lúc tôi tưởng phải bán cả sở vườn. Nhưng sau đó tôi có cái may được gặp Floirat, chủ nhân xí nghiệp Europe n° 1, vốn là người miền Elbeuf. Vợ chồng tôi tỏ bày những nỗi khổ khăn. Floirat bảo : « Rất dễ Ông nên thử trồng táo, ông có sẵn đất, tôi có sẵn tiền, lại có sẵn cả chuyên viên. Tôi tin chúng ta sẽ thành công. »

— Tôi nhớ đến một câu nói của Jean Prévost.

— Jean Prévost là một người mà tôi rất mến, tôi xúc động vô cùng về cái chết của anh. Tôi nghĩ rằng có lẽ anh vẫn theo tôi suốt đời. Mà Jean Prévost đã nói câu gì vậy ?

— Prévost đã viết : Trong một cái thế giới khá hỗn loạn và thường rất ít sự hòa đồng thì Maurois đã tự tách ra riêng biệt được nhờ ở cái thái độ có công tâm của mình ; ông thích dung hòa ; và chính vì thế mà ông mến Aristide Briand mặc dầu Briand và ông, hai người đứng ở hai chân trời chính trị khác hẳn.

— Phải, tôi thường nghĩ rằng — và bao giờ tôi cũng vẫn nghĩ như thế cả — dưới bao nhiêu những ý kiến dị biệt, rất có thể có một thứ chân lý, một thứ yếu tố đồng nhất mà chỉ cần với một

ít thiện chí là ai ai cũng có thể tìm thấy được. Tôi vẫn thường vận dụng tất cả những khả năng nhỏ bé của tôi để giúp mọi người đi đến một sự dung hòa. Hồi đại chiến 1914 phần đông người Pháp có những thành kiến không tốt đối với người Anh ; tôi đã cố chứng minh là ta có thể hiểu họ và sống chung với họ. Hồi năm 1960 tôi đã qua Mỹ và đi diễn thuyết tại nhiều nơi, đề thử làm cho người Mỹ đừng nghĩ lầm về « nước Pháp thực dân » và chẳng lâu gì rồi họ cũng sẽ ở vào một trường hợp tương tự như thế. Tôi vẫn tiếp tục nghĩ rằng trên thế giới này mọi người còn cần đến sự dung hòa. Miễn là đừng quên một nguyên tắc sau đây : về quyền lợi con người lúc nào cũng có thể nhân nhượng nhau, trái lại trên phương diện tình cảm thì có lẽ phải nói là bất khả.

— *Bất khả ? Thế tại sao ở một vài trường hợp tôi vẫn thấy ông đã cố dung hòa.*

— Ông nói đúng. *Climats* là câu chuyện một đôi vợ chồng trẻ, cả người vợ lẫn người chồng đều không ai có lý hoặc có lỗi. Trong *Le Cercle de Famille* cha mẹ, con cái phải ly tán. Nếu họ cãi mở nói thẳng cho nhau nghe thì xong hết nhưng không bao giờ có sự cãi mở như thế cả. Biết bao người đã đối diện với nhau mà vẫn không chịu lên tiếng. Bao sự khổ đều do đó mà ra cả. Phải nói thẳng ra.

— *« Nói thẳng ra » bằng cách nào ?*

— Như Briand đã hòa bằng cách tạm xếp lòng tự ái lại một bên.

— *Một câu hỏi cuối cùng : hiện nay ông đã tám mươi tuổi, sự kiện ấy đối với ông có một tầm quan trọng gì không ?*

— Quan trọng ở chỗ thấy mình đã quá già, ở chỗ thấy mình sắp sửa đi đến chặng cuối cùng của cuộc sống ? Thật ra, tôi không cho đó là một sự kiện có một tầm quan trọng lớn lao. Bởi lẽ mình không nghĩ rằng đó là chặng cuối cùng của cuộc đời mình. Đối với tôi, cuộc sống hàng ngày lúc nào cũng vẫn thế. Tôi vẫn tiếp tục ngồi vào bàn, vẫn tiếp tục viết lách. Tôi vẫn tiếp tục nuôi những dự định lâu dài, cho mười năm, cho hai mươi năm về sau. Như vậy đời tôi không có gì thay đổi cả. Một ngày nào đó có lẽ cũng sẽ có một sự thay đổi — do cái chết gây ra — nhưng tôi không bao giờ nghĩ đến. Tôi không sợ cái chết. Tôi không tin cái chết có thể là một ý tưởng. Mỗi khi thiên hạ bàn đến cái chết và hãi sợ là vì họ thường hình dung cùng trong một lúc, một cái thế giới trong đó họ không còn nữa, và một cái thế giới hiện tại mà trong đó họ đang sống bây giờ. Họ quên rằng họ không thể nào cùng trong một lúc có mặt và không có mặt. Cái ngày nào tôi nhắm mắt từ già cõi đời tất tôi sẽ không sao biết được. Chúng ta có thể nói là đối với chính mình thì mỗi người trong chúng ta đều là những người bất tử.

Pierre DUMAYET

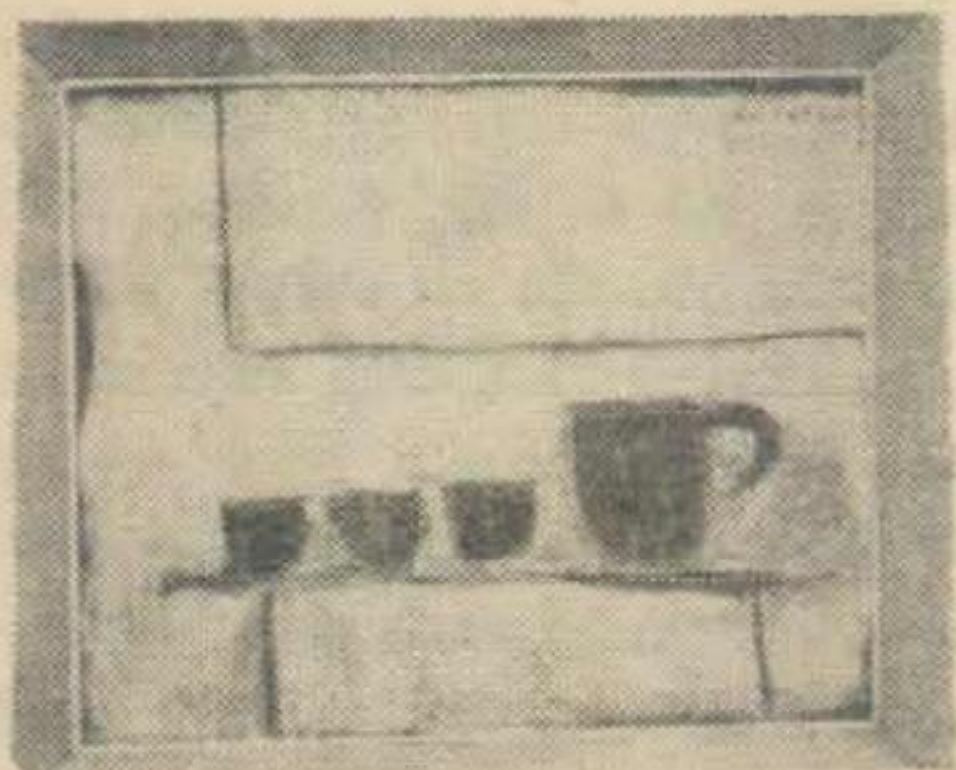
NGUYỄN MINH HOÀNG dịch

* Ngày 27-6-65, đông đảo thính giả sinh viên, giáo sư, tri thức, đã tới giảng đường của Chùa Pháp-Hội để

nghe ông Phó Viện Trưởng Viện Đại-Học Vạn-Hạnh, học giả Hồ-hữu-Tường trình bày khoa EOMIR, trước khi khai giảng lớp hè cho chứng chỉ « Nhập môn học » này. EOMIR là Extention Organisation and Methology of Intellectual Research viết tắt. Khoa này « đã có từ khi có loài người », như Hồ quân giải thích, nhưng chưa được hệ thống hóa. Hồ quân nay cố làm việc này. Tác giả « Nợ tinh thần » có tinh thần hay không, ta hãy chờ thời gian trả lời.

* Hân các bạn không quên sự có mặt của một nhóm người đầy thiện chí với hai môn Sử ký và Địa lý — nhóm Sử Địa — đã âm thầm và đều đặn hoạt động từ lâu, và mục Sinh-hoạt của tờ báo này đã từng ghi một kết quả thiết thực và ích lợi : sự phiên âm các danh từ Địa lý. Thiện chí có thừa, song phương tiện lại quá thiếu, tập san của nhóm đành in rô nê ô và ít được phổ biến. Ông giám đốc nhà sách Khai Trí thấy thế, đề nghị bảo trợ việc làm của anh em về mặt tài chính.

* Ngày 9 tháng 7 đã có sự kí kết giữa đại diện ban Sáng lập, Chủ tịch nhóm Sử Địa và ông Giám đốc nhà sách Khai Trí với sự chứng kiến của ông Khoa Trưởng trường Đại học Sư Phạm Saigon. Thế là trong một ngày không xa mấy, chúng ta sẽ được đọc những tập san in ty-pô sưu tầm và khảo cứu, hoàn toàn có tính cách văn hóa, nhằm mục đích phát triển ngành Sử-Địa vốn thường bị xem thường.



Tĩnh vật

* Họa sĩ trai trẻ đã luôn luôn tìm tòi cái mới là Lâm Triết mới tổ chức cuộc triển lãm thứ hai của mình tại trụ sở Pháp văn Đồng minh hội, 24 đường Gia Long, từ 8 đến 18 tháng 7 năm 1965. Bốn mươi hai bức tranh phần lớn lấy đề tài « Trắng » và « Thiếu nữ » đã nói lên sự cố gắng sáng tạo của người từng được Huy chương đồng (1961) và vàng (1962). Họa sĩ đã « giản dị hóa » các nét màu và tự cho là mình không lệ thuộc đường lối nào và chỉ mong người xem tranh tìm hiểu mình mà đừng bắt giải thích (Trong B.K số 132, chúng tôi đã có bài phỏng vấn họa sĩ L.T.)

* Cùng một lúc với cuộc triển lãm tranh cá nhân này, có cuộc triển lãm nhiếp ảnh nghệ thuật kì ba (năm 1964-1965), do hội nhiếp ảnh Việt-Nam tổ chức tại Phòng triển-lãm đô thành (từ 8 đến 13-7-65) với sự bảo trợ của công ti Shell. Số ảnh tham dự kì này đông hơn hai kì trước. Ảnh dự thi chia làm 3 loại : loại A (ảnh đen trắng cỡ 30x40 cm và 24x30 cm), loại B (ảnh đen trắng cỡ 18x24 cm) và loại C (ảnh màu).

Huy chương vàng về loại A : Nguyễn-bá-Mậu với bức *Cắm tức*, loại B : Vương-thiếu-Lược với bức *Kẻ thất nghiệp*. Loại C chỉ có tượng lệ.

truyện ngắn của VÕ HỒNG

LUỐNG ĐẤT NƠI HOA

Lão Túc là một nông-dân nghèo suốt đời mơ ước được làm chủ một đám đất cày. Để thực hiện điều mong ước đó, mặc dù tuổi già, lão đã một mình ra công khai phá khu đất bỏ hoang đầy gai góc mờ mịt ở Gò Đình...

Một buổi chiều trên đường về nhà, lão Túc gặp ông đại-diện xã. Lão đưa tay trái lên gãi đầu, miệng lí-nhí một lời chào :

— Dạ thưa thầy...

Ông đại diện tươi cười :

— Thầy bà cái gì. Thời đại bây giờ. Ở dưới đất về đó hả ?

— Dạ.

«Ở dưới đất về», bốn tiếng đó làm mát một nơi nào trong bụng lão, trong tâm can của lão. «Ở dưới đất về», bốn tiếng đó lão thường nghe ông Phó Hai, bà Hương Năm hay nói mỗi khi gặp ai hỏi «đi đâu về?». Đất đây là đất trồng mía, trồng bông, trồng mè, trồng đậu. Họ xuống đất để trông coi công cày, công gieo hoặc công cuốc cỏ. Khi hoa-vụ lên, họ xuống đất để ngó chừng ăn trộm ăn đạo. Tới ngày hái bông đập mía, họ xuống dưới đất để thu-hoạch hoa lợi. «Ở dưới đất về» là tiếng dành riêng cho người có của. Ở dưới đất về, ông phó Hai đi chậm rãi, khua guốc lóc cóc trên đường xóm và tay cầm cái rựa cán dài. Tha hồ chặt cây dọn bờ với một lưỡi rựa bén ngọt như thế. Bờ đậu bao quanh đám đất bao giờ cũng um tùm cây cối. Chúng mọc lẫn ra, vươn chồi, trổ lá, choán cả lối mọc của mía của đậu, che tàn rợp giành giật ánh sáng và không khí của mía của đậu. Lão tưởng tượng lưỡi rựa phật xuống, đứt lìa những cành cây ương ngạnh và gian trá. Thật sung sướng là tấm lòng người chủ miếng đất nâng niu bảo vệ cây

trái của mình và chính phạt tàn nhẫn lũ cây cỏ dại. Ở dưới đất về, bà Hương Năm quần vai dưới sức nặng của đôi giỏ đựng đầy tay bông trắng xóa. Ở dưới đất về !... Ở dưới đất về !... Đó là điệp khúc của một bài ca làm say sưa tâm hồn lão như mới ngày nào đây, lúc còn thanh-xuân, lòng lão rung động theo câu hò điệu hát huê-tình :

Tình thương quán cũng như nhà

Lều tranh có nghĩa hơn tòa lẫm cao :

Giờ đây lão đã có một miếng đất để mà đi về, đã có từng đám cây trái để mà bảo vệ, có bờ bụi phản loạn để mà chinh phạt. Lão không còn là thứ người "hai tay đấm hai cùi", thứ người chỉ có đôi dép cao su và cái rựa, thứ người chỉ sống nhờ vào sự thuê mướn của kẻ khác. Niềm vui đó theo chân lão mà về đến nhà.

Mụ Túc đang lục đục trong bếp. Có tiếng một cái cối tiêu bị hất văng lông lốc trên nền đất. Có tiếng nồi cơm đặt mạnh một cái «thịch» lên trên mặt rế. Mụ làm lụng bao giờ cũng nặng tay. Chẳng còn cái bát cái đĩa nào được nguyên vẹn với mụ. Không mở miệng thì cũng nứt ngang nứt dọc. Lắm hôm phải dựng cái khu chén lên để đựng nước mắm. Lão vừa đi ngang qua cửa bếp định cất cái cuốc xuống khỏi vai thì có tiếng đĩa bếp quật mạnh đánh bịch một cái và tiếp theo tiếng con Mực la oăng oăng vừa tháo chạy ra sân. Thân mình nó oằn oại. Nó ngã lăn xuống đất, kéo lê đôi chân sau vừa nhe răng cả hai hàm răng. Tiếng văng vẳng phát ra từ cái mồm lồm chồm đó như cũng có góc nhọn. Chúng kéo dài, đuổi dần, rời rạc dần, trong bếp, tiếng mụ lầm bầm chửi :

— Đồ quỷ sứ, ăn hồn ăn hào. Bạ chỗ nào cũng thọc mỗ...

Lão bước trở vào cửa bếp. Mụ chụp ngay :

— Con mẹ Cốc đó hả ? Mà tồ cha mày sao mày không đem cái chày lại trả cho tao ? Nói mướn một chút mà giữ chết ở đằng đó. Nhà tao có ai đâu mà sai. Ôn hoàng dịch tề hại mày.

Không nghe tiếng trả lời, mụ ngược lên nhìn và thấy lão :

— Thằng già này nữa. Không phải sao không lên tiếng ? Đi qua nhà mụ Cốc đòi cái chày về.

— Đòi chày làm gì? — lão ôn tồn hỏi.

— Đòi chày làm gì không biết hả ? Để về tể cha tôi phải không ? Không thấy cái cối ớt kia sao ?

Lão nhìn xuống cái cối nằm nghiêng ở gần ổ gà. Một con gà mái đen nằm trở mắt nhìn lại lão. Hai trái ớt thì văng ra xa ở dưới chân rồ bát. Lão nói :

— Đòi hỏi cái gì. Không có chày thì lấy đĩa mà giã cũng được.

Lão cười hì hì một tiếng nhẹ tiếp theo. Tức thì mụ ném vung đôi đĩa bếp.

— Còn cười nữa. Tức chết người ta đi. Hết nước mắt, hết củi, cơm sống. Nấu một nồi cơm mà thối hết hơi.

Lão đi lại lượm từng chiếc đũa bếp, gọt vào nhau cho sạch đất. Lão tiến tới gần mộ. Mộ tránh ra, thủ thế, nhưng lão chỉ đặt nhẹ một bàn tay lên vai mộ.

— Thôi, để đó tôi tiếp tục cho.

Mộ hất tay lão ra :

— Đẹp ! Đẹp !

Lão cười hề hề. Niềm vui của lão khiến lão thấy thương hại cho mộ vợ lòng khùng vùng vằng. Giá gặp một buổi nào khác thì lão đã tiếp tay mộ xán luôn cái bát xuống cát, tiếp chân mộ đá luôn cái cối cho lăn tuốt ra sân. Không, một người có đất, đất mịn màng và màu mỡ như vậy, có đám lúa đang gục đầu ngậm sữa, có vạt bắp đang chao những cánh lá trong gió, một người sung sướng như thế không thể dễ dàng nóng giận. Màu xanh của lá, màu vàng của hoa, gió mát và hương thơm đang phảng phất trong tâm hồn lão khiến lão bình tĩnh và kiên nhẫn. Lão khom lưng ngồi xuống cầm cái ống thổi lửa thổi phù phù vào đám củi chà. Đốm lửa sáng lên, đỏ rực, nói rộng ra, liếm vào cành củi, bật lên ngọn.

Bóng tối xuống êm đềm ngoài sân. Mùi thơm của hoa mù-u nồng nồng. Sau bữa cơm, lão bắc chõng ra nằm ở dưới hiên. Mộ ngồi xe sợi đan võng ở cây cột gần đó. Bầy muỗi đói bay vờ vào chân lão khiến lão phải đập chan chát từng hồi. Nhìn vờn vợ nền trời lấp tấp sao, lão dịu dàng thả tâm hồn đi lang vãng về những chặng đời niên thiếu, trưởng-thành của mình. Cũng dưới một nền trời sao nở lấp tấp như đêm nay, hồi lên chín tuổi, lão đã phải băng đồng một mình trong canh khuya đi lòng tìm con bê chạy lạc. Dân nhà nông ở hai làng Bình-hòa, Phú-mỹ cứ sáng sáng phải lừa từng bầy bò đi hàng ba, bốn cây số xuống cánh đồng Hòa-mai, Hà yển để có cỏ thả cho bò ăn. Buổi chiều lừa về, bầy này đi lẫn lộn với bầy kia vì con đường xóm hẹp. Đi cạnh những con bò cái hiền lành tư lự là những con bê ngây thơ. Những chàng bò đực khác bầy khi gặp nhau thường chẳng mấy khi chịu yên. Chúng găm đầu xuống khịt mũi, quào hai chân trước xuống mặt đất rồi xông vào nhau mà húc. Sừng đập chan chát. Bụi tung mịt mù. Bò cái bò con chạy toán loạn. Người đi chợ cũng chạy tán loạn theo. Chính trong một cuộc bò đực giao đấu đó mà con bê con của lão chần chạy lạc sang bầy bò khác. Lùng kiếm không ra. Phải lừa bầy bò còn lại về chuồng. Chịu năm quất roi mây có lẫn ngang lưng. Chịu nhin đói bữa tối đó và cởi quần áo lội qua Cây Dừa đến từng chuồng bò ở hai làng Bình hòa, Phú-mỹ mà kiếm. Bóng tối cũng dày đặc êm và mềm như đêm nay. Sao cũng nở chi chít và hơn hờ như đêm nay. Mỗi chân và đói, và lạnh, lão ngồi bệt ở bờ sông mà khóc òa lên. Lão sợ cây roi mây dài của chủ. Mỗi lần vụt tới, lần roi xé gió nghe vút một tiếng dài và thân roi quất tròn theo thân mình gây nhom của lão. Nhức nhối như có lửa trong thân roi. Rỉ rỉ như có máu ứa ngay theo lần roi.

Lão thở dài lặn mình trên chõng. Tiếng vạt tre cọt kẹt ở dưới lưng. Lão đưa một ngón tay lên chấm ở khóe mắt, ngạc nhiên thấy đã có nước mắt đọng ở đó từ lúc nào. Lão quay sang bảo vợ :

— Hôm rày bà chưa xuống dưới đất thăm. Bắp đã trổ cò dưới đó.

Tiếng ồm ồm của lão làm mục Túc giật mình. Mục đang xe sợi trên bắp đùi để trần mà mắt thì lơ lơ ngủ gục.

Mục hỏi lại :

— Cái gì ? Nói cái gì ?

— Bắp trổ cò ở dưới đất mình.

— Tưởng cái gì. Làm người ta giật mình.

— Mai bà xuống vun gốc với tôi.

— Một ! Tưởng năm sở bảy sở gì. Có một vạt đất bằng bàn tay mà cũng làm rộn.

Lão lại cười hề hề.

— Một bàn tay cũng là đất, năm sở bảy sở cũng là đất. Tao có một bàn tay thì tao rộn theo một bàn tay.

Mục ngáp dài tỏ ý không muốn nghe nữa nên lão cũng chẳng thêm nói thêm. Nói với đầu gối còn hơn nói với con mẹ này. Lão nằm lắng nghe gió thổi xào xạc trong lùm cây sung, tiếng dầm chèo gõ lộp cộp trên be thuyền đang bủa lưới ở mé sông. Bao nhiêu tiếng đó đều quen thuộc với lão, ghé lại chẳng nào trong quá khứ lão cũng đều gặp nhưng mà riêng đêm nay lão thấy thiết tha thân mật. Quả tình niềm vui của ban chiều đã theo lão không rời và trong giấc ngủ chập chờn dường như lão chiêm bao thấy toàn những gĩa lúa đồ thành đồng, thành đồng cao rộng mãi ra, cao vút lên, vô biên, tràn ngập khắp cả. Chỉ toàn những lúa là lúa.

Ngày thu mát lạnh tiếp theo ngày hè nồng nực. Cái ao con ở góc mảnh đất mỗi ngày một thu hẹp chu vi. Đất lặn ra ở ven bờ, đất chụp lên rơm khô cỏ khô, đất bò đến đâu là cây cà dây muốn tiếp chân đi theo, chầm rề xuống để giữ cho đất khỏi lở. Lâu lâu giữa lúc đang cuốc đất lão chợt nghe tiếng con cá vẩy đuôi một cái mạnh dưới lòng ao. Lão dừng cuốc quay lại nhìn vừa mỉm cười lầm bầm nói :

— À ! vẩy mạnh đi con. Đợi hôm nào lớn ông bắt về um một chảo.

Lời hăm dọa có đượm vẻ thân tình. Nếu một ngày nào lão thả lờ hay úp nơm mà bắt được cá thì chắc lão sẽ ôm cá lên tay mà nhìn như ôm một người bạn. Khi mặt trời lên cao nước ao ấm áp thì rờn rờn bơi lội từng đàn. Cá sặt cá rô thì nhau đớp móng làm rung rinh mặt nước. Hoa súng vươn mình lên cao xòe nở từng cánh trắng. Mặt ao trông giống cái khăn trải bàn có thêu thùa lá hoa rậm rạp.

Một ngày tháng Mười năm đó, ông thư-ký địa-bạ của Xã đi ngang qua đám đất, lấy chân gạt tấm cửa ngõ bên bằng chà gai tre, lưng thưng bước vào. Lão đang cời trần cuốc cỏ đám mì, vội vã quay lại Lão mời ông thư-ký vào ngồi ở cái chòi nhỏ. Vừa đặt đít ngồi lên vạt liếp tre, ông thư-ký chép miệng:

— Chà! Ở đây gió mát quá. Ngủ trưa thì sướng tuyệt

Lão «dạ» một tiếng rụt rè.

— Chòi này cụ làm để giữ dưa?

— Dạ, giữ dưa giữ bắp luôn thề.

Lão móc tu-vi đựng thuốc ra mời. Thuốc sắc mỏng như sợi râu màu xanh úa. Lão nói:

— Mời ông thư-ký hút thử. Thuốc này là giống thuốc Vân-hòa tôi xin được vài chục cây đem trồng ở góc kia.

Lão đưa ngón tay chỉ về đám thuốc đang ra hoa. Những lá dày, rộng mọc ở dưới chân đã bị tước hết.

Khỏi thuốc phì phà đầy nghẹt cái chòi nhỏ. Chợt ông thư-ký đằng-hắng một tiếng lớn rồi trịnh trọng nói:

— Mấy bữa nay Xã phát động công-tác kiến điền. Ai có ruộng đất đều phải làm tờ khai. Cụ..

— Dạ, thưa ông thư ký, đất này là đất bỏ hoang tôi mới phá vỡ...

— Tôi biết... tôi biết..., — ông thư-ký vội ngắt lời. Cụ khai để đứng tên làm nghiệp-chủ kéo sọt sau này có người tranh đoạt.

— Dạ.

— Đất khai hoang thì cụ được ăn hoa lợi năm năm khỏi phải đóng thuế.

— Dạ.

Thấy ông thư-ký ngồi im lặng không nói tiếp, lão lúng túng hỏi:

— Nhưng mà cách-thức khai báo...

— À, cụ cứ ra trụ-sở xã rồi anh em làm dùm cho. Cốt là cụ phải đo đạc miếng đất theo chiều dài, chiều ngang rồi tính diện-tích.

Những tiếng «chiều dài, chiều ngang, diện tích» khó hiểu khó nhớ làm mặt lão nhăn nhó lại.

— Được rồi. Để tôi bàn cho cụ. Biết chưa? Cụ đo một bề này, — ông thư-ký giơ ngón tay chỉ, — coi nó được mấy thước. Biết chưa?

— Dạ

— Rồi cụ đo bề này, — ngón tay lại chỉ về một phía khác, — Biết chưa?

— Dạ.

— Xong đâu đó, cụ ra trụ sở xã, chúng tôi tính toán đùm cho.

— Dạ.

Tiền chân ông Thư-ký xong, lão loanh quanh nghĩ đến việc đo đất. Đo bằng cái gì bây giờ? Thước đâu mà đo? Cả năm cả đời có bao giờ lão mó động đến cái thước? Đơn vị đo-lường của lão là gang tay, sải tay, đòn gánh, cây sào. Đơn-vị nhỏ thì chi-li bề bộn hơn: lóng tay, mút dũa, mút chìa vôi, hột bắp, hột gạo, hột kê, con mọt... Cái ngạch địa này rộng năm gang... mặt trời lên hai sào... cái mụn bọc to bằng mút chìa vôi... đóng cái răng cối xuống thêm nửa hột gạo... đó, những dụng-ngũ thông thường mà tai lão hằng nghe, miệng lão hằng nói. Lão đi rào nửa xóm mới mượn về được cái thước. Lão nối chắp hai sợi dây gàu làm một và đo đủ năm thước. Nơi mỗi đầu dây lão cột một thanh củi vót nhọn. Lão đợi một đêm trăng sáng và rủ vợ cùng đi đề mụ giúp tay với lão, nhưng mụ ươn ngạnh cãi lại:

— Tôi không biết đo đạc tính toán.

— Thì ai biểu mụ đo đạc? Mụ chỉ cần cầm một đầu dây rồi tôi làm gì mụ cứ làm theo.

— Từ thuở cha sinh mẹ đẻ tới giờ tôi đâu có đất có ruộng mà biết làm theo? Giọng lão nằn nì:

— Mụ chịu khó một chút mà.

— Không.

Im lặng một phút, chợt mụ la oang oang lên như đề phân vua với hàng xóm:

— Đo đo đạc đạc... Đạc điền đạc thổ cái gì.. Làm như giàu lắm. Đo cái gì lại đề ban đêm mới đo? Quá là đi ăn trộm!

Lão uất người nạt một tiếng:

— Im đi. Cha mày. Cái miệng như cái mõ làng.

Và lão vội xách cuộn dây gàu đi tuốt. Cái mõ oang oang ở sau lưng lão. Thật là đồ ngu. Lão đã chọn ban đêm đề đừng ai soi mói nhìn vào công việc của lão. Lão ngượng khi sung sướng mà bị ai bắt gặp. Như ngày Tết mặc áo mới. Như ngày cưới vợ, lão đi đón dâu bị hàng xóm chạy ra đường xem mặt. Lão lăm bằm trong miệng những tiếng rời-rạc vô nghĩa.

Đến đám đất, lão cởi áo vắt trên mái chòi theo thói quen. Đêm mát lạnh lạnh. Mặt trăng sáng trắng như cái đĩa bạc chạy vun vút trên nền trời không mây. Lão đi lại một góc rào vệt cành cây lá cây đề cầm sát một cây nọc xuống. Lão cầm đầu dây kia đi chậm rãi, tránh những dây dưa, nhảy qua những vòng khoai... đi cho đến lúc sợi dây căng thẳng mới dừng lại. Lão cầm cái cọc thứ hai xuống. Miệng đồng đạc đếm: Một. Tiếp theo, lão giật mạnh sợi dây cho cây cọc ở góc rào nhô lên, lão thu dây vào lòng bàn tay rồi lại chậm rãi bước đi cho đến khi sợi dây lại

căng thẳng dưới tay lão. Cứ như thế, chậm chậm, nghiêm trang, lão đem hết tâm hồn mình ra để cầm ngay ngắn chiếc cọc, để kéo thật thẳng sợi dây, để đếm đồng dục : Một... Hai... Ba... Bốn... Không một mắt một thước đất. Không bỏ sót một tấc đất. Phải đo cho hết phải đếm cho đủ. Lão cứ mong sao cho đất dài mãi, dài mãi, vô tận ở dưới bước chân mình. Ánh trăng chao qua chao lại, rớt chảy theo lòng lá môn lá bắp nghiêng nghiêng. Lão lắng nghe tiếng chó tru ở các thôn xóm rải rác xa xa, tiếng con ếch ồm-ộp ở bờ ao, tiếng dế ri-ri như rĩa xới vào bóng tối.

Khi đã đo đủ hai chiều, lão lầm nhảm đọc thuộc những con số, những con số kỳ-diệu đang biến lão thành chủ-nhân ông của một sản-nghiệp do mồ hôi và bắp thịt của lão gây dựng nên : sáu dây sáu thước chín tấc, bốn dây... Lão học thuộc dãy con số đó khi vục gáo vào lu mức nước rửa chân, khi leo lên chõng nằm, khi lơ mơ đợi giấc ngủ đến.

Sáng hôm sau, lão đi đến trụ-sở Xã. Suýt tí nữa thì quên tay cởi bật cái áo ra để tìm chỗ vắt. Lão quên ở trần nên da chai đi, mặc áo vào một lát thì thấy nực và ngứa ngáy. Ông thư-ký địa-bạ tươi cười chào trước :

— A, cụ Túc. Thuốc lá của cụ hút đậm hơn thuốc Cũng-sơn. Hôm nào hái đủ được nhiều nhiều, cụ nhớ để dành cho tôi một ghim. Đã đo đám đất xong chưa ?

— Dạ, mới đo hồi hôm.

— Được bao nhiêu ?

— Dạ, sáu dây sáu thước chín...

— Sáu dây là cái gì ?, — lông mày của ông thư-ký nhíu lại.

— Dạ thưa quên. Tôi lấy cái dây để đo. Mỗi dây năm thước.

— À, được, Mời cụ lại bàn đây.

Lão tìm chỗ để đặt cái nón rồi tiến lại bàn giấy. Ông thư-ký rút một tờ trong chồng giấy có in chữ sẵn đặt ở mép bàn, và mở nắp bút máy.

— Cụ tên gì ?

— Dạ, Nguyễn Dương

— Không phải tên Túc à ?

— Dạ không. Nguyễn Dương là tên trong bài chỉ thuế thân.

— Sanh quán chánh quán ? Làng Ngân sơn không ?

— Dạ phải.

Ngòi bút chạy rền rẹt trên giấy.

— làng Ngân-sơn... tổng An-sơn... quận Tuy-an...

Ông thư-ký vừa đọc to vừa viết. Y như trong một lớp học. Cái miệng đọc

rang rang của ông thầy giáo. Bàn tay nhẵn nại cầm bút của học trò. Miệng ông thư-ký méo xệch, uốn éo theo đường đi của ngòi bút.

— Thờ canh nhất khoảnh... Bề dài bao nhiêu ?

— Dạ sáu dây sáu thước chín tấc...

— Sáu dây vị chi đi ba mươi thước.

Ông viết những con số thật to, chậm chậm, cẩn thận, tô đi tô lại nhiều lần.

— Bề ngang ?

— Dạ, bốn dây bảy thước tám tấc.

— Hai mươi thước cộng với bảy là hai mươi bảy thước tám tấc. .

Lão Túc nhìn chăm chăm vào đầu ngòi bút. Nét chữ đều đặn hiện ra, nhẹ nhàng, ngoằn ngoèo khiến lão muống chóng mặt. Như khi ngồi xe uốn mình theo con đường lượn vòng và ở dưới mắt, dải sông, lùm cây, xóm chợ, ruộng lúa chao qua chao lại. Ông thư-ký không hỏi lão nữa mà nhủ ngậm đôi lông mày xuống để tính toán :

— Tám lần chín là bảy mươi hai, viết hai nhớ bảy. Tám lần sáu là bốn mươi tám với bảy là... với bảy là... bốn mươi tám với bảy...

Ngòi bút gạch, xóa, bôi, sửa nhiều lần. Ông lấy thêm tờ giấy khác, lại tính, lại bôi. Những vết nhăn ngắn cày sâu ở khoảng giữa hai chân mày. Lão Túc chấp tay đứng im lặng, chăm chăm nhìn. Lão có cảm giác mình đang phạm tội. Quấy rầy kẻ lớn ! Lão chuyển sang sợ hãi khi chợt nghĩ đến sự lúng túng của ông thư-ký. Ông ta có thể tính sai làm mất đi vài thước đất. Bao nhiêu là mồ hôi, là hơi thở phì phò, là gân cốt vươn lên cúi xuống mới có được một thước đất. Ngòi bút tài ba mà cũng ác-nghiệt. Nó có thể xóa mất, một cách dễ dàng, bao nhiêu công lao của người ta. Một vết đờm loáng thoáng ở đầu trong cổ họng bắt lão muốn ho nhưng lão không dám.

Tiếng đặng hắng của ông thư-ký làm lão giật mình. Vẻ mặt tươi tỉnh, ông hươu ngọn bút vẽ một vòng tròn bao quanh con số thành như sợ đề không thì nó trốn mất. Ông giơ tờ giấy lên xa đôi mắt một chút, chụm sát đôi môi lại rồi một tay xoa cằm, ông động dục tuyên bố :

— Một ngàn không trăm hai mươi lăm mét ca-rê.

Lão Túc hơi cong lưng xuống và «dạ» một tiếng nhỏ. Khi nhận ân-huệ, mọi người đều cong lưng và nói khe khẽ như vậy.

— Cụ ký dưới tờ khai này đi.

Vừa nói, ông thư-ký vừa ấn bút vào tay lão. Lão rung mình khi tay chạm vào cán bút. Giọng lão thiếu-não :

— Ông cho tôi... lẩn tay.

— Không được. Thời-đại bây giờ mà đâu có chuyện lẩn tay diêm-chỉ ?

— Thưa ông, tôi cố gắng đi học bình-dân mà tối dạ u-mê quá, học đâu quên đó. Tay quen cầm cày cầm rựa nên hễ cầm viết là cứ tuột ra.

Ông thư-ký cười to, nhìn xuống những ngón tay của lão sù sì cong vẹo như rễ chuối, rễ bàng.

— Thôi được. Đưa tôi cầm tay cụ kỹ dùm cho.

Ông đặt cán bút vào giữa lòng bàn tay lão rồi nắm trọn bàn tay ấy kề gần mặt giấy dầy lên dầy xuống. Ngồi bút xóc giấy liên-tiếp, mực tóe ra như hoa cải:

— Cụ đừng đề xuống... đề yện tôi lái cho.

— Dạ.

— Cái lưng cứ ngồi thẳng. Kìa! Đừng đề chớ. Cầm lỏng lỏng cây bút một chút.

Khi ông thư-ký ra lệnh «Thôi» thì một chữ «Đương» méo mó đã nằm yên trên mặt giấy. Tim lão đập rộn ràng. «Bút sa gà chết». Chẳng biết lão vừa ký nhận là gì. Nếu đó là một văn-tự vay nợ, một tờ giấy bán đất thì thật rồi đời lão. Nhưng mà không có lý. Lão nghèo nàn thế này, ai nỡ lừa đảo lão làm chi. Cán rựa của lão bóng loáng vì phạt bờ chặt gốc trên mảnh đất đó, lưỡi cuốc của lão phăm phăm thảng này sang thảng khác trên mảnh đất đó, nào ai còn không biết. Lão đem lòng thành ra mà ở với thiên-hạ.

Trên đường về, lòng lão băng khuâng rộn ràng. Mảnh đất của lão đã có tên tuổi, đã được làng xã biết đến, và công-nhận chính-thức. Nó được hiện hình bằng chữ nghĩa trên một tờ giấy in, vuông vức ngay ngắn xếp với chung hàng trăm tờ giấy khác, hàng trăm miếng đất miếng ruộng khác. Nó không còn là thứ đừa con hoang (đất hoang cũng giống như đừa con hoang vậy). Nó đã được công nhận, được xếp vào hàng ngũ bình thường. Tên của lão đã có trong sổ bộ bắt đầu từ hôm nay. Người ta gọi lão là nghiệp-chủ. «Nghiệp chủ Nguyễn Đương... thổ canh nhất khoảnh... diện-tích một ngàn không trăm hai mươi lăm... ca-rê...» Chẳng biết «ca-rê» là thứ gì. Nhưng có «ca-rê» tức là có đất.

Lão vui chân rảo bước. Chân chấp phải một hòn đá đau điếng nhưng lão nhay lò cò lên vài bước, xuyết xoa rồi thôi. Có chảy máu chút chút cũng không sao. «Một ngàn không trăm hai mươi lăm... ca-rê. Nguyễn Đương .. thổ canh nhất khoảnh...»

VÕ HỒNG

«HÒA ĐỒNG» ĐỢT MỚI

Các bạn thanh niên, sinh viên muốn tìm một đường lối suy tư, hoạt động, không thể bỏ qua:

Tuần báo **HÒA ĐỒNG**

Phát hành ngày thứ bảy mỗi tuần.

Sau một tuần nghỉ đề «xét lại» **Hòa Đồng** số 27 ra ngày 17-7-65.

TRUYỆN 3 KỲ :

TÚY - HỒNG

(Xin coi từ B.K. số 204)

tóc mai nghìn năm

Đánh rối mớ tóc dài bới xách lên cao và lóc cóc mang dây nhợn mồm thì ra chiều mô phạm quá, thôi thả rơi cho tóc xỏa tung bốc rời xuống thân hình mập mờ thờ-ơ gói ghém trong lớp áo hoa bèo mong-manh khi hai huyết mũi đã pháp-phồng hơi thở hiện sinh. Tôi muốn bốc gọn cuộc đời trong một nắm tay, muốn cầm chiếc cốc pha-lê óng-ả vung mạnh tay ném vỡ tung-tóc ra từng mảnh vụn hào-quang. Vinh ghiền cà-phê nặng, tôi muốn nóng sôi lên thành thứ nước đen kích-thích đỏ. Hiện tượng này muốn tan thành nước cà-phê đậm đắng lướt qua môi, thấm vào lưỡi, trôi xuống cổ họng chàng, hai thớ thịt từng trải quơ-quậy kéo siết những chiếc hôn kích-thích. Phần việc đầu tiên của tình yêu là chiếc hôn môi ray rứt cho tôi nhằm nghiền mắt lão-đảo vòng lưng. Tan thành nước cà-phê mới hết nghĩa chữ tình. Vinh ơi em là chất lỏng kích-thích vô tội, là cà-phê của anh. Hãy ngậm em giữa hai môi dày trác táng, uống em đi, nuốt em đi ừng-ực. Chỉ vẽ cho em cách chế cà-phê và phương-pháp chui vào lòng anh để anh thao-thức cồn-cào, tỉnh người bỏ ngủ vì đã liếm em trên đầu môi chót lưỡi, đã ngậm, đã nuốt ực em vào anh rồi. Cà-phê ơi cà-phê môi cà-phê thác loạn...

Tôi quơ vài lác lướt trên mái tóc xỏa dài rồi ung-dung đi ra phòng ngoài. Thuyền liếc xéo tôi một cái rồi nhếch miệng cười lớn :

— Chị Hoài để đầu tóc dài giống ông Voltaire quá.

Tôi vuốt 2 vạt áo dài úp chéo :

— Mi đẹp !

— Bà vào mở tự-diễn Larousse coi thử đầu tóc bà có giống tóc ông Voltaire không ? hi . hi.. Còn giống thêm cả mái tóc Racine, Corneille nữa chứ ! Mỹ miều quá !

Tôi bật cười nhẹ cầm chiếc khăn tay ý tứ chặm lớp mồ-hôi ướm rịn trên mép.

— Ê thằng Côn ra kêu dùm chiếc xích-lô đi, kêu cho được ông xích-lô lý-tưởng có đời tư tươm-tắt sạch-sẽ, hạnh kiểm đường-hoàng đúng với nguyện-vọng của cha nghe không !

Xong câu nói tôi cười rất to vất cái nhìn lên mái nhà bếp nơi cha đang hì-hục gỡ mấy viên ngói bể. Cha làm nhà thì tuyển thợ nề lý-tưởng, thuê xe thàng cho con gái đi dạy cũng chọn người phu lý-tưởng. Ban ngày đi ra ngoài nhác thấy hàng điện đường quên tắt là cha đạp xe nổng báo cho nhà đèn biết ngay.

Tiếng thằng Côn nghiêm trang :

— Cảnh cáo mấy chị bữa ni đừng sai em chạy nữa, đừng bắt em làm việc cho mấy chị nữa. Cả bầy con gái cứ xúm vào tấn-công một mình thằng này. Lỡ sau này người ta ra đời sẽ quen thói phục-dịch chịu lụy đàn-bà. Nhục lắm. Cứ sai sửa mãi, sai cả ngày, ưng tập dần cho em trai ngày sau sẽ bị phụ-nữ lợi-dụng hành-hạ.

Chị em nhà tôi ai cũng lý-sự đầy mồm. Nụ cười Thùy ẩn sâu đôi má đồng tiền :

— Thằng Côn chiều ni ăm nói có duyên ác. Tôi tróc đầu thằng Côn rồi hấp-tấp đi ra. Những bước chân gian-nan vẽ hình chữ bát. Xe xích-lô là chỗ ngồi cô-dơn của tôi giữa đường phố. Tôi ngả lưng chao mắt nhìn con đường Phan-Chu-Trinh bò theo sông An-Cực mệt-mỏi lờ đờ. Hè sang đã lâu mà hàng phượng cộng cộng vẫn chưa điểm son trên mọi cành lá. Tấm biểu ngữ dăng ngang đường đòi hỏi quyền tự-do. Có 4 chiếc xích-lô chở 4 ông Mỹ đi hàng một ; người Mỹ ở Huế hình như khoái đi thứ xe này. Họ ngồi ung dung-tự toại với tất cả chiều dài thân-thể như đang nằm ghế xích đu hai chân duỗi thẳng ra không quen giữ-gìn ý-tứ.

Tôi xuống xe ở nhà dây thép, vào bỏ thư rồi đi bộ lên trên *cercle*. Học trò bán công bãi học ra về nghênh-ngang giữa lối đi. Hai anh con nít trên xe đạp tông nhau ngã lăn liền vùng dậy ôm nhau vật lộn thanh toán gấp bỏ xe nằm giữa đường mặc kệ.

Tối trời rồi nên sân quần vắng, ghế đá vắng. Dạ hội tổ chức ở lầu trên. Vì hát hay nên tôi thích đi tiệc, đi dạ hội.

Từng giải giấy ngũ sắc đan hình mặt vông giăng từ búp đèn đến dàn hoa ti-gôn buông là là trên đầu người. Gió sông Hương se se vén nhẹ tà áo nhưng mặt

sông trên cao nhìn xuống vẫn êm ả mịn màng như một tấm nỉ xanh biếc thêu nổi vài cánh bướm trắng, vài chiếc ghe đen đi nghề.

Móng tay nhọn nào chích nhẹ lưng tôi.

— Chị Hoài chút nữa tiệc chị ngồi bên em nghe không ?

Tôi quay lại trợn mắt :

— Ô Lan, áo dài hấp dẫn quá.

— Chị Hoài, chị Hoài đến đây nói chuyện. Lớp bạn gái trẻ như em vừa đẹp vừa học giỏi. Buồn không ai già hơn mình để kêu bằng chị. Nhiều cô gái đau nhói vì tiếng chị của người cùng phái, tiếng rửa lịch sự trau chuốt. Mình già nua cũ kỹ quá rồi khó mở miệng công lại ai bằng chị. Miễn trách, đây sẵn sàng làm chị tất cả, cả đàn ông nữa. Mẹ đã thấm mệt quá rồi, tuổi nặng chồng lún vai nhẹ. Cóc cần, phút này mẹ chỉ muốn tan thành nước cà phê thôi, cà phê là môi, là hôn anh Vinh.

Lan chia tay vào người tôi :

— Chị Hoài tiêm thuốc hồi nào mà mặt ra mau dữ ghê. Dòm coi mấy bà dòm coi, này này toàn là những đường nét địa dư với hình học : Hai bán cầu ngực, một vòng cung hông.

Hường vung tay :

— Chị Hoài công lại con Lan đi... Đàn bà nhìn từ cổ xuống đại khái giống nhau cả tại sao con Lan lại đi xĩa xối vào thân hình chị, tả chị, vẽ phồng lên...

Tôi hứ một cái quắc mắt cười già lả :

— Chửi ta mấy ta cũng không tức bằng bị đem tả bằng lối văn phóng sự... Thân thể mày chắc đã quý báu gì... Kề ra Lan cũng biết cách chọc tức đấy.

Rồi tôi ngửa cổ ra đằng sau cười phá, Lan chớp chớp hai hàng mi mỏng hậm hực. Bỗng tôi ngậm cười, hai má nóng bức, chao mắt nhìn. Vinh đã đến, điều thuốc ngậm lỏng lẻo giữa hai hàng môi, một quyền sách nhỏ cầm tay.

Cơn hỏa hoạn tình-cảm nổ bùng xám ngoặt một miền ý-thức, ngọn lửa cảm-giác mê say len lõi vào từng sợi thịt thúc đẩy tôi trườn tới, trườn tới. Ba bước nữa là vòng tay anh và tảng ngực ấm. Sống lưng tôi lỏng ra, rã rời và tôi muốn nằm xuống. Lời nói rắn-chắc của Thảo bỗng vươn lên như thân loài rắn quắt đau nhói lý trí và dội tôi lại, ấn tôi lại. Vinh vô số người tình : thiếu phụ giàu, sinh viên, giáo sư, công chức, vũ nữ... hân yêu giả, yêu xác thịt, yêu mộng, yêu đùi, mi đừng yêu thật, đừng hy sinh, đừng liều. Tôi đứng khựng, lời cảnh tỉnh như con sâu đất bò thủng màng tai, cào xước lồng ngực, đốt thành phản ứng... Nhưng... nhưng... tôi hiểu tôi rồi, hiểu lắm đi rồi, hiểu hết cả. Tình yêu ơi ! Đả cảm xúc xoay tôi chóng mặt, xô tôi xông xáo chạy bừa. Không quay lui, không quay lui rồi đã. Tôi yêu Vinh và không yêu ai nữa hết. Một người, một đời, một mối

tình, một tâm sự, một nắm mồ. Tôi yêu Vinh. Và hết cả đàn ông là người thừa và ghét tôi. Tôi ngược mắt nhìn chàng cười rất khéo, nòng đơm nghệ thuật và vẻ tán tỉnh khôi hài đen. Chàng ăn mặc gọn, sơ sài nên đẹp. Lan thông thả rút quyển sách trên tay Vinh xuống :

— À .. V.H nhiều độc giả lắm... thấy sách báo ra mà không mua là tàn nhẫn, trái với nhân đạo, luân lý. Mua làm phúc đề chê khen cho vui... ghét bọn nhà văn sống phi luân, tình cảm sung mãn và suy đồi.

Vinh nở miệng cười mơn trớn :

— Khắt khe quá... Cách phán xét như phê học bạ cho học trò vậy. . giận ai mà phát ngôn nặng nề rứa.

— Theo Lan thì phụ nữ không nên viết văn. Viết là phá, là hư, là thú tội, kêu van, đồ lỗi. Gây huyên náo, đồng bóng cho xã hội rút cục cũng chẳng hơn ai. Đá đồ, đập vỡ, đem cá nhân mình ra đề phá hư. Một lối tự tử... tự tử,..

Tôi cười dòn :

— Mạt sát con gái thiên hạ dữ quá.. Tuy nhiên ngôn ngữ của Lan rất hay, ngọt mát như nước mía như cam-thảo vì Lan bao giờ cũng xưng Lan Lan với bạn gái bạn trai.

Vinh chuôi nhanh cái nhìn về phía tôi :

— Mấy cô chích nhau hăng quá.

Lan tiến lên một bước đánh giọng :

— Chị Hoài tưởng Lan bao giờ cũng Lan. Lan với tụi con trai sao?... Chỉ Lan Lan với một mình Vinh thôi cũng đủ xót ruột rồi.. Không phải vì họ là đàn ông mà họ hơn mình được. Bạn trai dưới 35 tuổi bao giờ Lan cũng xưng tôi cả, danh chính ngôn thuận.

Vinh hỏi :

— Ngày mai Hoài coi thi trường nào ? Kỳ này được chấm ở Huế thích quá nhỉ?

— Quốc học ... à tối nay Vinh đưa tôi về nhà sớm nhá sợ ngày mai dậy muộn đến trường trễ.

Tiếng cười khinh của Lan hắt ra từ mũi, hắt dính đặc đi vòng quanh bàn xếp xéo những chiếc khăn trắng đặt gọn vào lòng ly. Tảng ngực lớn dưới cổ Lan nhấp-nhô theo sức bước.

Cách giao thân phái yếu, sự xâm nhập tình cảm dễ-dãi xóa chùi biên-giới lạnh-lẽo. Con gái dễ vui dễ cười nhưng lòng con gái hay giận hay hờn mát, tham lam thích được chiều chuộng. Tôi thích chơi với bạn trai hơn, dứt khoát, thành-thật, rộng rãi.

Một số người trong các phân khoa đại-học cùng đến vui trong dạ-hội chia tay của dân sư phạm thi ra trường. Vinh lao-đao xuôi ngược tổ chức liên hoan và lãnh phần tiếp tân bạn hữu. Sẽ có ca-si đến dự nữa. Rồi tháng sau Vinh sẽ mài-dũa cuộc đời mô phạm ở một miếng đất xa Huế, một thị-trấn tung bừng hay một vùng đầy tiếng súng. Chàng mất tối hay tôi mất chàng. Không, không tôi sẽ vứt Huế, giã-từ lòng cha mẹ, đệ đơn xin chuyển đến đơn vị nào có tiếng giảng bài gõ thước, có dấu chân đi về của người đàn ông đã hôn tôi mấy chục ngàn cái, đã xử tử đời con gái của tôi. Người thiếu tôi món nợ máu !

Các nàng văn-khoa ủa đến sắc hương choáng ngời. Má trắng, má hồng, môi đậm hay môi nhạt, tóc độn phồng hay tóc ôm vai, đèn đêm huyền ảo khiến vẻ đẹp bóng loáng lên men rất nhiều. Lâu ngày không gặp, chùm con gái chuyện trò nghịch ngợm tíu tít, cười đùa ào ạt. Ngôn ngữ gái Huế, không phân minh, sắc gọn, nói nói cười cười riu ra riu rít lẫn lộn như lời chim đàm-thoại :

— Năm nay có nghị định là dân sư phạm mới ra trường không cho bổ dạy ở Huế, Gia-định, Saigon

— Tình hình chính-trị bần thiêu như thế này e xin ra dạy miền Côn-đảo mà còn thú-vị hơn.

— Ở Côn-đảo tù binh chính trị phần nhiều trí thức hạng bự. Ai ưng cưới bằng cấp thì ra đó. Tụi này phải kéo cả đại đội phụ nữ ra đó đàn áp không cho mấy chàng tù binh nổi loạn. Ở Côn-đảo mình học nghề khoái lăm, ngành tiểu công nghệ nhà tù xếp sòng rồi đa.

Thói quen cô đơn, nỗi buồn vô cớ đem tôi ra ngoài cuộc vui khiến tôi bần thần nghĩ rằng đời chỉ có tôi là đàn bà và hết thầy đều là loài khoáng chất và thảo mộc. Tôi muốn kéo Vinh chạy đến gốc xoài thì thăm những mật đàn yêu đương kín đáo ngon hơn những chiếc hôn, nắm tay nhau đi qua ghề đá không ngồi, đi cho hết con đường rừng Đoát xuống tới An-cựu, Da-lê, Thanh thủy... Chân mỗi gối chồn, hai tôi đầu lưng dựa nhau gục đầu trên hai cánh tay khoanh ngủ vùi. Và buổi mai tỉnh dậy, tỉnh dậy với Vinh bên cạnh, với kẻ hoa tiêu của cuộc đời bên cạnh, tôi không còn đưa 5 ngón tay ốm lên sờ hai chiếc má gầy. Cái hôn đầu ngày của Vinh bù vào chỗ khuyết da thịt trên má.

Cười cười nói nói lao sao lay động thức ăn bàn tiệc. Người đẹp nhiều. Áo dài sáu bốn với vòng eo năm mươi. Sự đặc thắng của tuổi trẻ là sắc đẹp và trí thức cao. Tôi chủ bại, thua ngay từ đầu. Tình yêu tan thành nước và tuổi già là đá. Giữa xã hội giữa cuộc đời bắt tôi sống như con vật bệnh. Tôi cúi mặt nhìn đôi giày tiu nghiu như cây hồ ngơoi cả thẹn rũ xuống trước sự động chạm. Thảo quả quyết rằng trên quả địa-cầu không còn tình ái nữa : kẻ nào còn tìm ra ở mình thứ tình dị thường đó là vương phải triều bịnh nan y. Tôi đau gì và tôi đau gì ? Đời chỉ có Vinh là thầy thuốc. Ai ký tên trên thư tình và ai ký tên nạp mình

cho tờ hôn thú. Tôi chỉ là một con dơi đui vật vờ bay mãi một mình và cuối đường mây là nắm mộ tròn.

Một cái cùi chỏ tông vào sườn cho tôi giật mình nghe Thúy gọi kim :

— Mỏa thì mỏa thích lấy chồng bụi thôi : thương gia, chủ đồn điền, thầu khoán.

Loan thêm nghĩa :

— Chẳng có gì lạ trong tư-tưởng con Thúy. Tao cảm-thông mi triệt-đề vì... gia đình tụi mình đông con... Cuộc đời ăn diện, nhu-cầu vật-chất là nhất gươm nguy-hại. Lòng tốt là tro, tâm-hồn là cùi bắp vô ích vô bổ. Mình chỉ cần nhu-cầu vật-chất thôi. Lấy chồng để trả thù cha mẹ. Tại cha mẹ cứ rầy-rà dẫn vật nhau đay nghiến nhau trước mặt mình, bên tai mình. Tháng này mới 15 tây đã hết tiền, thâm nhiều, nợ nhiều, sau này về hưu thì làm răng. Đó là phương pháp ép uồng mình nên lấy chồng giàu, bỏ nghèo. Cực ghê ! Mong ai đem tiền đến cười quách đi cho rồi. Tao mà nghe ông già bà già đả-đảo nhau vì tiền là đóng cửa đắp mền, nhém bông vào hai tai.

Trâm thùng-thắng :

— Tao a há?... Vật chất có thiếu thiếu một chút mới thích, mới ao ước mong mỏi. Đầy đủ no nê rồi thì bẽ tắc hy-vọng ước mơ... phải không chị Hoài ?

Tôi chắc lười :

— Trâm còn con nít bắt chết. Con nít mà,

Gió sông Hương dịu-dàng mơn-man từng người con gái. Tôi xoay lưng tựa lan-can nhìn xuống mặt sông dáy thăm-thăm lòng chao chao từng đợt tình-cảm. Sông Hương là người con gái trẻ nước ngọt mát pha trà rất thơm. Huế hôm nay hết thú ngủ dò tự do, người đem nhau xuống thuyền tay cầm chắc giấy hôn-thú, thẻ kiểm-tra và tờ khai gia-đình. Mặt sông êm mịn vắng hoe, bao nhiêu ghe dò đều chúi mũi vào cầu Gia-hội. Hong cánh tay gầy trong nắng dữ, quần túm ống gấp cao và gói mớ tóc đen trong khăn quàng đỏ ối, tôi co rướn thân-thể theo đà chân đạp vào bánh xe nhịp-nhàng mềm-mại bơi sải con thuyền lá tre lên miệt trên con nước. Áo vắt vai, quần tam-giác, Vinh ngồi đối-diện miệng ngồm-ngồm cặp chiếc bắp nướng, tai nghe mũi thở và mắt nhìn ngực phập-phồng. Tôi thêm ăn mía, dưa leo, thêm đu đủ, dâu Truồi, củ đậu, thêm mọi thức ăn ướt ngọt để dội mát cơn sốt thân-thể đang bốc ngọn. Má, môi, tay, vai ngực bụng đều đã phạm trọng tội rồi duy miền nam thân hình còn treo trái cấm. Chiếc périssoire bại hoại tê liệt chèo không nổi nữa. Con sông bao phen là chứng-nhân đắc tội của loài người. Đôi mắt đàn ông sáng đỏ và người đàn ông ngồi đó. Tôi nằm dài gối đầu lên thùng périssoire. Con mắt một sung sướng của tình-cảm thụ-động tê-tê ở mỗi đầu khớp xương, tôi mềm nhũn và tôi yếu đuối trong tiếng hát khoẻ mạnh : « người về còn nhớ tiếng hát người em gái bên bờ dòng Hương. Lòng này còn luyến-tiếc

mãi, đêm mất rồi ngày ơi...» Thuyền chòng chành muốn lật úp tôi nhắm mắt đưa tay quần-quai đón Vinh đang cầm mạn gỗ lần từng bước qua thăm bên tôi. Chàng bóp nghiêng đôi vai, kê mặt vào gáy, chàng ngậm vành tai tôi, búng cái mũi rồi bốn cái môi run-rẩy mười chiếc hôn, hôn lên tiếng hát ngọt, lên hai huyết mũi phập-phồng hơi thở nóng. Các mạch máu bây giờ là vô số con kiến bò ngồn ngang trong cơ-thể mùa hạ oi-bức, cơ-thể tôi mòn khô chịu nắng suốt lộ-trình con-gái. Vinh chiêm cứ, Vinh công phá, Vinh gồng cùm tay chân tôi. Thuyền lão-đảo muốn lật, mái chèo dài vương-viu, tôi vùng giật mạnh tay chân về và cởi áo quần ngoài phóng mình xuống nước quẫy khúc lặn lộn trong kiểu bơi loài ếch nhái trốn chạy.

Vinh trở mắt nhìn rồi lao người theo phóng đuổi chỉ một thoáng đã nằm được eo tôi. Hai tôi hụp lặn xuống sâu rúc đầu trong lòng sông tìm môi tìm hôn và tôi nuốt sặc mấy ngụm nước. Vừa tắm vừa bơi thuyền lên đến điện Hòn - chén thì tôi mệt ứ, nằm thở dốc nhìn Vinh súc-tích nhựa sống đu người theo mái chèo sải dài, dài vút như tôi làm con gái.

Tiếng cười nói úp chụp, Một bọn đi qua. Vinh cầm mấy chai nước ngọt đứng lại cho tôi gài sữa chiếc nơ dưới cổ. Tôi vỗ vai chàng :

— Nhiều người đẹp quá, mỗi người mỗi vẻ.. Cẩm đẳng ấy liếc xéo nhìn ngang nghe không ?

Mũi chàng hất ra tiếng hứ :

— Cẩm sao nổi khi ý thích lòng ưa.

Tôi vùng-vằng :

— Rứa thì thì đây đi về.

— Ừ... giận lấy rồi... xin tu-tĩnh từ đây để làm thầy lấy vợ.

— Sắp khai-mạc chưa ?

— Chưa, chưa.. kẻ quan-trọng chưa lộ mặt.

Rồi Vinh kéo tôi hấp-tấp tiến đến chỗ các nàng Văn-khoa. Chàng ngó dáo-dác lựa tìm một kẻ nào rồi bươn-bả đi nhanh xuống lầu. Dân Văn-khoa đang bàn tính sôi-nổi về tổ-chức trại hè Đà-lạt thường niên với những nàng con gái mạnh khỏe thô thô má hồng hơn môi gái Huế, với cây trái rực-rỡ ngon lành, rau sống dưa leo xanh ròn sinh tố. Huế lạnh đay nghiêng tâm-can, Đà-lạt lạnh thấm-thía và dễ thương — nếu Đà-lạt không lạnh thì Đà-lạt đã không dễ thương — sương mù mặt lựa ngái ngủ buồn hoài kỷ niệm mộng lung dễ vỡ. Xa Đà-lạt rồi vẫn còn nhớ mãi cái lạnh trử tình đó. gió nhiên nhưng đợt cây không run, bóp trái mạn vàng óng-ả trong tay tưởng nhớ được chà xác má đỏ của người yêu không đánh phấn. Đường nhỏ trăm ngăm, cây lớn trăm-ngăm, một mình thiếu nữ đi bộ trông cô đơn và tội tội.

— Chị Hoài mơ mộng.

Giọng nói đàn ông thấp dẹt và tiếng ho húng - hắng, tôi ngàng mặt nhìn rất mau rồi cười liền :

— A anh Thạch.

— Chị đang mơ mộng chuyện gì mà bị tôi bắt được như thế này ?

Tôi cười xòa :

— Chuyện chồng con, chán ở với cha mẹ quá rồi ưng chui vào một nhà khác.

Thạch rút vai ngâm tay vào túi quần cười khì. Tôi nhìn anh và thấy cái cà-vạt cột nơi cổ có vẻ thừa đối với lối phục sức đàn ông. Nụ cười anh ta kể cũng khéo nhưng hơi đều đều. Đừng chơi với loại đàn ông đều hay cứ chơi nhưng phải có bùa phép đề trị ?

Thạch tiề môi :

— Tôi có cảm tưởng buổi dạ hội này là một hôn-lễ của ai...chị Hoài...tối nay chị đẹp, giòn-dị, buồn và tâm hồn chị đẹp nhất.

— Ui chà, thằng người gỗ này tán mình đây, thằng con... Tôi nói thăm với tôi câu đó và nói với Thạch câu khác :

— Chà, anh ni nói chuyện có duyên quá, nếu anh chết tôi sẽ phong anh làm tử thần mất.

Tôi cười khanh-khách, khăn tay che chót mũi, Thạch chỉ nhếch nhẹ miệng cười ruồi. Uyên bưng khay bánh đi qua, Thạch hò lại lấy hai chiếc mời tôi một. Tôi le lưỡi liếm chút kem.

— Bánh chi mà dở ẹt. Anh về nhà chế cho tôi ly sữa đi. Giỏi.

Tên đàn ông gõ nhẹ mũi giày cứng rụt ngắn cổ.

— Lợi dụng

Tôi chong to mắt châu mồm :

— Sợ bắt nhập tâm, sợ bị lợi dụng bắt nhập tâm.

— Phải... sợ bắt nhập tâm. Đàn ông con trai kỳ nhất, sợ đứ đừ cái từ ngữ độc địa «lợi dụng»... lợi dụng nghe đau điếng, sạt nghiệp, rách tro phẩm giá con người. Mà càng sợ, càng lạy van, dẫy này từ chối dả kích tận tình thì càng lâm, càng vướng mắc, không làm sao thoát được... Mà đàn bà thì cần lợi-dụng đàn ông như cần trang sức... «tao mà yêu hần à?... lợi dụng đề sai bảo cho sướng». Nghĩ tấm thân nam nhi cồ-thụ mà đại, về nhà cha mẹ nề nang, không nở sai bảo, em út nhờ chi cũng nạt đến nạt đại. Chị Hoài chắc chị cũng muốn lợi dụng...

Một thoáng xao động tươi vui làm lạt màu những cảm giác xấu về nụ cười đều. Tôi vững dạ tìm thấy sự khá tiến-bộ của người đàn ông, lòng mừng mừng như những lúc bắt chợt hít ngửi mùi mít chín trên cây, những buổi mai dịu dàng vạch bụi viollette tìm thấy một vài cọng tím nết-na thùy mị ẩn núp dưới tùm lá rậm dày bao-dung

— Anh nói chi mà bi thảm bi đát bi thương bi thiết quá trời... Còn bi gì nữa nhỉ?... Nên nhớ rằng lợi dụng đàn ông là mang món nợ đời, một món hận không

thề trả nôi bằng tiền, bằng lòng tốt. Thứ nợ đó không có chi để trả ơn, đền công cả, chỉ có đem mình ra để trả mới nôi, đem mình ra để trừ, để đòi chác mới yên. Đàn ông họ nhắm vào sự trả công đó mới cong lưng phục-vụ mình. . Anh Thạch à ai chứ chúng mình thì luôn luôn nhờ vả lẫn nhau trong việc giao-tế. Khi ai mượn tôi một trăm đồng bạc, nếu tôi không có để đưa ra thì lòng quay quắt khổ sở như chính mình đem thân đi mượn tiền mà không được.

Thạch hướng mắt về các nàng Văn-khoa hạ giọng :

— Mấy cô ở đây đo tình yêu theo chiều cao trí-thức, họ yêu những ông bề trên và khinh những thằng bề ngang... ngán quá. Họ chia đàn ông làm 2 hạng thẳng. Tụi này đứng vào hàng ngũ «thẳng»... thẳng Khánh, thẳng Lạc, thẳng Vinh... sanh-viên trí thức cùn.

— Mà các anh thì bao nhiêu con gái người ta là bấy nhiêu em gái mình. Đàn ông ai cũng đầy tham-vọng và kẻ tham vọng nhất là kẻ không có tham vọng nào cả... Kề ra Vinh succès lắm chứ ?

Chị quen Vinh nhiều không ?

— Khá đủ.

Khuôn mặt Thạch hao hao giống Elvis Presley, ông tài-tử người rất dầy, mặt dày thịt mềm mà tôi thề không bao giờ đi xem. Nhưng trên màn ảnh mới có sự lựa chọn chứ ngoài đời mà được đẹp bằng một phần tư Elvis Presley cũng đã tốt lắm nhiều phần rồi.

— Chị có biết chuyện Vinh và Lan đã làm hôn thú với nhau nạp chung vào hồ sơ bổ dụng để được đi dạy cùng một nơi không ? Hai anh chị tính toán tiện ghê !

— Trời đất ! Thạch Thạch anh nói gì anh nói gì trước mặt tôi thế. Trời ơi Thân thề gây đôi cuộc đời gây đôi. Như có chiếc giày lình gót dính sắt đi trên phảm-giá đòi con gái, tôi lú lười hồn hèn vừa điên vừa đau lấp-bấp hỏi Thạch :

— Sao sao... Vinh với Lan... Vinh với Lan à ? tự do làm hôn thú ?

Thạch nhìn xa trầm ngâm. Thề chất tôi thốt bình-thản vô cùng, không một mảy may đau-đớn, áo quần vẫn còn nguyên trên người nhưng tôi cảm thấy thân thề thần-lẫn đang dần dần bộc-lộ một cách dễ hèn và thảm mạt. Tôi đó, tôi sâu róm tôi thần-lẫn, tôi xấu-xa đen bẩn rui-ro. Tôi cũng là con gái và tôi thua lỗ trước những người con gái. Người ta sang ngang và tôi thút thít khóc trên bờ. Thạch nhăn đôi lông mày :

— Khởi cần làm lễ vấn danh, coi tuổi, bỏ trầu, đính hôn... giản dị. Nhảy ngay một bước đến tờ hôn-thú, bản tuyên-ngôn cuối cùng của tình yêu... Hình như Vinh muốn trốn tránh...

(còn tiếp)

TÚY HỒNG

Thanh - Tâm - Tuyển

TRUYỆN DÀI

(khởi đăng từ BK 193)

CÁT LẬY

PHẦN THỨ HAI

2 | Diệp sang sông trên con đò tôi vẫn qua lại thường ngày, buổi sáng giữa những người đi chợ về; thuyền chở nặng trôi chậm trên dòng nước lặng. Nàng nhìn trở lại bờ vừa rời xa, người và vật lúi nhủ lẫn vào nhau thành một khối cử động ngo nguẩy khó phân biệt; căn nhà của Diệp lẫn khuất sau hàng cây mọc cao dần theo dốc đồi và màn nắng mỏng đang buông xuống mặt nước. Lần đầu tiên Diệp vượt ngang con sông nàng vẫn đi dọc theo bờ trên đường về nhà, chưa khi nào tôi rủ nàng sang thăm gia đình tôi, nàng đi một mình với ý định táo bạo mù quáng và giữa sông Diệp hoang mang (chắc chắn như thế) trông trở lại khoảng gần cách thành phố thấy mình bấp bênh trôi không được che chở kín đáo, Bờ sẽ đặt chân lên chỉ là một hàng cây thấp kín dưới bầu trời rộng, không thấy rõ bến và làng xóm đối với người chưa quen thuộc; Diệp nhủ thăm: Trí, anh ở chỗ nào? Tôi sẽ tới một chốn lạ hoặc, nơi Trí sinh ra và lớn lên, tôi có vào được không, tôi sẽ gặp những ai. Diệp không quan niệm được rằng tôi đã bị tách lìa khỏi nơi chốn sinh trưởng từ lâu. Trong ý nghĩ của nàng tôi chỉ là kẻ nặng mặc cảm vì sự cách biệt xã hội giữa hai gia đình và Diệp vượt qua con sông để chứng tỏ với tôi không trở lực nào ngăn cản được nàng. Màu áo xanh nổi trên dòng nắng sáng, Diệp chóng mặt khi nhìn bóng mình in dưới nước, một thoáng hối hận tiếc nhớ cái không khí êm mát tỏa từ những chân tường ướt của mái nhà gia đình, nơi mọi sự bất trắc bị loại trừ, nơi sự ẩm mốc nồng nàn như một chiếc

áo giáp phủ thêm một lần lên người, nơi đời sống hoàn toàn quen thuộc như một niềm quên lãng dịu dàng, nơi sự hứa hẹn cùng tương lai lẫn trong từng cử động thời khác... Những người đứng ngồi trên thuyền, câu chuyện họ trao đổi như một bức tường dày có những nét lem luốc kết hợp thành hình ảnh tùy theo tưởng tượng Diệp ngó mông tới chỗ mở rộng của con sông, thấy tầm mắt bên trái hẹp dần khi chuỗi cây xanh trời ra và kéo dài tới gần mình. Thuyền cập bến, lúc ấy Diệp mới nghe tiếng nước vỗ dưới sạp thuyền, nàng là người bước xuống sau chót, đặt chân lên những viên đá làm bậc vào bờ đất, hai tay nắm chặt hai vạt áo dài và chiếc nón nghiêng che hết một bên mắt. Nón cặp ở bên tay, dưới bóng mát của hàng dừa bên bờ kinh, Diệp bước đi trong nỗi hồi hộp khoắc khoải. Diệp có tự hỏi mình đang tìm kiếm gì? Tại sao mình cứ theo đuổi Trí? Sao không để mặc nó với những cơn khủng khiếp ruộng rẫy? Tình yêu có lẽ chỉ là nỗi niềm hư ngụy trôi buộc — «Tội nghiệp con Diệp» Má tôi nói, má chỉ còn nhớ đến sau lần gặp gỡ duy nhất qua sự xót thương bồi xóa cả hình dung đứa con gái xuất hiện đột ngột một buổi sáng và rồi biến mất. Còn Diệp nhớ bà, chỉ thấy hình ảnh người đàn bà tức tưởi bất lực trước nỗi đau khổ của kẻ khác, phát lộ nỗi đau khổ của chính mình, như một số kiếp khác nữa của Diệp — Không, có lẽ Diệp nghĩ: lẽ ra mình nên mặc tấm áo bà ba, chiếc áo dài làm cho mọi người chú ý; lẽ ra mình nên bắt Trí đưa mình về hơn là tới một mình tự ý; Trí sẽ giận dữ vùng vằng khi hay biết, thầy kệ, Trí phải chịu, phải thua, vì tôi yêu Trí... yêu hơn cả chính tôi...

Chị Lệ đang quét lá ngoài sân trước con Liễn bò lê trên thềm. Chị dừng tay đứng ngó nhìn người thiếu nữ ở bên chợ qua, đi ngang ngoài rào, cặp mắt dáo dác, cố làm vẻ bình tĩnh. Hai người ngó gặp mắt nhau và cái khiếu linh cảm của đàn bà giúp họ nhận ra mối liên lạc mù mờ chưa rõ. Diệp đi tới vài bước, vượt qua nhà, rồi ngấp ngừng trở gót; chị Lệ vẫn đứng im đưa mắt dõi theo cử động của người lạ. Người ta vẫn bảo chị Lệ có những nét giống tôi đặc biệt, riêng tôi tôi không nhận ra và tôi không bao giờ muốn chấp nhận điều ấy, người ngoài nhìn nhận được ngay. Diệp đứng vịn vào cửa rào hỏi:

— Thưa chị, đây là nhà anh Trí.

— Phải. Nhưng nó không có nhà. Nó đi học dưới Sài Gòn. Cô hỏi có việc chi?

— Bác có nhà không chị?

— Có. Má tôi ở trong nhà.

Chị Lệ mở cửa rào, quan sát Diệp. Diệp ôm cái nón lá che ngực, mặt đỏ bừng, mắt ướt, nàng vuốt lại đầu tóc tự nhủ: mình phải đi tới, tới nữa. Chị Lệ mỉm cười, có lẽ chị nghĩ tới những ngày năm trước, chị đặt chân xuống bến xe Sài Gòn, một tay ôm bọc giấy, một tay cặp nón, bờ ngõ đi trên hè phố đô thành đầy cạm bẫy của bọn đàn ông chờ chực để tới gặp anh Tạc; má chị cũng hồng đỏ,

trần lấm tấm mồ hôi, trái tim hồi hộp, bước lính quỳnh băng qua những ngã tư dồn nhóc xe cộ. Và chị bảo dịu dàng :

— Em vô đi. Chị là chị của Trí.

Chị Lệ bỗng con Liễu lên, dẫn đường, chị nói : Đi vòng đây em. Diệp theo chị, đi trên thềm, trước những cánh cửa gỗ đóng kín như nhà không người ở, lách mình tránh chiếc đòn sàng bụi bặm đặt ở đầu thềm, bước xuống đất cát mịn mà những trận mưa còn để lại những dấu trứng của nước chảy giọt từ mái xuống đã đào. Ngang qua nơi cửa sổ mở nhìn vào bàn viết của tôi, Diệp ngập ngừng, nàng nhìn quanh, ngó thấy chị Lệ quay đầu trở lại như thúc dục và đưa nhỏ gục đầu trên vai chị dương cặp mắt tò mò nhìn người lạ. Má ngồi quay lưng lại ở ngoài sân, đang làm việc, những công việc lật vật bận bịu cả ngày ; trông đằng sau lưng bà trẻ hơn trước mặt. Bà đứng lên ngó sưng đũa con gái lạ mặt chưa từng gặp, đứng xớ rớ, đầu cúi gằm tay mìn mê quai nón. Bà không hiểu chuyện gì hết và bà đưa mắt nơi chị Lệ, trong khi Diệp nghẹn ngào nước mắt. Trước đó không rõ Diệp mở lời như thế nào với má, Diệp chỉ nói với tôi : «Em đã sang gặp má, em đã khóc với má, với chị Hai. Anh coi...» Có lẽ Diệp chỉ thốt : «Thưa bác...» thì bao nhiêu ăm ức dồn nén, những khoắc khoải thấp thỏm suốt buổi mai, tuôn thành nước mắt. Má kéo Diệp ngồi xuống ghế, bà ngồi lên bộ ván kế bên, chị Lệ dong đưa ru con.

— Thưa bác... con thương anh Trí..

Má kinh hãi, hết dòm chị Lệ tới dòm Diệp, bà không biết đối xử thế nào' bà ngồi sưng đó chờ đợi. Trong sự im lặng thảng thốt, Diệp bỗng đứng cũng nguội lạnh rùng rùng hết khóc nôi nữa.

— Có chuyện gì con cứ nói bác nghe.

Câu nói của má lại khiến Diệp thồn thức. Và Diệp nói, nàng kể lẽ với má và chị Lệ, nàng năn nỉ má sang hỏi cưới nàng, nàng không muốn phải đi lấy người khác, gia đình nàng chắc chắn ưng thuận, chỉ bởi tôi không chịu nói với má nên nàng phải liều lĩnh tới nói. «Thưa bác... con thương anh Trí...» Diệp ngừng lại sưng sốt nghe tiếng cười riều cợt của chị Lệ

— Trời ơi. Ai biểu em thương cái thằng khùng cho khờ.

Diệp càng sưng sốt hơn khi nghe má kể lẽ về tôi. Bà thương Diệp, mong cho tôi lấy được Diệp, nhưng bà không có quyền quyết định, ở trong nhà không có quyền gì với tôi, tất cả ăn thua ở tôi ; rồi bà cũng khóc, bà thuật cho Diệp những nét xấu của tôi, mối đau khổ của bà vì nhận thấy bà cũng không có giá trị nghĩa lý gì với tôi, tôi là đứa con bà thương mến nhưng đã không còn là con bà ; bà yêu tôi với mối tình không đền đáp...

— Nó khùng ẻm ơi. Má chỉ bình nó thôi.

Diệp tưởng mình cầu cứu được người khác, rồi cuộc chính nàng lại trở thành người phải giúp đỡ má. Diệp hăm: «Đã vậy. Không khi nào, em chịu thua anh. Anh muốn đi tới đâu em theo tới đó .. Anh sẽ không khi nào thoát khỏi tay em đâu.» Tôi hỏi: «Anh đi tới cõi chết. . Em theo không?» «Em theo tới cùng mà... Em còn có thể làm hơn vậy nữa...» Tôi ngỡ Diệp nói trong lúc bỗng bột tức khí, tôi không ngờ... Diệp quyết định từ lúc nào? Cái ý nghĩ ghê gớm nảy ra trong đầu Diệp khi nào? Có lẽ chính Diệp cũng không rõ, không hay, nàng chỉ biết đột nhiên nó xuất hiện như có sẵn nguyên vẹn từ trước, sau khi đặt chân lên bờ trở lại châu thành và nàng cố xô đuổi như một ám ảnh vô lý. Và cứ mỗi bước Diệp đi tới, mỗi cử động, câu nói, mắt nhìn, cả sự im lặng nữa đều như bị quy chiếu theo với ý nghĩ đã mọc... Càng lâu nó càng trở nên thân quen, nhập biến, tiêu tan dễ hóa thành một hành động quyết định phi lý. Có thể buổi Diệp bắt gặp tôi trong nhà Thuận là sau buổi sáng nàng đã gặp má tôi và chị Lệ. Cũng có thể là trước không quan hệ. Khi mọi sự đã nhập vào quá khứ, thời gian không còn là một giòng luân lưu nữa, chúng dồn dúi lại trên cùng một bình diện như những mảnh gương vụn được kết hợp bằng sức của tưởng tượng theo một hướng Định Mệnh... Và Định Mệnh lật lại chỉ là quá khứ được sống lại trong một thời gian giả tạo.

(còn tiếp)

THANH TÂM TUYỀN

QUÝ-VỊ HÃY ĐẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ
MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LẪM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES

LOẠI XÁCH TAY **LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY**

tại nhà in I.N.D.E.O.
IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT.

1, Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone 20.821 — SAIGON



SINH HOẠT

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Hai cuộc nói chuyện của tập-đoàn văn-nghệ-sĩ tự-do « ĐÔNG - PHƯƠNG » tại Huế

Cuối tháng 6 vừa qua, tập đoàn văn nghệ sĩ tự do có tên là Đông-Phương, do các nhà văn : Nguyễn-Thị-Vinh, Phương-Khanh, Nhật-Tiến, Dương-Kiều làm đại diện đã ra thăm Huế và tổ chức hai buổi nói chuyện tại thính phòng Viện Đại-Học Huế để mở đầu cho chương trình hội thảo nằm trong khuôn khổ sinh hoạt của tập đoàn. Mặc dầu lúc đó nhằm đầu mùa nghỉ hè, sinh viên phân tán đi các nơi khá nhiều, nhưng số thính giả vẫn còn đông đảo.

Trong buổi ra mắt — 18 giờ ngày thứ bảy 26-6-1965 — trưởng phái đoàn nữ sĩ Nguyễn-Thị-Vinh đọc diễn từ khai mạc và giới thiệu diễn giả. Chúng tôi xin ghi lại đoạn chính yếu sau đây có thể xem là lời tuyên ngôn của tập đoàn « Trải hai mươi năm trời chịu đựng một cuộc chiến tranh lâu dài và gian khổ, dân tộc ta đã bị mất mát quá nhiều. Niềm tin tưởng hầu như bị tan vỡ. Giá trị nhân bản hầu như bị chà đạp. Tình yêu thương cao quý hầu như bị xâm chiếm bởi lòng hận thù. Nguồn vui sống chất phác, hồn nhiên của đa số quần chúng bị đe dọa bởi những sự lo âu kinh hoàng hay áp chế.

« Cho nên, sự thúc đẩy một cuộc cách mạng toàn diện hướng về tình thương yêu hòa đồng của dân tộc, về công bằng bác ái của xã hội, và về giá trị nhân bản cao quý của con người là một nhiệm vụ khẩn thiết, nhất là trong giai đoạn mà chúng ta luôn luôn phải võ trang tinh thần, thường trực đối phó với những cuộc xâm lăng của Cộng sản, độc tài, hay thực dân phong kiến.



Thính đường viện đại học Huế trong buổi thuyết trình của nhà văn Nhật-Tiến (hàng ghế danh dự) người đầu (bên trái): Nguyễn-Thị-Vinh, người thứ tư: bà Nhật-Tiến.

« Chúng tôi lại nhận định rằng, trong giai đoạn cực kì khó khăn hiện tại, tình hình đất nước mỗi lúc một biến chuyển cam go và dồn dập, nhiệm vụ của người cầm bút là phải hòa mình vào công cuộc tranh đấu cho sự tồn vong của đất nước, người cầm bút không thể khoanh tay ngồi yên một chỗ, chỉ đối diện với chính mình, và sáng tạo những văn nghệ phẩm thoát ra ngoài mối lo âu của toàn thể dân tộc.

« Lại nữa, chúng tôi quan niệm rằng trong một tương lai gần hay xa, có một ngày chiến tranh phải chấm dứt. Sự đấu tranh giữa hai ý thức hệ Tự do và Cộng sản sẽ phải chuyển sang một giai đoạn mà chúng ta phải giải quyết vấn đề văn hóa và chính trị nhiều hơn vấn đề quân sự, bởi vì chỉ có Văn hóa và Chính trị mới đủ tiềm lực khắc phục Cộng sản một cách hiệu nghiệm và lâu dài.

Rồi diễn giả, Nhật-Tiến — tuổi trẻ mà tác phẩm... cao : 9 tác phẩm chất chồng trong 7 năm — ra mắt thính giả của cố đô, mà phần đông là anh chị em sinh viên Huế, với đề tài : « *Một vài nhận định về sinh hoạt Tiểu thuyết V. N. hiện nay* ».

Sau mấy lời mở đầu khéo léo mà người nghe đã thấy miễn ngay người nói,

tác giả xác định vai trò và sứ mạng của bộ môn Tiểu thuyết đối với lịch sử dân tộc. Theo ý tác giả « Vách đá cheo leo » các nhà văn nước ta phần đông đã làm thất vọng người đọc, các tác phẩm văn nghệ không đáp ứng được nhu cầu khẩn thiết của quốc gia trong giai đoạn hiện tại, là phục hồi sức mạnh của Văn hóa, gây sự tín nhiệm của người đọc đối với người viết và tiểu thuyết Việt không thể hiện được hoàn cảnh sinh hoạt của dân tộc Việt trong công cuộc vừa phải khắc phục hiện tại cam go để sinh tồn và vừa phải kiến thiết để phục hưng xứ sở.

Nhưng tình trạng đáng buồn này mà có, là vì nhà văn Việt ta phải đung đầu với nhiều nỗi khó khăn, mà diễn giả lần lượt trình bày :

1. Đời sống của nhà văn ta quá chật vật, nghèo nàn.
2. Một số nhà văn xa độc giả vì mô phỏng những nguồn cảm hứng xuất phát từ một xã hội xa lạ với độc giả.
3. Sự ấn hành tác phẩm quá cam go :
Hoặc có nhà xuất bản nhận in, hoặc phải chung góp tiền (số ấn hành quá ít ỏi), hoặc phải in bằng ronéo (trường hợp Đại-Nam Văn-Hiến), hoặc phải bán xe, cầm cố sản nghiệp để lấy tiền in !
4. Hiện tượng truyện kiếm hiệp lan tràn bóp nghẹt văn nghệ phẩm.
5. Việc cho thuê truyện làm thiệt thòi sự xuất bản.
6. Tình trạng phê bình : nghèo nàn, kém cỏi, thiên vị.

Ngoài những khó khăn trên của ngành tiểu thuyết hiện đại, chính quyền lại « chưa ý thức được tầm quan trọng đúng mức của vai trò văn hóa trong công cuộc phục hưng và xây dựng xứ sở ». Do sự lãng quên văn hóa này mà thành phần đông đảo của văn nghệ sĩ, đã bị phân hóa thành từng nhóm lẻ tẻ, rời rạc, gây nên bộ mặt buồn nản của văn hóa hiện nay. Diễn giả kêu gọi « đã đến lúc mà toàn thể chúng ta những người ở trong cũng như những người ở ngoài chính quyền phải ý thức lại nhiệm vụ của mình trong công cuộc phát huy nền văn hóa của dân tộc » người đọc thì nên sáng suốt nhận định và lựa chọn tác phẩm, người viết thì nên có tinh thần trách nhiệm sâu xa, chính quyền thì nên có một chính sách rõ rệt về văn hóa. Diễn giả kết luận :

« Ở cả ba lãnh vực : người viết, người đọc và chính quyền, nếu tất cả đều đồng lòng liên kết trên một căn bản tối thượng là quyết tâm gìn giữ và phát huy nền văn hóa dân tộc, dùng văn chương và nghệ thuật làm phương tiện tranh đấu cho sự tự do, công bằng, bác ái và cho sự nâng cao giá trị cao quý của con người, thì chúng ta tin rằng tương lai của Văn hóa Việt-Nam sẽ mau chóng thoát khỏi khung cảnh buồn tẻ và yếu đuối hiện nay để tiến tới một tương lai rạng rỡ và huy hoàng ».

Ngày hôm sau 27-6-65 hồi 10 giờ, đến lượt nhà văn Dương-Kiến ra mắt công chúng cổ đô với đề tài « *Các biến trình cách mạng qua lịch sử thế giới* ». Dương-Kiến, Dương-thứ-Lang, học luật, làm trạng sư nhưng lại là tác-giả một tập thơ « *Thú đau thương* », lại là cha đẻ một vở kịch « *Sân khấu* », lại đang cho in bản dịch một tác phẩm dài của Camus.

Mở đầu diễn giả lưu ý ngay người nghe về cái hố diệt vong mà chúng ta sắp đến gần nếu chúng ta không đủ sáng suốt hay đủ ý chí để hoàn thành một cuộc cách mạng thực sự.

Theo diễn giả bất luận cuộc cách mạng nào cũng gồm 5 yếu tố : Bất quân bình trầm trọng của tổ chức xã hội — Đa số quần chúng đòi xóa bỏ bất quân bình ấy — Bạo lực hoặc biện pháp khốc liệt thường đi đôi với Cách mạng — Cách mạng đem lại những thay đổi lớn — những thay đổi ấy nhằm thực hiện những cơ cấu mới những tương quan mới.

Để có một quan niệm về biến trình của một cuộc Cách mạng, diễn giả tìm lại diễn biến của 2 cuộc Cách mạng lớn : Cách mạng 1789 của Pháp và Cách mạng 1917 của Nga. Công việc kiểm điểm đã đưa đến những nhận xét như sau :

« Một cuộc cách mạng khi đã được châm ngòi, nó càng ngày càng tiến dần trên những nấc thang cực đoan (...) Phần tử cực đoan trong giai đoạn 1 trở nên bảo thủ trong giai đoạn 2, kẻ cực đoan trong giai đoạn 2 trở nên bảo thủ trong giai đoạn 3, các nhóm cấp tiến liên tiếp thay thế nhau. *Đó là giai đoạn cao trào của cách mạng.* »

« Nhưng khi sự cực đoan tiến đến chỗ quá khích mù quáng, các nhóm cách mạng quay sang tương tàn lẫn nhau. Đó là thời kì hỗn loạn mở màn cho giai đoạn 2 : *giai đoạn thoái trào cách mạng* ».

Rồi giai đoạn thoái trào Cách mạng trên đây dẫn tới thời kỳ mà các lực lượng bảo thủ, phản cách mạng hoặc đầu cơ cách mạng sẽ củng cố lực lượng, đến một lúc mà quần chúng không mong gì hơn là được yên thân, một chế độ độc tài sẽ được thiết lập : đó là trường hợp Nã-Phá-Luân và Staline trong hai cuộc cách mạng Pháp và Nga. »

Nhìn lại tình trạng lâm nguy của đất nước, tiếng cách mạng ta dùng đã nhiều, nhưng ta đã làm cách mạng rồi chưa ?

Diễn giả tin rằng thính giả đều đồng ý trả lời : *Chưa*. Vì « một cuộc cách mạng phải bắt nguồn từ những yếu tố tư tưởng vượt thời gian nhằm tố cáo sự phi lý của tình trạng hiện hữu và trình bày một đề án xã hội tương lai. » Mà xét cái tên ta gán cho những hành động từ ngày lật đổ chế độ họ Ngô ; cái

tên *cách mạng* — không dựa trên một hệ thống tư tưởng mạch lạc nào, không nhằm một cứu cánh rõ rệt nào. Tuy gần đây, khuynh hướng cấp tiến có vẻ thăng thế, nhưng chưa đáng được mệnh danh là một cao trào cách mạng.

Và trong năm yếu tố của một cuộc cách mạng, thành thật mà nói, chúng ta chưa thực hiện được một yếu tố nào, từ tư tưởng cho đến hành động, cho đến sự đổi thay các giá trị. Chúng ta, theo diễn giả, chỉ còn một con đường :

« Phát động một cuộc cách mạng thực sự với cứu cánh chính yếu : thoát li hoàn cảnh chậm tiến, thực hiện quyền sống tối thiểu cho dân tộc và san bằng những bất công phi lí. Cứu cách phụ thuộc sẽ tự nó thành hình : Chúng ta lấy thực chất cách mạng để vượt qua mọi thủ đoạn đầu cơ cách mạng của Cộng sản. Có lẽ chỉ có một giải pháp chống Cộng ấy xứng đáng mệnh danh là giải pháp vì nó đáp ứng đúng thực tại lịch sử, thực tại ấy dựa trên khát vọng tiến bộ và tốc độ tiến bộ ngày một cấp bách của dân tộc và nhân dân. »

Cuộc hội thảo sau đó giữa diễn giả và thính giả rất là sôi nổi nhưng vẫn giữ được sự lễ độ, ôn hòa thân mật.

NGUYỄN - NGU - Í

(thuật theo tài-liệu của một sinh viên Huế)

Buổi hội thảo về vấn đề : CẢI THIỆN GIÁO DỤC và BÀI TRỪ ẮN LOÁT PHẨM ĐẦU ĐỘC THANH THIẾU NHI

« .. Nhận thấy giáo dục Thanh Thiếu Nhi hiện tại sa vào một tình trạng nguy ngập với những ắn loét phẩm đầu độc Thanh Thiếu Nhi đầy dẫy trên thị trường.

« ... Chúng tôi, những hội đoàn kí tên dưới đây thiết tha kêu gọi quý vị hưởng ứng cuộc hội thảo rộng lớn đề tiến tới việc thành lập một lực lượng bảo vệ tinh thần Thanh Thiếu Nhi ».

Lời kêu gọi trên đây của nhóm hội đoàn vận động thành lập Lực lượng bảo vệ tinh thần Thanh Thiếu Nhi và của hội Bạn trẻ em Việt Nam đã được đáp lại một cách... lạc quan. Trên trăm rưởi người đầu bạc cạnh đầu xanh — nhà tu có, nhà giáo có, nhà báo có, nhà luật có, nhà kinh doanh có, anh chị em sinh viên và hướng đạo có... đã đến dự cuộc hội thảo cần thiết này tại thành đường viện Quốc gia Âm nhạc Saigon, số 112 đường Nguyễn-Du, sáng Chủ nhật 4-7-1965 lúc 9 giờ.

..

Thoạt tiên, ông Nguyễn-văn-Hoanh, Chủ tịch hội Bạn trẻ em Việt-Nam, lên nói mấy lời về hiện trạng nguy ngập của Thanh Thiếu Nhi cùng hiềm họa do

Hội Bạn trẻ Việt Nam, hội Khổng học Việt Nam, hội Bảo vệ Luân lí, nghiệp đoàn Giáo học tư thực, hội Phụ Huynh học sinh, Tổng hội sinh viên.

các sách báo nhi đồng đầu độc gây nên, nỗi lo âu gần như hốt hoảng của các bậc phụ huynh và những ai hằng quan tâm đến tiền đồ dân tộc, sự cần thiết phải lên tiếng báo nguy và mạnh dạn chống lại làn sóng cuồng dại này. Rồi ông kêu gọi thiện chí và lòng tích cực của mọi người có mặt và long trọng tuyên bố khai mạc cuộc hội thảo.

Ban tổ chức giới thiệu ban chủ tọa gồm có ông Trần-Thúc-Linh, thẩm phán, ông Trần-văn-Đất, hiệu trưởng trường Sư phạm thực hành Saigon và bà Trần-Thị Tố-Tâm, giáo sư trường nữ Trung học Gia-Long. Ban thư kí gồm có ba người, trong đó có nữ sĩ rất quen thuộc với độc giả Bách Khoa : bà Vân-Trang một nhà tân giáo dục.

Ông Trần-Kim-Bảng, đại diện nghiệp đoàn giáo học tư thực — tức nhà văn Thiên-Giang — mở đầu cuộc thuyết trình, quyết liệt và hùng hồn. Giáo dục quan trọng đối với đời sống cá nhân, đối với gia đình, đối với xã hội như thế nào, ảnh hưởng của giáo dục đối với tương lai của đất nước và vận mạng của dân tộc ra sao, được ông nói đến, gọn gàng và đầy đủ. Ông cho thấy mục đích giáo dục trước kia : đào tạo một lớp người « thượng lưu », con ông cháu cha, đề phụng sự cho nhà cầm quyền, nay không thể chấp nhận được nữa, và ông mong mỗi một nền giáo dục mới phụng sự thiết thực và hữu hiệu cho nhân dân.

Nói lời người chiến sĩ xã hội giờ chuyên về tân giáo dục này, ông Võ-như-Lân, uỷ viên tuyên huấn Tổng hội Sinh viên Sài-Gòn, phơi bày một cách cụ thể hiện trạng đau buồn : lớp người ít khi giới tự vệ nhất — Thanh Thiếu Nhi — đang bị công phản đầu độc bằng sách, báo, phim ảnh nhằm nhí, dơ bẩn. Việc học hành, việc giải trí hiện nay của Thanh Thiếu Nhi đã quá hùng biện đề chứng tỏ hiện trạng nguy ngập của nền giáo dục Thanh Thiếu Nhi. Vậy, những ai là những bậc cha, anh phải họp nhau lại mà cùng tìm biện pháp để cải thiện tình trạng đen tối này.

Ông Vũ-Hạnh, nhà giáo, nhà văn, mà cũng là nhà báo, đã đồng đặc phanh phui những nỗi khó khăn, cùng đề nghị những biện pháp, tiêu cực có, tích cực có, đề bài trừ ấn loát phạm đời truy đề xây dựng lại tinh thần Thanh Thiếu Nhi đã nhiễm độc quá nhiều. Trong các đề nghị tích cực, có đề nghị rất đáng ghi, là can thiệp với nhà cầm quyền để những ai có tâm huyết với tuổi trẻ được phép ra báo, ra sách thiếu nhi một cách dễ dàng và được giúp đỡ thiết thực.

..

Cuộc thảo luận sôi nổi vui vẻ : Có đề nghị xin tịch thu các loại ấn loát phạm đầu độc Thanh Thiếu Nhi, phát triển phong trào hội thảo về các vấn đề giáo dục, nâng cao phần thưởng hạnh kiểm ở học đường, điểm hạnh kiểm được thêm vào các kì thi v.v... Có đề nghị xin cho người đại diện của lực lượng được sung vào ban kiểm duyệt, xin cho mọi sự dễ dàng đối với những người

có thiện chí, có khả năng, muốn ra báo hoặc làm phim ảnh phục vụ cho thanh thiếu nhi, có đề nghị xuất bản hẳn một tờ báo nhi đồng hàng ngày... Có vị thấy cần đặt nặng tầm quan trọng của giáo dục gia đình vì trẻ em tiếp xúc với gia đình với hệ phổ (xã hội) nhiều hơn với học đường. Các phụ huynh nhiều khi không hiểu nổi con em, vậy phải có sách chỉ vẽ cho phụ huynh phương pháp dạy trẻ. Có vị còn đòi phải tiến tới việc mở trường dạy làm cha mẹ (école des parents) nữa...

Cuộc thảo luận được kết thúc bằng một quyết nghị :

- nghiên cứu và đề nghị những biện pháp cải thiện giáo dục học đường
- tạo ý thức về mối nguy hại của những ấn loát phẩm : khiêu dâm, đồi phong bại tục ; kích thích tính hiếu sát, hiếu chiến và các thị hiếu thấp hèn của con người.
- Yêu cầu chánh quyền : thành lập hội đồng kiểm duyệt đặc biệt đối với các ấn loát phẩm dành cho thanh thiếu nhi ; tịch thu, cấm lưu hành những ấn loát phẩm nguy hại nói ở trên ; qui định những nơi giải trí và giờ giải trí dành cho Thanh Thiếu Nhi.
- Nâng đỡ và khuyến khích những cơ sở xuất bản ấn loát phẩm và những tổ chức giải trí lành mạnh.

oOo

Sau hết các cá nhân và đoàn thể tham dự cuộc hội thảo này đương nhiên họp thành *Hội đồng bảo vệ tinh thần Thanh Thiếu Nhi* và Hội đồng uỷ nhiệm một Ban Thường vụ đề thi hành quyết nghị trên đây — Ban Thường vụ gồm 11 hội đoàn và 17 cá nhân (nhà giáo, nhà văn, nhà báo, luật gia, bác sĩ).

NGUYỄN-NGU-Í

TIN VĂN

● Trong giới xuất bản miền Nam được mệnh danh là cơ sở xuất bản, những cơ sở do chính văn nhơn đảm đang lấy « một mình ». Tùy phái cũng mình, thầy cò cũng mình, giao sách cũng mình, nhận tiền cũng là mình, và thường thì tác giả cũng là mình nốt.

Nhưng có lẽ nhà *Thời Mới* là xứng hơn ai hết cái danh hiệu ấy — mới xứng có mấy ngày nay thôi — vì ông giám đốc của nó mới cho chào đời... « *Một mình* » một truyện dài khá dày của... Võ Phiến. Bạn đọc hẳn còn nhớ đôi đoạn mà tác giả đã trích đăng trên mặt báo này. Hỏi anh, kẻ công chức trong tác phẩm mới này có phải là anh không, thì được đáp với nụ cười : « Có người mà cũng có

ta». Hỏi về kĩ thuật lần này có gì mới không, thì lại được đáp cũng với nụ cười : « Có mới mà cũng có cũ ». Bực quá, hỏi anh vậy *một mình mà có thương hoài...* ai không, thì anh mới hết cười mà... *thở dài*. (1)

● Năm nay, hội Văn Bút quốc tế nhóm tại Bled, một thị trấn của Nam Tư từ 1 đến 8 tháng 7. Trung Tâm Văn Bút Việt-Nam được mời như thường lệ, nhưng vào giờ chót, tưởng đâu vắng mặt... phái đoàn Việt-Nam. Chánh phủ chỉ cho một đại diện đi. Vũ-Hoàng-Chương, chủ tịch, được cử. Nhà thơ họ Vũ yêu cầu được đi hai người đề « có chị có em » : vào « hang hùm » mà đơn thương độc mã thì là một lối tự tử, huống chi tác giả « *Thơ say* » là một nghệ sĩ thuần túy. Được trả lời vì cần « kham khổ », chỉ được đi một người thôi. Tác giả « *Mây* » lại có ý đề nghị : nhường cho Hồ-Hữu-Tường, cố vấn nhóm, nhà văn hóa kiêm chánh trị gia, và lại là người chiến sĩ mác xít đã chối bỏ chủ nghĩa Mác-Lê — bằng không thì anh từ chối cuộc « phó hội » văn chương này trên đất tổ của Tito. Nhưng rồi, « mộng không thành », thì theo lời khuyên của vài bạn, họ Vũ sách hai va li nặng lên đường đề « thử liệu một chuyến xem sao ». Họ Vũ đã bị rắc rối vì giấy tờ vào giờ chót, đến hội trường khi hội nghị khai mạc đã... 6 hôm. Tưởng đâu tiếng nói của con nhà cầm bút nước Việt tự do đã không được cất lên, nhưng nhờ bao nhiêu may mắn, và bấy nhiêu can trường, họ Vũ đã xáo trộn cả chương trình, được phái đoàn Nhật nhường phát biểu ý kiến rồi ngâm Kiều, rồi ngâm thơ, rồi được hoan nghinh nồng nhiệt, và khi rồi máy vi âm, là phóng viên một tờ báo văn nghệ Nam-Tư đặt liền ra 10 câu hỏi. Chuyến đi « rừng rợn li kì » mà không lâm li, bi đát này các bạn chờ B.K. số tới sẽ rõ.

15 NGÀY TIN TỨC

● Chiến tranh mở rộng ra miền Bắc

Việc oanh tạc miền Bắc vẫn nhằm các cầu, đường xe lửa, toa xe lửa, quân xa, xà lan, kho dầu, kho đạn v.v. Ga xe lửa Thanh-Hóa bị dội bom 2 lần 5/7 và 6/7, kho đạn Quý Hậu (cách Hà Nội 80km) bị dội bom 3 lần (27/6, 2/7 và 3/7).

Các địa điểm mới, bị oanh tạc là : Điện biên Phủ (2/7 và 4/7), kho quân nhu Yên Bái (10-12/7) và những hầm xăng ở Nam Định (2/7) nơi bị ném bom gần Hà Nội nhất.

Sáng 4/7 trong một trận không chiến ở Tây Bắc Hà Nội, 2 Mig 17 đã bị phi cơ H.K. bắn hạ.

● Chiến sự ở miền Nam

— Những cuộc hành quân táo thanh diệt địch của ta gồm có : Hành quân Tiền Giang 24, Cai Lậy, Định Tường (27/6) nhiều cán bộ tỉnh ủy, huyện ủy, bị chết, bị bắt ; hành quân Dân Tiến 107, Thuận Mãn, Phú Bồn (29/6 đến 1/7)

(1) Tên ba tác phẩm của Võ-Phiến.

hành quân Dân Chí 143, Vinh Châu, Bạc Liêu (4/7) hành quân Phi Long 920-B Vinh Bình (8/7) ; oanh tạc chiến khu D (5/7 và 7/7) hành quân hỗn hợp tảo thanh chiến khu D do lực lượng Việt, Mỹ, Úc (6/7 đến 9/7).

— *Những cuộc tấn công của địch* tại Đức Hòa (26/6) đồn Ba Gia (5/7) đánh chiếm quận lỵ Dakto (Kontum) (6/7) tấn công đoàn tàu 28 chiếc tại Bình Dương (6/7). Pháo kích căn cứ không quân và trung tâm huấn luyện Hải quân Nha Trang (28/6) phi trường Đà Nẵng (30/6) phi trường Sóc Trăng (2/7) phi trường Cần Thơ (3/7).

● Hoạt động của chính quyền

24-6 : Ủy ban lãnh đạo quốc gia và Ủy ban hành pháp họp báo công bố các quyết định :

- tuyên bố tình trạng chiến tranh (Thiếu tướng Lê Nguyên Khang, Tổng trấn Saigon-Gia Định ; giới nghiêm từ 11 giờ đêm đến 2 giờ sáng)
- đoạn giao với Pháp.
- chính sách khắc khổ.
- đóng cửa 36 nhật báo Việt ngữ trong 1 tháng kể từ ngày 1/7 để chấn chỉnh làng báo hàng ngày.

7-7 : Binh sĩ được tăng lương, tăng phụ cấp gia đình, Chủ tịch UBHP và các nhân viên chánh phủ giảm gần một nửa lương.

● Báo chí

24-6 : Quyết định đóng cửa báo Việt ngữ làm cho các ký giả Việt phản đối bỏ cuộc họp báo ra về, họp bất thường 19 giờ chiều hôm đó quyết định : không tường thuật cuộc họp báo, đăng lên nửa trang đầu trong khung đen : «Chúng tôi cực lực phản đối quyết định đóng cửa tất cả các báo».

25-6 : Đại diện chủ báo và ký giả gặp T.T. Chủ tịch UBHP về biện pháp lãnh mạnh hóa báo chí.

26-6 : Chủ báo, ký giả cử một phái đoàn tiếp xúc với ông Ủy viên Tâm Lý chiến.

28-6 : Ủy ban đại diện báo chí quyết định 10 tiêu chuẩn cải tiến báo chí.

1-7 : Các báo chí Việt ngữ đều bị đóng cửa.

2-7 : Ủy ban đại diện báo chí tiếp xúc lần thứ hai với T.T. Chủ tịch UBHP. Tổ chức báo chí quốc tế tại Tunis gửi một điện tín cho T.T. Chủ tịch UBHP tỏ bày mối lo ngại về biện pháp đóng cửa tất cả các báo Việt ngữ.

3-7 : Bộ Tâm lý chiến ký nghị định thu hồi giấy phép xuất bản 13 nhật báo : Nghị luận, Dân ta, Dân quyền, Chuông mai, Ngày mới, Ý dân, Lẽ sống mới, Thăng, Trắng đen, Tương lai.

23 nhật báo còn lại được tiếp tục xuất bản và lại ra mắt độc giả bắt đầu từ 3 giờ chiều 4/7 và 5/7.

● Các tin tức khác

- *Phái đoàn nghị sĩ Đại Hàn* tới thăm V.N. trong 2 ngày (23/6).
- *Vụ nổ bến Bạch Đằng* 20 giờ 25/6 (2 quả mìn có định hướng nổ gần nhà hàng nổi Mỹ Cảnh) : 24 Mỹ kiều và 18 người Việt thiệt mạng, 80 người bị thương.
- *Việt Cộng trả thù* : Trung sĩ Mỹ Harold George Bennett bị bắt trong trận Bình Giả (29/12/64) bị V.C. bắn chết 2 giờ chiều ngày 24/5 để trả thù vụ tên khủng bố Trần văn-Đang bị hành quyết ngày 22/6.
- *Một ổ đặc công V.C. ở Saigon* bị bắt với đủ tài liệu, gồm 23 nam nữ học sinh (27/6).
- *Phái đoàn các nhà lãnh đạo tôn giáo Hoa Kỳ* trong khuôn khổ một cuộc du hành tìm biện pháp hòa giải về V.N. đã tới Saigon ngày 4/7 và tiếp xúc với T.T. Thích Tâm Châu và Thích Trí Quang tại VHĐ chiều 5/7.
- *Học khóa cử nhân luật* tăng lên 4 năm kể từ niên khóa 65-66 thay vì 3 năm như cũ.
- *Nghị sĩ Lao động Anh H. Davies* sang Hà Nội (7/7) theo lời mời của Hồ-chí Minh, Ô. Davies đi với tư cách đặc phái viên của Thủ tướng Anh.
- *Đại sứ Taylor* được T.T. Johnson chấp thuận đơn từ chức Đại sứ H.K. tại V.N., Ô. Cabot Lodge được cử sang thay thế.

..

- *Hội nghị Á Phi* : Hội nghị các Ngoại trưởng hoãn đến 28/10/65 và hội nghị các Thủ tướng hoãn đến 5/11/65.
- *Hung Gia Lợi* : 29/6 Thủ tướng Janos Kadar từ chức để chỉ giữ nhiệm vụ Tổng bí thư Đảng C.S. Hung và Phó Thủ tướng Gyula Kallai lên thay.
- *Văn bút quốc tế* : 2/7 soạn giả Arthur Miller (H.K.) được bầu làm Chủ tịch Hội Văn bút quốc tế.